

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tên đề tài:

**GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH
GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK**

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. NGUYỄN THỊ HẰNG**

Đắk Lắk, 2024

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tên đề tài:

**GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH
GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK**

Chủ nhiệm đề tài: **ThS. NGUYỄN THỊ HẰNG**

Đắk Lắk, 2024

LỜI CẢM ƠN

Để đề tài được hoàn thành, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến: Ban giám hiệu nhà trường, khoa Giáo dục Mầm non, phòng Đào tạo - Bồi dưỡng, phòng Tổ chức cán bộ - Công tác sinh viên cùng toàn thể quý Thầy, Cô giáo trong trường và các em sinh viên khoa Giáo dục Mầm non đã giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu.

Tuy có nhiều nỗ lực nhưng chắc chắn đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý Thầy, Cô giáo và toàn thể các bạn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Buôn Ma Thuột, tháng 10 năm 2024

Tác giả

Nguyễn Thị Hằng

DANH MỤC TỪ/ CỤM TỪ VIẾT TẮT

ĐĐNN:	Đạo đức nghề nghiệp
BGH:	Ban giám hiệu
BT	Bình thường
CBQL	Cán bộ quản lý
CĐSP	Cao đẳng Sư phạm
CNH-HĐH:	Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá
CSVC	Cơ sở vật chất
CT	Chưa tốt
ĐTB	Điểm trung bình
GD - ĐT:	Giáo dục - Đào tạo
GDMN	Giáo dục Mầm non
GV	Giảng viên
GVMN:	Giáo viên mầm non
IKT	Ít khả thi
KBG	Không bao giờ
KCT	Không cần thiết
KKT	Không khả thi
KTTT	Kinh tế thị trường
LLGD:	Lực lượng giáo dục
RCT	Rất cần thiết
RKT	Rất khả thi
RT	Rất tốt
RTX	Rất thường xuyên
SL	Số lượng
STT	Số thứ tự
SV:	Sinh viên
T	Tốt
TB	Thứ bậc
TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
TT	Thỉnh thoảng
TTSP	Thực tập sư phạm
TX	Thường xuyên
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa

MỤC LỤC

1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu.....	3
4. Giả thuyết khoa học	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
6. Phạm vi nghiên cứu	4
7. Đóng góp mới của đề tài.....	4
8. Phương pháp nghiên cứu	4
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM.....	5
1.1. Khái quát lịch sử nghiên cứu vấn đề	5
1.1.1. Trên thế giới	5
1.1.2. Ở Việt Nam	7
1.2. Các khái niệm cơ bản	14
1.2.1. Đạo đức nghề nghiệp.....	14
1.3. Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non	20
1.3.1. Vị trí, vai trò của đạo đức nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non	20
1.3.2. Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đặc thù của người giáo viên mầm non.	21
1.4. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm.....	24
1.4.1. Đặc điểm tâm lý của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm	24
1.4.2. Vai trò của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm.....	26
1.4.3. Một số mục tiêu, nội dung và nguyên tắc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm.....	27
1.4.5. Những con đường cơ bản nhằm giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm.....	34
1.4.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm	38
Tiểu kết chương 1	41
Chương 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK.....	41
2.1. Tổ chức nghiên cứu	42
2.1.1. Vài nét về mẫu nghiên cứu.....	42
2.1.2. Tiến trình nghiên cứu.....	43
2.2. Các phương pháp nghiên cứu:	43

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu	43
2.2.2. Phương pháp quan sát.....	44
2.2.3. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi	44
2.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu	46
2.2.5. Phương pháp đàm thoại.....	47
2.3.6. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.....	47
2.3.7. Phương pháp khảo nghiệm.....	48
Tiểu kết chương 2	48
Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮC LẮK	50
3.1. Thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư Phạm Đắc Lắc	50
3.1.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắc Lắc về giáo dục đạo đức nghề nghiệp.....	50
3.1.2. Thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắc Lắc.	55
3.2. Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắc Lắc	77
3.3. Tổ chức khảo nghiệm tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Đắc Lắc.....	91
Tiểu kết chương 3	95
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	96
1. Kết luận.....	96
2. Kiến nghị	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	101

DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ LIỆU VÀ BIỂU ĐỒ

1. Bảng số liệu

Bảng 3.1. Đánh giá của CBQL, GV và SV về tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người GVMN	50
Bảng 3.2: Đánh giá của CBQL, GV và SV về các phẩm chất ĐĐNN cần thiết, đặc thù của người GVMN.	52
Bảng 3.3: Đánh giá của CBQL, GV và SV về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.....	54
Bảng 3.4. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.....	56
Bảng 3.5. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ thực hiện các nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.....	59
Bảng 3.6. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ thực hiện các con đường giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.....	60
Bảng 3.7. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ tham gia giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN của các LLGD	64
Bảng 3.8: Đánh giá của CBQL, GV và SV về tính hiệu quả việc thực hiện các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN đã được nhà trường triển khai.....	66
Bảng 3.9. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ tự tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN của SV ngành GDMN.....	70

1. Biểu đồ

Biểu đồ 3.1. Đánh giá của CBQL, GV và SV về nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục ĐĐNN của SV ngành GDMN.....	73
Biểu đồ 3.2. Đánh giá của CBQL, GV và SV về nguyên nhân khách quan ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục ĐĐNN của SV ngành GDMN.....	75
Biểu đồ 3.3. Đánh giá của CBQL, GV về mức độ cần thiết của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.....	92
Biểu đồ 3.4. Đánh giá của CBQL, GV về mức độ khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN	93

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non là vấn đề nhận được sự quan tâm đặc biệt của xã hội. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất đề cao đến vai trò đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non. Người đã khẳng định: *“Làm mẫu giáo tức là thay mẹ dạy trẻ. Muốn làm được thế thì trước hết phải yêu trẻ. Các cháu nhỏ hay quý, phải bền bỉ, chịu khó mới nuôi dạy được các cháu. Dạy trẻ cũng như trồng cây non. Trồng cây non được tốt thì sau này cây lên tốt. Dạy trẻ nhỏ tốt thì sau này các cháu thành người tốt”*; *“Anh chị em giáo viên và mẫu giáo cần luôn luôn gương mẫu về đạo đức để các cháu noi theo”*. [43,286] Như vậy, người GVMN muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non thì trước hết họ phải có nhân cách mẫu mực, có đạo đức, lối sống trong sáng, yêu nghề, mến trẻ, tận tụy với công việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Những phẩm chất đạo đức của người GVMN không phải tự nhiên có mà đó là kết quả của một quá trình giáo dục lâu dài của cá nhân, nhà trường và xã hội, đặc biệt là hoạt động đào tạo nghề tại các trường sư phạm.

Giáo dục ĐĐNN nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN – những GVMN tương lai nói riêng luôn được các trường sư phạm đặc biệt quan tâm. Việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngay từ khi các em đang ngồi trên ghế nhà trường sư phạm đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho SV, góp phần định hướng SV nắm vững các chuẩn mực nghề, đặc biệt là chuẩn mực liên quan đến lối sống, hành vi, ứng xử của người GVMN đối với trẻ mầm non và trong các mối quan hệ khác. Thông qua quá trình giáo dục ĐĐNN, SV sẽ chuyển hóa những chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức nghề thành tri thức, thái độ và hành vi thói quen đạo đức của bản thân, đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp và yêu cầu ngày càng cao của xã hội sau khi ra trường.

Trường CĐSP Đắk Lắk có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ GVMN tương lai. Trong những năm qua nhà trường luôn chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục,

đào tạo. Ngoài nhiệm vụ đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho SV thì vấn đề giáo dục ĐĐNN cũng được nhà trường quan tâm. Hằng năm, ngoài việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nhà trường đã tổ chức các hoạt động ngoại khóa, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao...qua đó giúp SV nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đồng thời lồng ghép nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN và đạt được những thành tựu nhất định. Đa số SV ra trường, tham gia vào các cơ sở giáo dục đã trở thành những giáo viên mẫu mực, có lòng yêu nghề, mến trẻ...đóng góp to lớn cho sự nghiệp giáo dục bậc mầm non tỉnh nhà và cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được thì hoạt động giáo dục giáo dục ĐĐNN cho SV vẫn còn những hạn chế nhất định như: nội dung còn nghèo nàn, hình thức thiếu phong phú, đa dạng, quá trình thực hiện chưa đồng bộ, quá trình đào tạo còn nặng về trang bị, cung cấp kiến thức mà chưa quan tâm đúng mức đến việc giáo dục phẩm chất, thói quen đạo đức của người giáo viên...Thực tế vẫn còn tình trạng SV sau khi ra trường chưa đáp ứng được yêu cầu cao về phẩm chất và năng lực tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Sinh viên ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk phần lớn đều xác định rõ mục tiêu phấn đấu, thái độ học tập đúng đắn, nỗ lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Tuy nhiên do tuổi đời còn trẻ, trình độ nhận thức còn nhiều hạn chế nên một bộ phận SV dễ bị ảnh hưởng bởi những tác động tiêu cực từ môi trường xã hội như: Chưa có động cơ, mục đích học tập rõ ràng, xem nhẹ giá trị đạo đức truyền thống, thiếu tích cực trong tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức nhà giáo ngay tại môi trường sư phạm. Điều đó không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động phát triển nghề nghiệp của các em mà còn ảnh hưởng lớn tới hiệu quả hoạt động đào tạo của nhà trường. Để khắc phục những hạn chế nêu trên chúng tôi cho rằng cần thiết phải có những biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN một cách đồng bộ và kịp thời, giúp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng và chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung.

Xuất phát từ những lý do trên tác giả lựa chọn đề tài “**Giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk**” để nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận về giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN, đề tài khảo sát làm rõ thực trạng ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk, từ đó đề xuất một số biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV, góp phần nâng cao ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng và chất lượng giáo dục, đào tạo của Trường CĐSP Đắk Lắk nói chung.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Sinh viên ngành GDMN (30 sinh viên khóa 49, 40 sinh viên khóa 48, 40 sinh viên khóa 47); GV, CBQL (30 giảng viên và cán bộ quản lý) Trường CĐSP Đắk Lắk.

4. Giả thuyết khoa học

- Vấn đề giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk đã được nhà trường quan tâm, tuy nhiên kết quả chưa cao. Nếu đề xuất được các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN một cách hợp lý sẽ giúp nâng cao chất lượng hoạt động ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng và chất lượng giáo dục, đào tạo nhà trường nói chung.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về giáo dục ĐĐNN.
- Nghiên cứu thực trạng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk.
- Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk.

- Khảo nghiệm tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk.

6. Phạm vi nghiên cứu

- Trong đề tài này chúng tôi tập trung nghiên cứu thực trạng nhận thức của CBQL, GV và SV về ĐĐNN; giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN, những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk.

- Đề tài triển khai nghiên cứu trên 140 khách thể (110 SV; 30 CBQL và GV).

- Địa bàn nghiên cứu: Đề tài được nghiên cứu tại Trường CĐSP Đắk Lắk.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 10/2023 – 10/2024

7. Đóng góp mới của đề tài

- Đề tài góp phần làm sáng tỏ và hệ thống hơn các vấn đề lý luận về ĐĐNN và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN, đặc biệt đi sâu phân tích vai trò của hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN ở các trường sư phạm trong bối cảnh hiện nay.

- Thông qua việc khảo sát và phân tích thực trạng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk, đề tài chỉ ra những yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN tại trường, từ đó đề xuất những biện pháp góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk trong thời gian tới.

8. Phương pháp nghiên cứu

8.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu.

8.2. Phương pháp quan sát.

8.3. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi.

8.4. Phương pháp phỏng vấn sâu.

8.5. Phương pháp đàm thoại.

8.6. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

8.7. Phương pháp khảo nghiệm.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

1.1. Khái quát lịch sử nghiên cứu vấn đề

Đạo đức nghề nghiệp là một trong những thành tố quan trọng bậc nhất của người thầy giáo. Do đó, từ trước đến nay cho dù ở các nước phương Đông hay phương Tây thì vấn đề ĐĐNN nói chung và đạo đức nghề nghiệp nói riêng luôn là một đề tài được các nhà khoa học đặc biệt quan tâm nghiên cứu. Sau đây, chúng tôi xin điểm qua những thành tựu nghiên cứu cơ bản, nổi bật nhất của các nhà khoa học ở trong và ngoài nước.

1.1.1. Trên thế giới

Ở phương Đông từ thời cổ đại, Khổng Tử (551- 479 TCN) - nhà giáo dục tiêu biểu của Trung Hoa cổ đại khi bàn về đạo đức của người thầy giáo ông nhấn mạnh: người thầy giáo phải "*Học không biết chán, dạy không biết mỏi*" [46, 356]. Theo Khổng Tử: thầy phải ra thầy, trò phải ra trò; thầy có vai trò của thầy, học trò có vai trò của học trò. Nhưng cả hai phải tu thân để có đạo đức. Ngoài việc truyền đạt tri thức cho trò, thầy phải tu dưỡng phẩm chất đạo đức, làm gương cho trò noi theo.

Ở phương Tây, J.A.Komenxki (1592-1670) - ông tổ của nền sư phạm cận đại đã đánh giá rất cao về vai trò của các phẩm chất đạo đức trong nhân cách sư phạm. Ông so sánh người giáo viên khi thì như một người điêu khắc tích cực, khi thì như một người công bộc trung thành và trong sạch của thế giới đang nung nấu ý muốn xua tan bóng tối của trí tuệ, đem lại ánh sáng cho mọi tư tưởng và hành động. Người giáo viên phải là người có học thức và yêu lao động, yêu một cách không bờ bến công việc của mình. Theo ông, nghề thầy giáo là nghề rất vinh dự "*dưới ánh mặt trời không có nghề nghiệp nào cao quý hơn*" [20; 88]. Do đó, họ phải gương mẫu về mọi mặt, đặc biệt là phải có tình yêu thương thành thực đối với học sinh, bởi "*anh không thể như một người cha thì cũng không thể là một người thầy!*" [20; 88]. Theo ông, một khi thầy cô giáo biết đối xử với học

sinh bằng tình thương mến, chẳng mấy chốc sẽ thu hút được trái tim chúng và thậm chí học sinh sẽ mong đến trường hơn là ngôi ở nhà.

Theo K.Đ. Usinxki (1824 - 1870) - nhà sư phạm lỗi lạc người Nga khẳng định: Nhân cách của người thầy là sức mạnh có ảnh hưởng to lớn đối với học sinh, sức mạnh đó không thể thay thế bằng bất kỳ cuốn sách giáo khoa nào, bất kỳ câu chuyện châm ngôn đạo đức, bất kỳ một hệ thống khen thưởng hay trách phạt nào khác; *“Trong việc giáo dục, tất cả phải dựa vào nhân cách người giáo dục, bởi vì sức mạnh của giáo dục chỉ bắt nguồn từ nhân cách của con người mà có”* [36, 158].

L.N. Tônxtôi (1828 – 1910), cho rằng: *“Để đạt được thành tích trong công tác, người thầy giáo phải có một phẩm chất – đó là tình yêu. Người thầy giáo có tình yêu trong công việc là đủ cho họ trở thành người giáo viên tốt”* [36. 174].

Nhà giáo dục Nga lỗi lạc Makarenkô (1888-1939) cho rằng: Đối với các nhà giáo dục phải có những phẩm chất, năng lực làm công tác giáo dục. Ông đòi hỏi các nhà giáo dục, giáo viên phải yêu nghề, yêu trẻ, sống say sưa, vui vẻ, phải mẫu mực trong mọi lời nói, ăn mặc, cử chỉ, có lý tưởng, có hoài bão ước mơ... Để thực sự là một nhà giáo dục, ông yêu cầu phải rèn luyện nhân cách. Theo ông, một nhà giáo dục: *“Điều quan trọng là phải làm việc một cách có ý thức và tích cực, coi trọng nghề nghiệp”* [62, 246].

Tại Bungari vào những năm 1977 - 1978, trung tâm nghiên cứu khoa học về thanh niên đã tiến hành một số đề tài nghiên cứu khoa học về giáo dục đạo đức cho thanh niên. Các nhà khoa học đã đề cập đến vấn đề định hướng giá trị cho thanh niên nói chung, trong đó các giá trị đạo đức như: lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đạo đức cộng sản, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa; giáo viên phải có đủ các giá trị đạo đức nêu trên.

Nhiều tác giả như A.X. Xukhômliński, G. Bađeladje và M. Calinin cũng đánh giá cao về vai trò của các phẩm chất đạo đức trong nhân cách sư phạm, thậm chí còn quan trọng hơn cả năng lực nghề nghiệp. Nhìn chung các tác giả đều thừa nhận người giáo viên chỉ được xem là "toàn diện" khi và chỉ khi hội tụ

đủ các phẩm chất đạo đức trong sáng. Các phẩm chất đó tác động trực tiếp đến tâm tư, tình cảm của học sinh.

Qua các công trình nghiên cứu trên của các tác giả đã cho thấy giáo dục ĐĐNN nói chung và giáo dục đạo đức nghề thầy giáo nói riêng có tầm quan trọng trong việc hình thành nhân cách, phẩm chất người thầy giáo. Từ những nguồn tài liệu nghiên cứu đó sẽ làm tiền đề để xây dựng cho các nghiên cứu về các vấn đề giáo dục đạo đức và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trường CĐSP Đắk Lắk.

1.1.2. Ở Việt Nam

Ở Việt Nam, vấn đề ĐĐNN nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các nhà khoa học, các thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và các lực lượng khác trong xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khai sáng nền giáo dục mới Việt Nam và hết sức chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Bác đã có rất nhiều bài nói chuyện, bài viết về giáo dục chứa đựng những quan điểm, tư tưởng giáo dục hết sức vĩ đại mà lại cụ thể và sâu sắc. Trong đó phải kể đến những lời giáo huấn của Bác dành cho những người làm công tác giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ.

Trong buổi nói chuyện với GV và SV Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, ngày 21/10/1964, Bác nói: *“Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản? Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những Anh hùng vô danh. Đây là một điều rất vẻ vang”* [45, 402]. Lời nói của Bác thể hiện truyền thống “tôn sư trọng đạo” của dân tộc, sự đánh giá đúng đắn của Đảng, Nhà nước về sứ mệnh trọng đại của người thầy giáo, đồng thời cũng là những đòi hỏi rất cao về phẩm chất người thầy.

Qua đó, chúng ta cũng thấy quan điểm của Bác Hồ về “người thầy giáo tốt” là vô cùng sáng tỏ, vừa cụ thể, thiết thực, vừa có ý nghĩa lâu dài. Phẩm chất của “những Anh hùng vô danh” ấy gồm cả đức và tài. Bác căn dặn: *“Giáo viên phải*

chú ý cả tài, cả đức, tài là văn hóa, chuyên môn, đức là chính trị. Muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức... Thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là với trẻ con" [43, 270].

Khi nói về đạo đức nghề GVMN, Bác nói: *"Làm mẫu giáo tức là thay mẹ dạy trẻ. Muốn làm được thế thì trước hết phải yêu trẻ. Các cháu nhỏ hay quấy, phải bền bỉ, chịu khó mới nuôi dạy được các cháu. Dạy trẻ cũng như trồng cây non. Trồng cây non được tốt thì sau này cây lên tốt. Dạy trẻ nhỏ tốt thì sau này các cháu thành người tốt. Công tác giáo viên và mẫu giáo có khác nhau, nhưng cùng chung một mục đích đào tạo những người công dân tốt, cán bộ tốt cho Tổ quốc, cho chủ nghĩa xã hội. Điều trước tiên là dạy các cháu về đạo đức. Anh chị em giáo viên và mẫu giáo cần luôn luôn gương mẫu về đạo đức để các cháu noi theo" [43, 286].*

Việc nhận thức và học tập những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ giúp người thầy giáo có đủ uy tín khi đứng trước học sinh và có thể làm tốt nhiệm vụ "trồng người" của mình, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay một bộ phận giáo viên, sinh viên có sự xuống cấp về đạo đức nghề nghiệp.

Ngày 29/06/1962, cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đã có bài phát biểu tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đồng chí đã nhấn mạnh: *"Những thầy giáo không yêu nghề cũng có nghĩa là đồng chí đó không yêu người. Càng yêu nghề bao nhiêu thì càng yêu người bấy nhiêu" [86].* Lời căn dặn của cố Tổng Bí thư đã trở thành phương châm hành động của rất nhiều thế hệ giáo viên dưới mái trường XHCN. Các phẩm chất: Yêu người và yêu nghề đó chính là những phẩm chất trụ cột, nền tảng trong ĐĐNN của người giáo viên.

Tác giả Nguyễn Thanh Bình trong công trình nghiên cứu về đạo đức của người giáo viên: Đề tài khoa học cấp bộ *"Xác định hệ thống các chỉ báo về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên Việt Nam hiện nay"* đặt cao tầm quan trọng vấn đề ĐĐNN của giáo viên. Qua khảo sát 247 sinh viên sư phạm và 183 giáo viên các trường phổ thông, tác giả đã xây dựng hệ thống các chỉ báo đạo đức giáo viên trên 8 lĩnh vực: Yêu cầu về phẩm chất chính trị, ý thức pháp luật; trong quan hệ với đồng nghiệp; trong quan hệ với học sinh; đối với giáo viên trong công việc; trong

quan hệ đối với phụ huynh học sinh, với thiết chế nhà trường và các tổ chức trong nhà trường; yêu cầu đạo đức đối với bản thân; trong quan hệ với nhân dân, cộng đồng, môi trường xã hội; trong quan hệ với môi trường tự nhiên.

Đứng trên quan điểm Mác - xít, cuốn sách “*Đạo đức học Mác - Lênin và giáo dục đạo đức*” của tác giả Trần Đăng Sinh và Nguyễn Thị Thọ (đồng chủ biên) đã phân tích sâu sắc tính đặc thù của đạo đức nghề nghiệp; vai trò của lương tâm nghề nghiệp và trách nhiệm nghề nghiệp trong việc hình thành đạo đức về nghề. Từ trên cơ sở lí luận chung đó, các tác giả hướng tới lí giải vai trò của nhà giáo, đó là những người “*truyền thụ tri thức, dạy chữ và dạy người cho học trò*” [56, 148], “*là cầu nối giữa nền văn hóa xã hội và việc tái sản xuất nền văn hóa đó ở thế hệ trẻ*” [56, 153]. Trên cơ sở đó, các tác giả đã chỉ ra các yêu cầu về đạo đức nhà giáo trong điều kiện hiện nay cần có như: phải biết kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức cao đẹp của nhà giáo truyền thống; mỗi nhà giáo phải không ngừng nỗ lực rèn luyện, hoàn thiện đạo đức, người thầy phải gương mẫu về đạo đức, lối sống; phải giàu tình yêu thương, bao dung, độ lượng, yêu nghề, yêu người, tức là cần có tài, có tâm, có tầm, xây dựng khối đoàn kết của tập thể.

Tác giả PGS Lê Văn Hồng, trong công trình nghiên cứu “*Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*”, ông dành hẳn một chương để nói về nhân cách người thầy giáo. Tác giả đã đi sâu phân tích những đặc điểm của lao động sư phạm trên cơ sở đó chỉ ra các phẩm chất của người thầy giáo, đó là:

- + Thế giới quan khoa học;
- + Lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ;
- + Lòng yêu nghề;
- + Những phẩm chất đạo đức và ý chí của người thầy giáo.

Theo tác giả, phẩm chất đạo đức là một trong hai yếu tố tạo nên uy tín chân chính của người thầy giáo. Có thể nói, việc chỉ ra các phẩm chất của người thầy giáo của tác giả Lê Văn Hồng là hết sức khoa học và hợp lý. Vì các phẩm chất đó là kết quả tất yếu của quá trình tư duy lô gíc và phân tích các vấn đề liên quan: sự cần thiết phải trau dồi nhân cách và đặc điểm lao động sư phạm.

Tác giả còn cho rằng trường sư phạm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng nên những cơ sở trọng yếu để hình thành nhân cách người thầy giáo tương lai. Thời gian học tập và tu dưỡng của SV ở trường sư phạm là vô cùng quan trọng để tạo nên những tiền đề cần thiết tạo nên nhân cách đó.

Hai tác giả PGS.TSKH Nguyễn Kế Hào và GS.TS Nguyễn Quang Uẩn trong công trình “Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm” về cơ bản có nhiều điểm tương đồng và trùng khớp với PGS Lê Văn Hồng khi nói về phẩm chất người thầy giáo. Song, hai tác giả này lại cho rằng: Trong những phẩm chất nhân cách của người thầy giáo có thêm một thành tố nữa là “đạo đức-lối sống”. Hai tác giả đã đưa ra khái niệm “Đạo đức nghề”: “Trong xã hội hiện đại với nền KTTT, đối với các ngành nghề khác nhau, ở những quốc gia khác nhau người ta đều coi trọng đạo đức nghề, như nghề y có y đức, nghề giáo có đạo đức nhà giáo, các nghề kinh doanh có chữ tín, ...” [31; 109]. Theo hai tác giả, trong nhân cách nhà giáo thời hiện đại, có một số phẩm chất nổi lên, được kết tinh lại như sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp của người thầy giáo, đó là các phẩm chất:

- + Lí tưởng nghề nghiệp;
- + Tính trung thực trong cuộc sống và trong hoạt động nghề;
- + Lòng tin, trước hết là tin vào đạo học và tin vào chính mình.

Nếu thiếu những phẩm chất này thì nhân cách người thầy giáo sẽ không được hoàn thiện, họ sẽ không có được bản lĩnh nhà giáo và do vậy sẽ khó thực hiện tốt nhiệm vụ “trồng người” của mình.

Khác với những tác giả đã được trình bày ở trên, tác giả TS. Phạm Trung Thanh lại có cách tiếp cận các phẩm chất của người thầy giáo theo một hướng khác. Tác giả này đưa ra khái niệm “*văn hóa - sư phạm*” [55; 67] mà mỗi người cần có, đặc biệt là những người làm nghề dạy học. Theo tác giả, “*văn hóa-sư phạm*” được biểu hiện dưới các nét sau:

- + Là người sống có mục tiêu, lí tưởng cao cả;
- + Là người có phẩm chất đạo đức: cần, kiệm, liêm chính;
- + Là người sống có đạo lý;

- + Là người có sự nhất quán giữa lời nói và việc làm;
- + Là người sống trung thực và tôn trọng chữ tín;
- + Là người có thái độ khiêm tốn học hỏi mọi người.

Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy “văn hóa - sư phạm” mà tác giả đưa ra được dựa trên hai nền tảng hết sức quan trọng là những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam kết hợp hài hòa với đạo đức mới là đạo đức cộng sản. Đây là một cách tiếp cận mang những nét đặc trưng riêng.

Theo tác giả Phạm Trung Thanh, không chỉ người thầy giáo mà ngay chính giáo sinh sư phạm cũng phải tự rèn luyện để có được “văn hóa - sư phạm”. Theo ông: Sinh viên là những người sẽ bước tiếp trên con đường của các bậc thầy thuộc thế hệ ông, cha đã đi, thế hệ giáo sinh hiện nay có trách nhiệm gìn giữ và không ngừng phát huy vẻ đẹp thanh cao của người thầy trong sự phát triển của xã hội hiện đại. Có được vị trí như hôm nay, mọi giáo sinh phải bằng mọi hành động thực tiễn của mình để thể hiện lòng biết ơn sâu sắc đối với những người trực tiếp và gián tiếp giáo dục, đào tạo mình nên người, đặc biệt là những người thầy [55; 71].

Theo tác giả Nguyễn Đình Chính, lý tưởng nghề nghiệp có vai trò rất quan trọng, là hạt nhân trong nhân cách sư phạm. Đó là hứng thú và sự say mê, gắn bó với công việc đào tạo thế hệ trẻ. Thực hiện được điều đó đòi hỏi người giáo viên phải chuyển tâm lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nghề từ dạng tiềm tàng sang hiện thực. Ông đề cập rất nhiều tới vai trò của công tác TTSP trong việc hình thành các phẩm chất nghề nghiệp cho SV sư phạm. Tác giả đã chỉ ra và đánh giá rất cao biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV, ông nói: Riêng về mặt phương pháp đào tạo, phải không ngừng cải tiến phong cách và phương pháp làm việc, làm thế nào để tạo ra được những người thầy giáo có một tình cảm mới - tình cảm gắn bó với cuộc sống của nhà trường phổ thông hiện nay, luôn luôn tìm tòi sáng tạo, có kỹ năng sử dụng được những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào công việc, xứng đáng là tâm hồn và trí tuệ của nhà trường, là người nắm trong tay số phận của sự nghiệp cải cách giáo dục của chúng ta [18].

Khi đề xuất các giải pháp cụ thể để nâng cao đạo đức người giáo viên, các tác giả Nguyễn Thị Thu Hà với bài viết *"Những giải pháp chủ yếu để nâng cao đạo đức nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh"*; bài viết *"Xây dựng đội ngũ nhà giáo vì sự phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam hiện nay"* của Lê Thị Thu Huyền; *"Kinh tế thị trường và đạo đức người thầy hiện nay"* của Nguyễn Thanh Bình; *"Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo trong tình hình hiện nay"* tác giả Nguyễn Văn Ty... Các bài viết trên đều cho rằng để nâng cao đạo đức nhà giáo cần thực hiện một cách đồng bộ, toàn diện các giải pháp: những điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi cho sự hình thành và phát triển đạo đức người thầy trong điều kiện hiện nay; kế thừa và đổi mới các chuẩn mực đạo đức người thầy truyền thống đáp ứng yêu cầu của KTTT định hướng XHCN và công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong đó lấy đạo đức mới, đạo đức Hồ Chí Minh là nền tảng, kim chỉ nam, phương châm của mọi hành vi đạo đức; đẩy mạnh việc nghiên cứu và xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức người thầy mới đáp ứng các yêu cầu CNH, HĐH; tạo dư luận xã hội tốt, ủng hộ những giá trị truyền thống tốt đẹp của người thầy, cần chú trọng làm tốt việc nêu gương "người tốt, việc tốt"; tích cực xây dựng lập trường, bản lĩnh chính trị; có xu hướng nghề nghiệp rõ ràng; nêu cao tinh thần trách nhiệm, dạy thực chất, học thực chất, kiểm tra đánh giá kết quả thực chất.

Các vấn đề nghiên cứu về giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN còn được trình bày ở một số đề tài luận luận án, luận văn và trên các tạp chí như: Trong bài viết đăng trên tạp chí Nghiên cứu giáo dục (tháng 1/1993), tác giả Trần Trọng Thủy đã chỉ ra một số phẩm chất đạo đức mà SV sư phạm mới ra trường cần phải có đó là: lòng yêu nghề, lòng mến trẻ, có lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ trở thành những công dân có ích cho xã hội. Luận án tiến sĩ: *"Những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam"* của tác giả Nguyễn Anh Tuấn đã chỉ ra những tác động của nền KTTT tới SV nói chung và SV các trường sư phạm nói riêng. Tác giả đã đưa ra những biện pháp giáo dục đạo đức cho SV sư phạm có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. [65]

Ngoài ra, khi bàn về vấn đề ĐĐNN của người GVMN và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN còn có các công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Luận án tiến sĩ “*Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non ở Việt Nam hiện nay*” tác giả Nguyễn Thu Thủy, “*Quản lý giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm miền Đông Nam Bộ*”, tác giả Nguyễn Thanh Phú; “*Những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Anh Tuấn và một số luận văn thạc sĩ như: “*Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang*” của tác giả Hoàng Thị Cảnh, “*Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm mầm non trường Đại học Tân Trào*” tác giả Chu Thị Mĩ Nga,... Nhìn chung, cả 4 công trình nghiên cứu trên các tác giả đều khẳng định vấn đề giáo dục ĐĐNN cho SV nói chung và SV ngành GDMN ở các trường sư phạm là rất cần thiết. Họ cho rằng: Việc tổ chức, quản lý, tìm ra những biện pháp và thực hiện công tác giáo dục ĐĐNN, lối sống cho SV sư phạm, những thầy cô giáo tương lai càng cần thiết và vô cùng quan trọng, bởi đây là đặc trưng của “nghề giáo dục con người”. Tác giả Hoàng Thị Cảnh chỉ rõ: Nhiệm vụ giáo dục nói chung, giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trường CĐSP nói riêng có tính cá biệt hóa cao, vì thế, công tác này chỉ đạt hiệu quả tốt khi dựa trên những đặc điểm riêng, điều kiện, hoàn cảnh thực tế của trường và địa Phương; Để nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV cần đưa ra được những biện pháp, giải pháp phù hợp với đặc điểm ngành nghề được đào tạo và tính chất đặc thù của văn hóa địa phương. Các biện pháp đề xuất có mối quan hệ thống nhất biện chứng, đòi hỏi mỗi cá nhân, mỗi tổ chức, đơn vị phải ý thức cao để thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất, tạo hợp lực mạnh nhất để đưa ĐĐNN của SV – người thầy giáo tương lai đáp ứng sự mong đợi của toàn xã hội, xứng đáng với sự tôn vinh của xã hội “người kỹ sư tâm hồn”[16].

Cùng với đó thì Đảng, Nhà nước ta cũng đã ban hành nhiều văn bản quy định tiêu chuẩn, yêu cầu về ĐĐNN của người GVMN. Cụ thể văn bản mới nhất quy định về ĐĐNN của người GVMN được nêu rõ tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 08/2023/TT - BGDĐT, GVMN phải đáp ứng các tiêu chuẩn về ĐĐNN như sau:

Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục mầm non; Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước trẻ em; Yêu nghề, thương yêu trẻ em; biết quản lý cảm xúc; đối xử công bằng và tôn trọng trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.

Tóm lại, đã có rất nhiều công trình khoa học trong và ngoài nước đề cập đến vấn đề giáo dục đạo đức và giáo dục ĐĐNN. Tuy nhiên, việc nghiên cứu giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN chưa được quan tâm nhiều. Đối tượng mà chúng tôi muốn hướng tới là SV chuyên ngành GDMN của Trường CĐSP Đắk Lắk. Sinh viên ở một tỉnh miền núi có nhiều điểm khác biệt so với các địa phương khác. Do đó, đây là một đề tài nghiên cứu rất mới mẻ, thiết thực, có giá trị thực tiễn cao nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của Trường CĐSP Đắk Lắk nói riêng và phục vụ cho sự nghiệp giáo dục của tỉnh Đắk Lắk nói chung.

1.2. Các khái niệm cơ bản

1.2.1. Đạo đức nghề nghiệp

1.2.1.1. Đạo đức

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, xuất hiện sớm trong quá trình vận động, phát triển của xã hội, gắn liền với biến đổi của nền kinh tế xã hội. Từ khi xã hội hình thành, phạm trù về đạo đức đã được phản ánh một cách sinh động trong đời sống xã hội thông qua mối quan hệ biện chứng giữa con người với con người, giữa con người với xã hội.

Đạo đức là một phạm trù được rất nhiều lĩnh vực khoa học nghiên cứu. Dựa trên những phương diện, quan điểm khác nhau, các nhà khoa học đã đưa ra khái niệm đạo đức ở những khía cạnh với những phạm vi nội dung khác nhau:

Dưới góc độ Triết học: *“Đạo đức là một bộ phận quan trọng trong các hình thái ý thức xã hội. Theo quan niệm Mác - xít, đạo đức là hệ thống các quy*

tắc, chuẩn mực hành vi của con người và đánh giá cách ứng xử trong quan hệ của người này với người khác, việc thực hiện nghĩa vụ của con người đối với xã hội” [61; 11].

Dưới góc độ Đạo đức học: *“Đạo đức là tổng hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình vì lợi ích xã hội, hạnh phúc của con người trong mối quan hệ giữa con người và con người, giữa cá nhân và tập thể hay toàn xã hội” [23, 4].*

Dưới góc độ Giáo dục học: *“Đạo đức là hệ thống những nguyên tắc, chuẩn mực, quy tắc do xã hội đề ra nhằm mục đích đánh giá và điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân trong quan hệ của nó đối với xã hội, đối với cá nhân khác và đối với chính bản thân mình, làm cho hành động của cá nhân phù hợp với lợi ích của xã hội” [11, 236].*

Theo Từ điển Tiếng Việt: *“Đạo đức là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội”; “Đạo đức là phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn nhất định mà có” [52, 466].*

Theo Nguyễn Khắc Viện: *“Đạo đức bao gồm những chuẩn mực hành vi đạo đức của con người hướng thiện, tránh hướng ác. Mỗi một xã hội, mỗi một nhóm xã hội, mỗi cá nhân có thể lý giải cái thiện (đạo đức) cái ác (vô đạo đức) theo những cách khác nhau, tùy thuộc vào quan niệm sống và lợi ích của mình.” [69, 124].*

Dưới góc độ Tâm lý học: *“Đạo đức là hệ thống những chuẩn mực biểu hiện thái độ đánh giá quan hệ giữa lợi ích của bản thân với lợi ích của người khác và của xã hội” [38, 131].*

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức: Người không đưa ra định nghĩa đạo đức là gì, nhưng trong sử dụng, thuật ngữ đạo đức được dùng với 3 nghĩa: rộng, hẹp và rất hẹp.

Nghĩa rộng: Đạo đức là hình thái ý thức xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc và làm giàu tính người trong các quan hệ xã hội, kể cả trong các quan hệ chính trị, tư tưởng.

Nghĩa hẹp: Đạo đức là các qui tắc, chuẩn mực dùng điều chỉnh hành vi con người trong quan hệ giữa người với người trong hoạt động sống.

Nghĩa rất hẹp: Đó là hành vi đạo đức, hành vi đạo đức là hành động cá nhân thể hiện quan niệm của cá nhân về nghĩa vụ đối với xã hội và đối với người khác, thể hiện lương tâm hoặc bổn phận cá nhân trong những hoàn cảnh đặc thù không lặp lại [66].

Từ những định nghĩa về đạo đức nêu trên, chúng tôi đưa ra khái niệm đạo đức như sau: *Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là hệ thống những nguyên tắc, quy tắc, những chuẩn mực do xã hội đề ra, nhờ đó con người tự giác đánh giá và điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích cá nhân, cộng đồng và toàn xã hội. Vì hạnh phúc của con người và tiến bộ xã hội.*

1.2.1.2. Nghề nghiệp

Có nhiều cách hiểu khác nhau về nghề nghiệp:

Theo Từ điển Tiếng Việt: “Nghề” là công việc chuyên làm theo sự phân công của xã hội. Còn “nghiệp” trong nghề nghiệp được hiểu theo nghĩa là một dạng thể của “ngành” hay hiểu đơn giản thì nghiệp chính là một lĩnh vực nào đó. Vậy kết hợp ý nghĩa của 2 từ nghề và nghiệp ta có thể hiểu “nghề nghiệp” chính là một công việc được xã hội công nhận, có thời gian làm việc lâu dài, tạo thu nhập ổn định và là mục đích lựa chọn công việc của nhiều người hay “*Nghề nghiệp” là một công việc mà người ta thực hiện trong suốt cả cuộc đời*” [52, 698].

Theo E. A. Klimov, nghề nghiệp là “*Lĩnh vực sử dụng sức lao động vật chất và tinh thần của con người một cách có giới hạn, cần thiết cho xã hội (do sự phân công lao động mà có). Nó tạo ra khả năng cho con người sử dụng sức lao động của mình để thu lấy những phương tiện cần thiết cho sự tồn tại và phát triển*” [35, 22].

Theo tác giả Ngô Đình Giao thì nghề được hiểu là “*Một tập hợp công việc có những đặc điểm chung về hoạt động cần thực hiện và về năng lực cần có để thực hiện các hoạt động đó*” [27, 98].

Vì vậy, trên cơ sở các quan niệm về nghề nghiệp ta có thể khái quát: Nghề nghiệp là một dạng lao động mang tính chuyên môn đòi hỏi con người phải trải

qua một quá trình đào tạo chuyên biệt để hình thành những tri thức, kỹ năng phù hợp nhằm tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2.1.3. Đạo đức nghề nghiệp

Khái niệm đạo đức nghề nghiệp là sự thu hẹp phạm vi của khái niệm đạo đức nói chung, nó được cụ thể hóa và đặc trưng hóa cho từng nghề nghiệp nhất định.

Theo tác giả Daryl Koel: *“Tiêu chuẩn đạo đức của mỗi nghề đều được tâm quan trọng của các nghề quy định. Và sự khác biệt về vai trò của các nghề khác nhau đã tạo nên sự đa dạng về đạo đức nghề nghiệp”* [40].

Tác giả Elliot D. Cohen, Micheal David (1994) thì ĐĐNN được cụ thể hóa trong “Bộ quy tắc đạo đức trong công việc” là phương tiện để thể chế hóa các quan hệ xã hội và ấn định vai trò xã hội. Tức là sự kiểm soát về mặt đạo đức gắn liền với một vị trí hoặc vai trò nào đó và do đó gắn với một cá nhân đảm nhận vị trí và vai trò chứ không phải là chung chung. ĐĐNN gắn liền với vai trò của cá nhân khi tham gia vào một lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể nào đó [40].

John Hardwig thì cho rằng: cần phải có đạo đức chuyên môn. Đạo đức nghề nghiệp được cụ thể hóa trong đạo đức chuyên môn [40].

Theo hiệp hội Kế toán Quốc tế (IFAC) thì: *“ĐĐNN là những nguyên tắc, giá trị, chuẩn mực hay quy tắc hành vi có tác dụng hướng dẫn các quyết định, quy trình và hệ thống của tổ chức theo cách (a) có thể đóng góp phúc lợi cho những người hữu quan chính và (b) tôn trọng quyền của tất cả các cử tri hữu quan đối với hoạt động của thành viên hiệp hội”* [47, 82].

Như vậy nhiều quan niệm của các tác giả nước ngoài đều nhìn nhận ĐĐNN không phải là những luân lý chung chung, giáo điều mà nó là sự cụ thể được thể hiện trong các quy định, những nguyên tắc mà người tham gia vào công việc trong lĩnh vực ngành nghề phải có được để hành nghề.

Còn ở Việt Nam một số tác giả quan niệm về ĐĐNN là gắn với những nguyên tắc, chuẩn mực được dư luận xã hội thừa nhận và quy định những hành vi ứng xử trong mối quan hệ nghề nghiệp. Bản thân nó lại có những nét đặc thù riêng, phản ánh đầy đủ phẩm chất cần có của một ngành, một nghề cụ thể.

Tác giả Nguyễn Anh Tuấn cho rằng: “ĐĐNN là hệ thống các chuẩn mực đạo đức phản ánh những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, của bản thân nghề nghiệp đối với người làm việc trong lĩnh vực nghề nghiệp đó, giúp họ hoàn thành nhiệm vụ của mình với kết quả cao nhất” [63, 27].

Theo giáo trình “Đạo đức và giáo dục đạo đức” cho rằng: “ĐĐNN là những chuẩn mực đạo đức đặc trưng thể hiện trong hoạt động lao động nghề nghiệp cụ thể. Do những đặc điểm của hoạt động lao động nghề nghiệp cụ thể, riêng biệt đòi hỏi con người cần có những giá trị đạo đức nhằm đảm bảo cho hoạt động nghề nghiệp ấy có hiệu quả, có chất lượng” [62, 74].

Tóm lại, từ nội hàm của khái niệm đạo đức nói chung và các khái niệm khác nhau về đạo đức nghề nghiệp ở trên, ta có thể hiểu: *Đạo đức nghề nghiệp là tổng hợp những nguyên tắc, quy tắc, những chuẩn mực đạo đức xã hội mang tính đặc thù của một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định trong xã hội, nó có tác dụng định hướng và điều chỉnh hành vi của cá nhân, tập thể nhằm đảm bảo hoạt động nghề nghiệp có hiệu quả, có chất lượng, phù hợp giữa lợi ích cá nhân, tập thể và toàn xã hội.*

1.2.2. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp

1.2.2.1. Giáo dục đạo đức

Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ là một vấn đề lớn trong chiến lược phát triển con người của Đảng, được xã hội quan tâm và có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Theo PGS.TS Phạm Viết Vượng: giáo dục đạo đức là quá trình tác động hình thành cho học sinh ý thức, tình cảm, niềm tin và thói quen hành vi đạo đức, thể hiện trong cuộc sống hàng ngày đối với gia đình, cộng đồng, làng xóm, với bạn bè và tập thể [44, 11].

Hai tác giả Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt thì cho rằng: “*Giáo dục đạo đức là quá trình biến đổi hệ thống các chuẩn mực từ những đòi hỏi bên ngoài, bên trong của cá nhân thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục*” [50, 129].

Về bản chất, giáo dục đạo đức là quá trình biến hệ thống các chuẩn mực đạo đức từ những đòi hỏi bên ngoài xã hội đối với cá nhân, thành những đòi hỏi bên trong của cá nhân, thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục. Quá trình giáo dục đạo đức là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục nhằm biến những yêu cầu, chuẩn mực, giá trị đạo đức xã hội thành những phẩm chất, giá trị đạo đức của cá nhân.

Khái niệm giáo dục đạo đức trong đề tài này giới hạn, nói về hoạt động giáo dục đạo đức trong nhà trường, từ đó chúng tôi cho rằng: Giáo dục đạo đức là quá trình hình thành và phát triển các phẩm chất đạo đức của nhân cách người học dưới những tác động và ảnh hưởng có mục đích, được tổ chức có kế hoạch, có sự lựa chọn về nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục với vai trò chủ đạo của nhà giáo dục.

1.2.2.2. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp

Theo các tác giả Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt: “*Giáo dục ĐĐNN là quá trình biến đổi hệ thống các chuẩn mực đạo đức từ những đòi hỏi bên ngoài, bên trong của cá nhân niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục*” [50, 236].

Theo tác giả Chu Thị Mỹ Nga: “*Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một hệ thống các hoạt động, các giải pháp nhằm giáo dục những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho người đang học nghề (học sinh, sinh viên) để khi hành nghề, mỗi cá nhân biết kết hợp hài hòa giữa năng lực nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp*” [49, 2].

Theo Jonh Hardwig thì giáo dục ĐĐNN chính là việc tổ chức hoạt động để hình thành ở những người lao động tương lai, hiện tại những vấn đề thuộc về đạo đức chuyên môn như là: giáo dục họ về vị trí xã hội gắn liền với quyền và trách nhiệm của công việc, gắn với mối quan hệ giữa chuyên gia và đối tác [40, 25].

Mục tiêu các trường đào tạo nghề là tạo ra đội ngũ nguồn nhân lực vừa “hồng” vừa “chuyên” đáp ứng yêu cầu của xã hội. Để thực hiện được mục tiêu đó thì các trường phải tiến hành ba nhiệm vụ cơ bản trong quá trình đào tạo, đó là:

- Trang bị hệ thống kiến thức nghề nghiệp cần thiết.

- Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo, năng lực mà từng loại nghề nghiệp đòi hỏi.

- Giáo dục để người học nghề có đủ những phẩm chất cơ bản và những phẩm chất đạo đức đặc thù của lĩnh vực nghề nghiệp.

Ba nhiệm vụ trên phải được tiến hành đồng thời, trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau, bởi nhiệm vụ này là tiền đề, cơ sở cho nhiệm vụ kia và được diễn ra bằng nhiều hoạt động. Nếu bỏ hoặc thực hiện không tốt bất cứ một nhiệm vụ nào cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả của quá trình đào tạo nghề.

Như vậy, có thể xem: *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một hệ thống các hoạt động, các giải pháp, biện pháp tác động vào nhận thức, thái độ, hành vi của người học nhằm hình thành những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cần thiết, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và phù hợp với yêu cầu xã hội.*

1.2.2.3. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm

Công tác giáo dục ĐĐNN cho SV trong các trường Cao đẳng Sư phạm là hết sức quan trọng, được các nhà trường chú ý và đặt song song với nhiệm vụ bồi dưỡng tri thức khoa học. Quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV luôn được các trường sư phạm tổ chức có kế hoạch, có hệ thống với các nội dung, biện pháp cụ thể qua đó nhằm hình thành ý thức, thái độ và hành vi, thói quen ĐĐNN cần thiết, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nghề và của xã hội.

Từ những phân tích ở trên, ta có thể hiểu: *Giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trường CĐSP là việc tổ chức các hoạt động để tác động vào nhân cách SV nhằm hình thành ở họ những phẩm chất đạo đức mà xã hội và nghề yêu cầu, tạo nên sự phát triển toàn diện về nhân cách cho SV.*

1.3. Đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên mầm non

1.3.1. Vị trí, vai trò của đạo đức nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non

Đạo đức nghề nghiệp có vai trò quan trọng trong việc phát triển, hoàn thiện nhân cách của người GVMN. Nhân cách bao gồm hai mặt thống nhất biện chứng với nhau là phẩm chất và năng lực hay còn gọi là “đức” và “tài” trong đó “đức” được coi là nền tảng của nhân cách hay là hạt nhân cơ bản của nhân cách,

“tài” là các năng lực thích ứng với xã hội của con người, hiệu quả trong một lĩnh vực nào đó của họ. Đạo đức là thành phần cơ bản của nhân cách, phản ánh bộ mặt nhân cách của một cá nhân với tư cách là chủ thể hoạt động trong các quan hệ xã hội. Đạo đức được biểu hiện ở đời sống tinh thần lành mạnh, trong sáng; ở hành động góp phần giải quyết hợp lý, có hiệu quả những mâu thuẫn của cuộc sống. Ở đây, những quan hệ đạo đức được hình thành trên cơ sở con người nhận thức được các yêu cầu đạo đức xã hội và tự nguyện, tự giác thực hiện các yêu cầu đó trong cuộc sống. ĐĐNN là động lực giúp cho người GVMN hăng say học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tri thức khoa học; không ngừng đổi mới chất lượng giờ giảng...qua đó giúp người học tích cực học tập và phát triển nhân cách toàn diện. Để làm được điều đó, mỗi nhà giáo một mặt phải biết học tập những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp làm chuẩn mực cho các tác động sư phạm của mình, mặt khác phải có những tính cách và phẩm chất đạo đức cần thiết, phù hợp với các hoạt động sư phạm trong thời đại mới. Và chính trong quá trình chủ động, tích cực tiếp nhận tự giáo dục, rèn luyện như vậy mà nhân cách người GVMN được hình thành, phát triển, được kiểm chứng, được khẳng định trên thực tế. Theo nghĩa đó, ĐĐNN của GVMN là yếu tố cơ bản hình thành và củng cố nền tảng nhân cách người thầy. Có thể nói ĐĐNN là mục tiêu, động lực để GVMN vượt qua khó khăn, quyết tâm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

1.3.2. Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đặc thù của người giáo viên mầm non.

Nói về phẩm chất ĐĐNN đặc thù của người GVMN, trước hết chúng ta cần xem xét về ĐĐNN của người giáo viên nói chung. Theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên như sau:

1. Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người

học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng.

2. Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của đơn vị, nhà trường, của ngành.

3. Công bằng trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí.

3. Thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên, nghiêm túc; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

Đối với người GVMN, ngoài việc đáp ứng những yêu cầu về ĐĐNN của người giáo viên nói chung thì họ còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn ĐĐNN mang tính đặc thù của người GVMN như sau:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư 08/2023/TT-BGDĐT thì GVMN phải đáp ứng các tiêu chuẩn về ĐĐNN như:

- Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục mầm non.

- Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước trẻ em.

- Yêu nghề, thương yêu trẻ em; biết quản lý cảm xúc; đối xử công bằng và tôn trọng trẻ em; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

- Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.

Theo tác giả Hồ Lam Hồng, những phẩm chất ĐĐNN đặc thù của người GVMN cần phải có là:

- Yêu quý trẻ em: Giáo viên thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với các trẻ, giúp trẻ phát triển khoẻ mạnh về cả tinh thần và thể chất, học tập tốt. Trẻ em cần tình cảm và cũng rất nhạy cảm trong cách đối xử của người lớn. Chỉ một

sự lạnh nhạt, không vui của giáo viên hay sự không công bằng trong giao tiếp... trẻ đều có thể cảm nhận được và ngay lập tức trẻ lảng tránh tiếp xúc. Điều đó khiến khó hiểu trẻ và giáo dục được trẻ đúng đắn nhất.

- Yêu nghề và gắn bó với nghề: Giữ gìn phẩm chất và danh dự, uy tín của người giáo viên; sống trung thực, lành mạnh, làm tấm gương tốt cho trẻ; nhiệt tình thực hiện các yêu cầu của ngành và công việc.

- Tận tụy với công việc chăm sóc, giáo dục trẻ em: chăm sóc, giáo dục trẻ nhỏ rất vất vả, đòi hỏi một sự kiên nhẫn khi tiếp xúc. Người giáo viên phải tận tụy với công việc chăm sóc, giáo dục trẻ em, tự tin và tận tâm với nhiệm vụ của mình ở trường, lớp mầm non. Trong mọi hoàn cảnh, tránh cáu gắt, đánh mắng trẻ, mà nên từ tốn, kiên trì nhắc nhở, bảo ban trẻ.

- Có tình thương với trẻ nhỏ: Biết chăm sóc, cảm thông và sẵn sàng chia sẻ với những người khác về mặt tình cảm. Cởi mở và vui vẻ với trẻ, động viên trẻ làm theo những chỉ dẫn của mình. Đồng thời, hiểu được trạng thái tâm lí và diễn biến tình cảm của trẻ, biết cách giúp trẻ bày tỏ tình cảm, cảm xúc của mình với mọi người xung quanh.

- Kiên trì và nhẫn nại khi tiếp xúc với trẻ: Trẻ em lứa tuổi này còn nhỏ, vốn hiểu biết hạn hẹp và ngôn ngữ biểu đạt còn hạn chế. Khi muốn nói hay muốn làm một điều gì đó, trẻ phải suy nghĩ và nói chậm, trẻ thực hiện các hành động chậm rãi, do đó GVMN phải biết chờ đợi, lắng nghe trẻ, quan sát kỹ để điều chỉnh. Mặt khác, hình thành một thói quen hay nền nếp cho trẻ cần một thời gian nhất định để rèn luyện đều đặn, muốn vậy, giáo viên phải kiên trì tập luyện thường xuyên, hằng ngày.

- Linh hoạt: Trẻ em trong một lớp thường đa dạng, nhiều trẻ nhanh nhẹn, thông minh nhưng có khi bướng bỉnh; có trẻ ngoan ngoãn vâng lời nhưng hơi chậm chạp; có trẻ được gia đình bố mẹ chiều chuộng, ngược lại có trẻ lại có tính tự lập ngay từ nhỏ... Mặt khác, biểu hiện tâm lí và tình cảm của trẻ dễ thay đổi, vui đấy, buồn đấy, nhớ nhanh nhưng cũng chóng quên, chú ý không chủ định chiếm ưu thế, chú ý chủ định chưa bền vững nên quá trình giáo dục trẻ phải linh

hoạt, mềm dẻo. Giáo viên sẵn sàng thay đổi hoặc điều chỉnh kế hoạch và phương hướng giáo dục theo cách giúp trẻ phát triển đạt được mục tiêu.

- Nhạy cảm: Xem mỗi trẻ là một cá nhân duy nhất và có giá trị, có những nét độc đáo và năng lực riêng. Tìm hiểu và phát hiện những khác biệt giữa trẻ này với trẻ khác, nhanh nhạy phán đoán được những khó khăn của trẻ và giúp đỡ trẻ trong những tình huống cụ thể một cách thoả đáng.

- Tính hài hước: Biết giảm bớt căng thẳng từ những tình huống bất khả kháng. Biết sử dụng tính hài hước một cách đúng lúc và tạo được một không gian vui vẻ, đầm ấm.

- Tôn trọng trẻ em: không thành kiến hay kì thị về giới, sắc tộc, tôn giáo, địa vị kinh tế - xã hội mà luôn quan tâm đến nhu cầu cá nhân của học sinh [34].

Qua đó cho thấy ĐĐNN của người GVMN luôn là yếu tố quan trọng trong cấu trúc nhân cách của họ. Nếu thiếu một trong những phẩm chất trên trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ, chắc chắn người GVMN khó có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ. Do đó, bản thân mỗi người GVMN phải luôn ý thức được vai trò, tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của ĐĐNN đối với công tác của mình, từ đó không ngừng nâng cao giá trị ĐĐNN của bản thân, đáp ứng yêu cầu ngày càng phát triển của trẻ và xã hội.

1.4. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm

1.4.1. Đặc điểm tâm lý của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm

Lý luận và thực tiễn cho thấy những đặc điểm tâm lý của SV chịu sự chi phối của nhiều yếu tố: thể chất, môi trường mà SV sinh sống và học tập, giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và các hoạt động của bản thân họ trong các mối quan hệ xã hội. Vì thế, sự phát triển tâm lý của SV nói chung và SV ngành GDMN Trường CĐSP nói riêng là rất phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, trong đề tài này chúng tôi chỉ dừng lại ở việc phân tích làm nổi bật ở những đặc điểm cơ bản sau:

- Sự phát triển về nhận thức, trí tuệ và động cơ học tập

Hoạt động nhận thức của SV nói chung SV ngành GDMN Trường CĐSP nói riêng có tính độc lập, tự chủ, sáng tạo cao; có sự kết hợp của nghiên cứu khoa học với hoạt động mang tính nghề nghiệp. Hoạt động nhận thức của SV ngành GDMN mang tính định hướng sư phạm ngay từ đầu giúp họ lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phẩm chất nghề dạy học.

Động cơ học tập của SV bị chi phối bởi nhiều yếu tố nên cũng rất đa dạng như: khát khao có tri thức, kỹ năng; yêu lao động sư phạm; muốn trở thành chuyên gia giỏi; muốn tự khẳng định mình; lòng yêu trẻ; có hoài bão trong việc xây dựng đất nước....Những nghiên cứu về động cơ học tập của sinh viên cho thấy có các loại động cơ: nhận thức, nghề nghiệp, động cơ có tính xã hội, tự khẳng định mình, có tính cá nhân. Thứ bậc các động cơ này luôn biến đổi trong quá trình học tập, rèn luyện, vai trò của giảng viên sư phạm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc tác động đến hệ thống động cơ đó trở nên đúng đắn hơn.

- Tự ý thức, tự đánh giá và tự giáo dục

Tự ý thức là một trình độ phát triển cao của ý thức, nó giúp SV có hiểu biết về thái độ, hành vi và cử chỉ của mình để chủ động hướng hoạt động của mình đi theo những yêu cầu, đòi hỏi của tập thể, cộng đồng xã hội.

Tự đánh giá là một phẩm chất quan trọng của nhân cách. Tự đánh giá của SV mang tính toàn diện và sâu sắc, họ không chỉ đánh giá bản thân mình ở hình thức bề ngoài mà còn đi sâu vào các phẩm chất giá trị nhân cách. Nhờ có tự đánh giá phát triển mà SV ngành GDMN Trường CĐSP có thái độ, hành vi phù hợp với tính chất của lao động sư phạm.

Tự ý thức, tự đánh giá ở SV có ý nghĩa tự giáo dục. Vì thế, SV sớm hình thành cho mình một số phẩm chất nhân cách như: lòng tự trọng, tự tin vào bản thân, lòng yêu trẻ, lòng nhân ái, yêu thích lao động sư phạm... đó là những tiền đề quan trọng để hình thành ĐĐNN.

- Sự phát triển về định hướng giá trị nghề nghiệp

Định hướng giá trị là một trong những yếu tố quan trọng nhất của cấu trúc nhân cách, là thái độ, là sự lựa chọn các giá trị vật chất và tinh thần, là một hệ thống tâm thế, niềm tin, sở thích của con người đối với một giá trị nào đó. Qua

một số công trình nghiên cứu và khảo sát sơ bộ chúng tôi nhận thấy, đa số SV ngành GDMN đã có định hướng phát triển nghề nghiệp đúng đắn. Các em luôn muốn cố gắng rèn luyện những phẩm chất nghề nghiệp như: Yêu nghề, yêu trẻ, tận tụy với công việc, công bằng khách quan trong đối xử với trẻ, khả năng làm chủ cảm xúc...và xem nghề GDMN là một nghề được học sinh yêu quý, xã hội tôn trọng. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ SV chưa định hướng nghề nghiệp đúng đắn, xem nhẹ việc rèn luyện các phẩm chất ĐĐNN, sống không có động cơ, mục đích rõ ràng, lệch lạc về tư tưởng, xem nhẹ giá trị đạo đức, không tích cực tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, nhân cách đạo đức nhà giáo ngay trong môi trường sư phạm...Đây là một vấn đề vô cùng phức tạp cho những người làm công tác giáo dục. Thực tế này đòi hỏi một quá trình giáo dục định hướng giá trị có tính chất từ vi mô đến vĩ mô của toàn xã hội.

- Đòi sống tình cảm của tuổi sinh viên

Tuổi SV là thời kì phát triển mạnh mẽ nhất của các loại tình cảm cấp cao như: tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ và thể hiện chiều sâu rõ rệt. Đa số các em biểu thị sự chăm chỉ, say mê của mình đối với chuyên ngành và nghề nghiệp đã chọn.

Tóm lại, SV ngành GDMN Trường CĐSP là những tri thức rất trẻ, có tuổi đời từ 18-25, đang ở giai đoạn chuẩn bị tích cực nhất cho tương lai nghề nghiệp bản thân. Sự nhiệt tình, năng động và sáng tạo chính là sức mạnh to lớn giúp họ làm chủ kiến thức, hình thành kỹ năng cơ bản và thái độ tích cực đối với nghề nghiệp. Tuy vậy, do còn trẻ về tuổi đời, kinh nghiệm sống còn ít, các em rất dễ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi những mặt trái của xã hội. Sự gần gũi, giáo dục, định hướng của thầy cô, cha mẹ, các đoàn thể xã hội đối với các em là vô cùng cần thiết.

1.4.2. Vai trò của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm

Nghề GVMN là lĩnh vực hoạt động lao động giáo dục trẻ em dưới 6 tuổi. Trong trường mầm non, người giáo viên giữ vai trò chủ đạo, là người tổ chức và điều khiển quá trình hình thành nhân cách trẻ em. Vai trò to lớn của nghề và của

người giáo viên ở bậc học mầm non đã được xã hội ghi nhận. Muốn thành công trong nghề nghiệp này, người giáo viên phải có năng lực chuyên môn vững vàng và những phẩm chất ĐĐNN đặc trưng.

Sinh viên ngành GDMN Trường CĐSP là những người đang học trong cơ sở đào tạo nghề Sư phạm Mầm non tại các Trường CĐSP, đang học nghề, thực hành tay nghề dưới sự giám sát của giảng viên hoặc người có chuyên môn sâu, có bằng cấp về chuyên môn và có nghiệp vụ nhất định. Như vậy, trong tương lai SV ngành GDMN Trường CĐSP sẽ tham gia vào hoạt động lao động trong lĩnh vực chăm sóc và giáo dục trẻ dưới 6 tuổi ở một trong những cơ sở GDMN. Công tác GDMN là một trong những lĩnh vực lao động phức tạp và đòi hỏi ở con người tính chuyên nghiệp cao. Tính chuyên nghiệp của nghề GVMN được thể hiện ở việc: Họ được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn để có thể giải quyết các công việc của mình một cách hiệu quả hơn những người bình thường khác; Hơn nữa họ phải có ý thức trách nhiệm, có ĐĐNN đúng đắn. Hơn ai hết, họ hiểu rõ nhân cách của mình có ảnh hưởng rất lớn đến những người xung quanh, đặc biệt là đến trẻ mầm non. ĐĐNN còn đảm bảo cho họ có thể đứng vững và lâu bền trong nghề nghiệp và trong xã hội.

Hiểu rõ vai trò to lớn của ĐĐNN và việc giáo dục ĐĐNN đối với SV ngành GDMN Trường CĐSP, cho nên ngay từ khi các em còn ngồi trên ghế giảng đường sư phạm, các GVMN tương lai cần phải được giáo dục ĐĐNN một cách nghiêm túc nhằm hình thành, phát triển nhân cách người giáo viên chân chính, góp phần xây dựng đội ngũ giáo viên có đức, có tài đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục và phát triển đất nước.

1.4.3. Một số mục tiêu, nội dung và nguyên tắc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm

1.4.3.1. Một số mục tiêu và nội dung giáo dục đạo đức

Giáo dục ĐĐNN là một vấn đề lớn và là một thành tố quan trọng của quá trình giáo dục ĐĐNN, nó quy định các hoạt động giáo dục ĐĐNN trong thực tiễn. Mục tiêu, nội dung giáo dục ĐĐNN được xây dựng xuất phát từ mục đích

giáo dục đạo đức của xã hội và của nghề nghiệp và từ các yêu cầu khách quan của đất nước và thời đại.

- Mục tiêu giáo dục ĐĐNN bao gồm cả ba mặt: Ý thức đạo đức; thái độ, tình cảm đạo đức; hành vi, thói quen đạo đức.

- Nội dung giáo dục ĐĐNN cho sinh viên ngành GDMN Trường CĐSP được gắn với phẩm chất đạo đức của người GVMN trong tương lai, được cụ thể hoá theo yêu cầu nghề nghiệp trong thời đại mới, cụ thể là:

Giáo dục các phẩm chất chính trị: Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Có ý thức tổ chức kỉ luật, ...

Thế giới quan khoa học, lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ;

Giáo dục lòng yêu người, yêu trẻ, tôn trọng nhân cách người học;

Giáo dục lòng yêu nghề sâu sắc, ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống đạo đức nhà giáo, tinh thần lao động nghiêm túc, chuyên nghiệp...;

Giáo dục tác phong mẫu mực, quan hệ ứng xử tốt với người khác và với cộng đồng;

Giáo dục các phẩm chất ý chí, tinh thần vượt khó vươn lên hoàn thành mọi nhiệm vụ được phân công;

Giáo dục ý thức tự học, tự bồi dưỡng, không ngừng phấn đấu trở thành tấm gương về mọi mặt cho học sinh noi theo.

1.4.3.2. Nguyên tắc giáo dục đạo đức nghề nghiệp

Thứ nhất: Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích và tính tư tưởng cao trong công tác giáo dục ĐĐNN.

Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích và tính tư tưởng phản ánh tính định hướng trong công tác giáo dục đạo đức. Quá trình giáo dục ĐĐNN là hoạt động có ý thức, có mục đích của nhà giáo dục tác động đến người được giáo dục nhằm hình thành ý thức, phẩm chất đạo đức và các hành vi, thói quen ĐĐNN cho SV, đem lại những giá trị đạo đức tốt đẹp cho cộng đồng, xã hội và mỗi cá nhân. Quá trình giáo dục ĐĐNN là quá trình chuyển hóa các yêu cầu về ĐĐNN của trường sư phạm, của xã hội thành những giá trị đạo đức của cá nhân, nó

phản ánh một cách đúng đắn những quan hệ khách quan có ý nghĩa đối với cá nhân và xã hội.

Đây là nguyên tắc mang tính khái quát cao đòi hỏi phải tổ chức hoạt động giáo dục ĐĐNN trong và ngoài nhà trường theo định hướng thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các tổ chức trong và ngoài nhà trường. Khắc phục và loại trừ mọi biểu hiện "tự do", tùy tiện trong công tác giáo dục, tách rời giáo dục với sự nghiệp cách mạng, tư tưởng văn hóa.

Nguyên tắc này có tính chất định hướng, chỉ đạo việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục ĐĐNN phù hợp với yêu cầu và tính chất của môi trường giáo dục.

Thứ hai: Nguyên tắc giáo dục ĐĐNN phải gắn với cuộc sống, đời sống xã hội, với sự nghiệp cách mạng và thực tiễn xây dựng đất nước.

Thực tiễn giáo dục đã cho thấy hiệu quả giáo dục phụ thuộc phần lớn vào kiến thức và sự trải nghiệm của bản thân người được giáo dục. Muốn có kiến thức và kinh nghiệm, con người phải tham gia vào các hoạt động ở các môi trường, hoàn cảnh và với các tình huống khác nhau. Trong quá trình giáo dục nói chung và giáo dục ĐĐNN nói riêng phải gắn với đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh ... của từng vùng miền, của đất nước để người tiếp thu giáo dục nhận thức sâu sắc những sự kiện trong các lĩnh vực đó, tự phân tích, thể nghiệm các hành vi, hoạt động và từ đó rút ra bài học riêng, tạo nên vốn sống, vốn kinh nghiệm quý báu cho bản thân. Đồng thời, thông qua các hoạt động thực tế này, người được giáo dục sẽ tạo dựng được các mối quan hệ xã hội, xây dựng được niềm tin, có được những tình cảm đạo đức trong sáng, phù hợp. Trong điều kiện xã hội hóa và đa dạng hóa giáo dục, quan hệ giữa trường học với xã hội ngày càng phức tạp hơn thì việc tạo cơ hội để thế hệ trẻ tham gia vào các hoạt động gắn thực tiễn lại càng có ý nghĩa sâu sắc hơn.

Thứ ba: Nguyên tắc giáo dục ĐĐNN phải thống nhất giữa giáo dục ý thức đạo đức và hành vi đạo đức.

Giáo dục ĐĐNN là một quá trình, một chỉnh thể trọn vẹn bao gồm các mặt, các khâu thông nhất biện chứng với nhau. Giáo dục ĐĐNN đạt tới hiệu quả khi mỗi cá nhân vừa có ý thức đạo đức đúng lại vừa có hành vi đạo đức phù hợp trong mọi tình huống của cuộc sống, bởi ý thức đạo đức và hành vi đạo đức là hai mặt tồn tại không thể tách rời trong mỗi con người có đạo đức.

Tuy nhiên, để thống nhất giữa ý thức đạo đức và hành vi đạo đức lại không phải là điều dễ dàng, bởi giữa hai mặt đó thường có một khoảng cách. Nhiệm vụ của nhà giáo dục là cần phải nối liền khoảng cách này làm cho ý thức đạo đức và hành vi đạo đức của người được giáo dục có sự thống nhất cao độ. Để có tri thức đạo đức, niềm tin đạo đức và sẵn sàng hành động có đạo đức thì thế hệ trẻ cần phải được tham gia vào các hoạt động thực tiễn để hành vi đạo đức được lặp đi lặp lại một cách có hệ thống, hình thành các thói quen đạo đức. Thực tế cuộc sống và hoạt động xã hội chính là nơi thử thách ý chí và hành vi của con người.

Như vậy, ý thức hình thành, phát triển và được biểu hiện bằng hành vi, hành động, đồng thời hướng dẫn hành vi, hành động sao cho phù hợp với hệ thống quy tắc, chuẩn mực chung của xã hội; ngược lại, hành vi, hành động có tác động trở lại, củng cố cho ý thức, làm giàu thêm tình cảm và niềm tin đạo đức. Sự thống nhất giữa ý thức đạo đức và hành vi đạo đức phải là mục đích và cũng là nguyên tắc chỉ đạo để tiến hành các hoạt động giáo dục đạo đức có hiệu quả.

Thứ tư: Nguyên tắc tôn trọng nhân cách và tính đến đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm cá nhân trong quá trình giáo dục ĐĐNN.

Mỗi con người là một chủ thể có ý thức, họ luôn có lòng tự trọng và biết tôn trọng người khác, đồng thời cũng có nhu cầu người khác phải tôn trọng mình. Để giáo dục ĐĐNN có hiệu quả, trước hết nhà giáo dục phải biết tôn trọng và có niềm tin đối với con người, biết đề cao phẩm giá, năng lực, nhân cách, tin tưởng vào ý muốn tốt đẹp, tinh thần cầu tiến bộ, nghị lực và ý chí vươn lên ở mỗi con người. Tôn trọng nhân cách cũng chính là yêu cầu cao đối với con người và càng yêu cầu cao càng phải tôn trọng con người. Yêu cầu cao có nghĩa

là đòi hỏi một sự hoàn thiện trong nhận thức và hành vi, tin tưởng giao việc và động viên họ hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Thứ năm: Nguyên tắc phát huy tính chủ động, độc lập và sáng tạo của người được giáo dục dưới sự tổ chức, hướng dẫn của nhà giáo dục.

Giáo dục có tính chất hai mặt, do đó sự thống nhất vai trò chủ đạo của nhà giáo dục với phát huy vai trò tích cực, chủ động, tự giáo dục của các đối tượng giáo dục trở thành một nguyên tắc giáo dục quan trọng. Nhà giáo dục có chức năng định hướng, chỉ dẫn cho thế hệ trẻ đi đến mục tiêu, quan tâm đến họ về mọi phương diện, mọi hoạt động. Tuy nhiên, tích tích cực, chủ động của chính bản thân các em có vai trò quyết định đối với chất lượng và hiệu quả của quá trình giáo dục. Chỉ khi nào họ chủ động có ý thức trong tiếp nhận các tác động giáo dục một cách tích cực, sáng tạo, tự tu dưỡng và rèn luyện hiệu quả mới có thể giúp họ hình thành tình cảm, thói quen và hành vi có giá trị đạo đức, có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Thứ sáu: Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống, liên tục và toàn vẹn của quá trình giáo dục ĐĐNN.

Giáo dục là một thể thống nhất và toàn vẹn. Mỗi thành tựu giáo dục, mỗi phẩm chất nhân cách được hình thành là kết quả của sự cố gắng liên tục và là sự tổng hợp toàn bộ những tác động của các lực lượng giáo dục. Vì vậy, trong quá trình giáo dục ĐĐNN không thể phân chia quá trình này thành những khâu riêng biệt hay thành các bộ phận tách rời nhau một cách biệt lập. Cần phải xem xét vấn đề một cách hệ thống, cân nhắc kỹ lưỡng các điều kiện liên quan đến việc tổ chức thực hiện quá trình giáo dục ĐĐNN mới có thể tổ chức, điều khiển các hoạt động một cách liên tục, có hệ thống, nhằm vào mục tiêu, đáp ứng các yêu cầu nhất quán.

Nguyên tắc này đặt ra là phải có một kế hoạch giáo dục ĐĐNN thống nhất, từng bước tăng dần những yêu cầu chung. Giáo dục ĐĐNN phải được tiến hành theo phương pháp củng cố thường xuyên những tri thức đạo đức, thái độ tình cảm đạo đức và những hành vi đạo đức và ĐĐNN đã được xác lập. Dựa vào những kết quả giáo dục đạo đức, ĐĐNN đã có để tiếp tục giáo dục những phẩm

chất đạo đức mới. Phải làm chuyển biến những tác động giáo dục thành ý thức và thói quen tự giáo dục, biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Sự tác động giáo dục đạo đức, ĐĐNN đảm bảo có hệ thống, liên tục và toàn vẹn là nguyên tắc giáo dục quan trọng nhằm thực hiện hiệu quả việc hình thành các phẩm chất tốt đẹp của người công dân chân chính.

Thứ bảy: Nguyên tắc giáo dục trong tập thể và thông qua tập thể.

Con người có bản chất xã hội, do đó nhân cách con người chỉ có thể phát triển khi họ được tham gia vào các hoạt động xã hội, vào các mối quan hệ giao lưu và hợp tác khác.

Ở nhà trường chuyên nghiệp, tập thể là nơi SV sống và học tập, là môi trường trực tiếp để các em hoạt động, sinh hoạt và giao lưu; đối với nhà trường tập thể là phương tiện, phương thức để giáo dục đạo đức cho sinh viên. Do vậy, muốn giáo dục ĐĐNN cho SV phải đưa họ vào sinh hoạt tập thể và sử dụng tập thể như môi trường để giáo dục mỗi SV.

Bất kỳ một tập thể chân chính nào như lớp học, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, ... đều có mục đích, nghĩa vụ, lợi ích chung. Thông qua kế hoạch, nội dung, nội quy, quy chế của tập thể giúp cho mỗi cá nhân SV tự giác điều khiển, điều chỉnh, rèn luyện hành vi của mình sao cho phù hợp, đảm bảo lợi ích chung của tập thể. Mặt khác, tập thể sẽ tác động tới mỗi thành viên, giúp đỡ, chia sẻ để mỗi cá nhân ngày càng hoàn thiện nhân cách chính mình.

Nguyên tắc này yêu cầu nhà giáo dục phải xây dựng được những tập thể sư phạm lành mạnh, tích cực, toàn diện, tổ chức tốt các hoạt động tập thể đa dạng, tạo điều kiện cho mỗi thành viên có cơ hội tham gia để thể hiện bản thân, rèn luyện các kỹ năng cần thiết, có thể tiếp nhận được tối đa những tác động tích cực từ tập thể. Nhà giáo dục một mặt tác động đến tập thể, thông qua tập thể để gây ảnh hưởng đến từng cá nhân, mặt khác cần tác động trực tiếp đến từng cá nhân để tạo nên cộng hưởng tích cực trong tập thể.

1.4.4. Một số phương pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm

Phương pháp giáo dục ĐĐNN là cách thức hoạt động chung và giao lưu giữa nhà giáo dục với cá nhân và tập thể người được giáo dục qua đó giúp hình thành và phát triển ở người được giáo dục ý thức, thái độ, hành vi, thói quen đạo đức phù hợp với yêu cầu ngành nghề, với chuẩn mực xã hội.

Mỗi phương pháp giáo dục, mỗi nhóm phương pháp giáo dục có chức năng nhất định, không có phương pháp giáo dục nào là vạn năng. Mặt khác quá trình giáo dục bao giờ cũng mang tính cá biệt, phù hợp trong từng tình huống nhất định. Do đó, cần phải lựa chọn và vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục khác nhau nhằm phát huy hết thế mạnh của từng phương pháp, đem lại hiệu quả giáo dục cao. Trong quá trình tổ chức giáo dục ĐĐNN cho SV có thể sử dụng các nhóm phương pháp sau:

1.4.4.1. Nhóm phương pháp hình thành ý thức cá nhân

Là những phương pháp tác động vào lí trí, tình cảm, ý chí của người được giáo dục nhằm hình thành ở họ ý thức xã hội, niềm tin đạo đức. Bao gồm các phương pháp: Đàm thoại, khuyên bảo, giảng giải, kể chuyện, nêu gương, phương pháp tạo dư luận...

Nhóm các phương pháp hình thành ý thức cá nhân có tác dụng giúp người được giáo dục trang bị những tri thức cần thiết về các chuẩn mực xã hội để họ hiểu được những giá trị xã hội cần tôn trọng. Trên cơ sở đó dần dần họ sẽ hình thành niềm tin đối với các chuẩn mực, các giá trị xã hội đó, làm cơ sở định hướng cho hệ thống hành vi và thói quen đạo đức.

1.4.4.2. Nhóm phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kinh nghiệm ứng xử

Là những phương pháp tổ chức các hoạt động thực tiễn cho người được giáo dục tham gia nhằm tạo cơ hội cho họ chuyên hoá ý thức, hành vi và lặp đi lặp lại hành vi để có thói quen cần thiết. Bao gồm: phương pháp nêu yêu cầu su phạm, tập luyện, rèn luyện...

Nhóm phương pháp này được tổ chức tốt giúp các em có điều kiện cọ sát thực tế, kiểm nghiệm lý thuyết, từ đó tự giác thực hiện nội quy, quy chế, công việc hay nghĩa vụ nhất định, Đồng thời hình thành kĩ năng, kĩ xảo, thói quen cần

thiết, biết ứng xử phù hợp với chuẩn mực ĐĐNN phù hợp với yêu cầu của nghề và xã hội.

1.4.4.3. Nhóm phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi

Là các phương pháp nhà giáo dục biểu thị sự đánh giá tích cực hay không đồng tình, phê phán các hành động, hành vi của người được giáo dục.

Nhóm này gồm 3 phương pháp chính:

- Khen thưởng: Là cách thức biểu thị sự đánh giá tích cực của xã hội đối với hành vi ứng xử và hoạt động của từng học sinh, sinh viên hay của nhóm, tập thể.

- Trách phạt: Là cách thức tác động vào nhân cách học sinh, sinh viên bằng cách biểu thị sự không đồng tình, phê phán và lên án những hành động, hành vi trái với các chuẩn mực đạo đức của xã hội hoặc đi chệch khỏi những qui tắc tập thể.

- Phương pháp thi đua: Là phương pháp tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh trong tập thể nhằm kích lệ sự cố gắng của tất cả các thành viên để giành lấy thắng lợi cho đơn vị mình.

Nhóm phương pháp nêu trên nhằm kích thích những hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội đồng thời uốn nắn, điều chỉnh những hành vi lệch chuẩn, không phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Trong quá trình vận dụng các phương pháp giáo dục cần đảm bảo sự thống nhất giữa các hoạt động giáo dục, vai trò chủ đạo của nhà giáo dục với hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện của người được giáo dục. Tránh tuyệt đối hoá vai trò của nhà giáo dục hay vai trò của người được giáo dục.

1.4.5. Những con đường cơ bản nhằm giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm

1.4.5.1. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động dạy học trên lớp

Mỗi học phần đều có vị trí, vai trò riêng trong quá trình dạy học và đều góp phần quan trọng cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành thái độ nghề nghiệp của SV. Việc giáo dục đạo đức cho SV không chỉ đơn thuần dừng lại ở học phần riêng biệt nào mà là sự cộng hưởng của tất cả các môn học. Thực tế cho thấy, không phải người GV nào cũng đều lồng ghép việc giáo dục đạo đức cho SV thông qua học phần mình phụ trách, mà thường việc giáo dục đạo đức

cho SV được đặt nặng lên đôi vai của các GV cố vấn học tập, các bộ phận chuyên trách hoặc các tổ chức đoàn thể, nhất là Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên. Kết quả của việc giáo dục đạo đức cho SV không chỉ được thể hiện liền sau mỗi tiết dạy mà là kết quả toàn bộ quá trình giáo dục có sự kết hợp từ nhiều học phần với nhau. Lĩnh vực giáo dục đạo đức cho SV phải được nhận thức toàn diện thông qua thái độ học tập, hành vi ứng xử, tinh thần, thái độ trong công việc, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ với vai trò là người học. Do đó, trong từng học phần, GV phải có trách nhiệm trong việc hướng SV nhận thức đúng đắn và có những hành vi ứng xử phù hợp từng hoàn cảnh cụ thể. Giảng viên phải thể hiện cho SV thấy rằng thời gian mà họ trải qua trong từng tiết học trên lớp là thực sự cần thiết và xứng đáng; rằng đó là những kiến thức thực sự quan trọng trên con đường hoàn thiện kiến thức chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm với nghề nghiệp của các em sau này. Ngoài ra, giáo dục đạo đức cho SV thông qua hành vi ứng xử, giải quyết tình huống của GV. Bất cứ buổi học nào cũng có thể xảy ra những tình huống giao tiếp thông thường trong hoặc ngoài dự kiến của GV. Vì vậy, các em có thể học được cách xử lý tình huống từ GV để linh hoạt, khéo léo hơn khi gặp những tình huống cụ thể. Đồng thời, những biểu hiện về xử lý tình huống trong giao tiếp cũng mang lại ấn tượng tốt đẹp cho các em. Bên cạnh đó, giáo dục ĐĐNN cho SV còn có thể thông qua lối sống, phong cách của GV. Khi đề cập đến những chuẩn mực về đạo đức, dư luận xã hội thường tôn vinh đạo đức của người thầy giáo; và thầy, cô giáo thực sự là tấm gương cho học sinh của mình noi theo. Vì vậy, giảng viên phải chuẩn mực, lối sống giản dị, trong sáng, lành mạnh. Cuối cùng, thông qua các hoạt động ngoại khoá, sinh hoạt chuyên đề của các môn học, người GV có dịp để giáo dục đạo đức cho SV nhiều hơn. Các hoạt động này là sự kết hợp rèn luyện kiến thức, kỹ năng, thái độ cho SV. Giáo dục tư tưởng trong đào tạo là hoạt động quan trọng gắn liền trong toàn bộ quá trình giáo dục nói chung, mỗi GV phụ trách từng môn học cần thiết phải giáo dục tư tưởng bên cạnh nhiệm vụ cung cấp kiến thức chuyên môn theo phương châm dạy người đi cùng với dạy chữ.

1.4.5.2. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp

Hoạt động ngoài giờ lên lớp là những hoạt động được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là bộ phận tiếp nối và thống nhất hữu cơ với hoạt động học tập trong giờ học. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp tạo những điều kiện giúp SV thể hiện những điều đã được học trong cuộc sống; là con đường gắn lý thuyết và thực tiễn góp phần quan trọng vào sự hoàn thành nhân cách toàn diện của thế hệ trẻ. Hoạt động ngoài giờ lên lớp càng phong phú, đa dạng phù hợp với nhu cầu, hứng thú của SV, có ý nghĩa thực tiễn cao... sẽ thu hút SV tích cực tham gia vào các hoạt động qua đó giúp họ hình thành ý thức, tình cảm, niềm tin, thói quen đạo đức nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của nghề. Đồng thời các em còn được bồi dưỡng thêm những phẩm chất chính trị tốt đẹp, nâng cao kinh nghiệm sống... góp phần giúp các em hoàn thiện nhân cách người công dân chân chính, có ích cho xã hội.

1.4.5.3. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua các hoạt động thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm

Hoạt động thực tế, thực hành, thực tập... sư phạm là một hoạt động đặc thù đối với SV ngành GDMN. Nó không chỉ rèn luyện nghiệp vụ đơn thuần chuẩn bị cho nội dung bài dạy trên lớp mà qua đó sẽ giáo dục cho SV tình cảm yêu nghề, yêu người, yêu trẻ sâu sắc.

Thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm là con đường cơ bản giúp giáo dục tư tưởng chính trị, là con đường dạy nghề có hiệu quả nhất cho SV. Quá trình đào tạo trong trường sư phạm dù có cố gắng đến mấy cũng không trang bị được hết những kỹ năng, kỹ xảo cho mọi giáo viên để giải quyết sự đa dạng các tình huống sư phạm. Hoạt động thực hành, thực tập sư phạm có ảnh hưởng quan trọng đến việc hình thành khuynh hướng sư phạm, tình cảm và niềm tin nghề nghiệp cho người giáo viên mầm non tương lai. Đồng thời, đây là điều kiện thuận lợi cho phép giáo sinh nghiên cứu để hiểu trẻ tốt hơn, từ đó thêm yêu trẻ, yêu người và yêu nghề, sẵn sàng vượt khó khăn để cống hiến cho nghề.

Như vậy, thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm diễn ra như là quá trình “thích nghi hoá” các phẩm chất của người giáo sinh cho phù hợp với yêu cầu của hoạt động sư phạm, qua đó nhiều thiếu sót được phát hiện và giải quyết. Vì thế, hoạt động thực tế, thực tập, kiến tập sư phạm là một con đường không thể thiếu trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV các Trường CĐSP. Cho nên nhà giáo dục J.A. Cômênxki đã có tư tưởng tiến bộ rằng trong nhà trường sư phạm phải có nhà trường thực hành để cho giáo sinh thường xuyên được rèn luyện.

1.4.5.4. Thông qua tập thể lớp học

Một trong những nguyên tắc giáo dục là “giáo dục qua tập thể và bằng tập thể”, lớp học là tập thể được tổ chức khá chặt chẽ, có tính mục đích, tính giáo dục. Vì thế, việc xây dựng tổ chức lớp học lành mạnh, có tính sư phạm và tính giáo dục có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong một lớp học thì cả lớp là một tập thể lớn, có những tập thể nhỏ như: tổ, nhóm, câu lạc bộ... và mỗi SV là thành viên của lớp, đồng thời là thành viên của vài ba tập thể nhỏ khác. Tập thể chính là môi trường diễn ra các hoạt động, giao lưu, giúp các em học tập lẫn nhau. Ở đó, hoạt động và các ý kiến của cá nhân đều được tập thể kiểm tra, đánh giá, được chấp nhận hoặc bị phê phán. Vì ý kiến của mỗi thành viên không những có tác dụng thông báo những thông tin lớp trẻ quan tâm, những nội dung các chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức, mà còn có tác dụng kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh nhận thức về các chuẩn mực và nguyên tắc đạo đức đó.

Từ thực tế về sự đa dạng trong thống nhất của tập thể sinh viên đòi hỏi nhà giáo dục phải có khả năng làm cho dư luận của những tập thể khác nhau có sự thống nhất cơ bản về cùng một hướng là lành mạnh, chỉ có như vậy thì dư luận mới có tác dụng giáo dục đạo đức cho sinh viên. Hơn nữa, nhà giáo dục phải biết hướng dư luận của tập thể sinh viên một cách có chủ định và dẹp đi những dư luận thất thiệt ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức.

1.4.5.5. Qua sự tự tu dưỡng, rèn luyện của sinh viên

Sự tự tu dưỡng, tự rèn luyện của SV là con đường trực tiếp, có ý nghĩa quyết định trong quá trình giáo dục ĐĐNN ở SV. Quá trình hình thành, phát

triển đạo đức ở mỗi cá nhân là một quá trình lâu dài, phức tạp, trong quá trình đó có các tác động bên ngoài và động lực bên trong thường xuyên tác động lẫn nhau, vai trò của mỗi yếu tố đó thay đổi tùy theo từng giai đoạn phát triển của con người. Khi nhân cách của cá nhân phát triển khá đầy đủ thì việc xem xét, đánh giá hay cư xử bất cứ điều gì cá nhân cũng dựa trên quan điểm, niềm tin đạo đức của mình, lúc này cái bên ngoài được sàng lọc thông qua cái bên trong. Cá nhân dựa vào cái bên trong của mình để đánh giá, tiếp nhận hay gạt bỏ cái bên ngoài. Ở đây lương tâm trở thành nhân tố điều chỉnh hành vi đạo đức cá nhân. Sự hình thành và phát triển các phẩm chất đạo đức của SV do ảnh hưởng của tác động bên ngoài mà trước hết là nhà trường, tập thể, gia đình sẽ dần chuyển thành sự tự giáo dục, trong đó sự tự tu dưỡng là yếu tố cơ bản.

Như vậy, sự tự tu dưỡng về ĐĐNN của SV là một hệ thống hành động tự giác mà mỗi cá nhân thực hiện nhằm khắc phục những hành vi trái đạo đức, bồi dưỡng, củng cố hành vi có đạo đức. Sự tự tu dưỡng là yêu cầu tự nhiên ở mỗi cá nhân, ở trình độ ý thức đã phát triển, mọi cá nhân đều cần làm cho mình tốt hơn lên, bồi dưỡng tình cảm, ý chí của chính mình, khắc phục những thói hư, tật xấu, giúp bản thân mỗi cá nhân ngày càng phát triển hoàn thiện.

1.4.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm

1.4.6.1. Yếu tố khách quan

- Đặc điểm phát triển của nền kinh tế thị trường

Đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội có ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống của sinh viên và chi phối các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên của Nhà trường. Dưới những tác động tích cực quá trình phát triển kinh tế - xã hội, ĐĐNN của SV ngành GDMN có những nhiều chuyển biến. Hầu hết SV hiện nay rất năng động, sáng tạo, có lý tưởng và động cơ nghề nghiệp rõ ràng, thích ứng nhanh trước những diễn biến của xã hội. Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, ĐĐNN của SV cũng chịu tác động của những ảnh hưởng tiêu cực từ nền KTTT. Một bộ phận SV có những biểu hiện: lười học, sống buông thả, thực dụng, động cơ và lý tưởng nghề nghiệp không rõ ràng, ăn chơi đua

đòi,...Điều đó đã gây ra không ít khó khăn trong công tác giáo dục ĐĐNN cho các em. Vì vậy, để nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV, nhà trường cần có những biện pháp nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực và kịp thời ngăn chặn, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố trên.

- Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp của Nhà trường:

Trong thời đại ngày nay, việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ nói chung và SV nói riêng cần được tiến hành thông qua các hoạt động phong phú, đa dạng, hấp dẫn, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của các em. Điều kiện cơ sở vật chất đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, phù hợp cho các hoạt động sẽ là điều kiện thuận lợi tiến hành các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV. Ngược lại, hoạt động mà thiếu phương tiện hoặc phương tiện chất lượng kém sẽ khiến SV chẳng hào hứng tham gia hoạt động và gây ra những trở ngại lớn đến quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV. Do vậy, quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN cần coi trọng việc trang bị đầy đủ CSVC thiết bị phù hợp trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục.

1.4.6.2. Yếu tố chủ quan

- Nội dung chương trình đào tạo

Hiện nay trong các chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo cao đẳng, đại học nói chung và CĐSP nói riêng đều không có học phần ĐĐNN riêng biệt. Nội dung giáo dục ĐĐNN chỉ được lồng ghép trong các học phần đại cương và trong các học phần chuyên ngành. Do đó, việc giáo dục ĐĐNN cho SV còn rời rạc, thiếu tính hệ thống, chưa thực sự mang lại hiệu quả cao. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN thì nhà trường cần cụ thể hóa mục tiêu, nội dung, các hình thức, phương pháp giáo dục ĐĐNN vào trong chương trình đào tạo. Nội dung đào tạo càng chi tiết, cụ thể thì sẽ giúp người học hình thành ĐĐNN một cách bài bản và hệ thống hơn.

- Đặc điểm tâm sinh lý, nhận thức, nhu cầu giáo dục đạo đức nghề nghiệp của sinh viên

Đặc điểm tâm, sinh lý, nhu cầu, hứng thú và tính tích cực của SV cũng ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục ĐĐNN. Có thể nói đây là yếu tố quyết định trực tiếp để chất lượng hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV của nhà trường. Do đó, trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV, nhà trường cần có những biện pháp giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu giáo dục của SV, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng và chất lượng giáo dục – đào tạo của nhà trường nói chung.

- Nhận thức và năng lực giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong trường:

Cán bộ quản lý, giảng viên, và các LLGD khác với vai trò chủ đạo của nhà giáo dục - người định hướng, tổ chức, điều khiển quá trình giáo dục của người học. Vì vậy, ý thức trách nhiệm với công tác tổ chức hoạt động giáo dục cho SV và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các LLGD có ý nghĩa rất quan trọng, quy định hiệu quả hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ở nhà trường. Nhận thức đúng sẽ giúp các LLGD có những định hướng và tác động giáo dục tích cực tới ĐĐNN của SV. Ngược lại, nhận thức chưa đúng, năng lực hạn chế sẽ gây ra những khó khăn, cản trở trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV trong trường.

- Sự tham gia và phối hợp của các lực lượng giáo dục

Hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV để đạt được kết quả cao thì ngoài việc tác động giáo dục từ các lực lượng trong trường còn có sự tham gia của nhiều lực lượng giáo dục ở bên ngoài Nhà trường như: chính quyền địa phương, công an, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các đoàn thể chính trị - xã hội khác ở địa phương. Nếu các lực lượng giáo dục đó nhiệt tình, tâm huyết, có trình độ và biết phối hợp chặt chẽ với nhà trường sẽ tạo nên một sự đồng thuận, thống nhất cao trong công tác giáo dục đạo đức nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV nói riêng. Ngược lại nếu thiếu vắng hoặc quá trình phối hợp không chặt chẽ giữa nhà trường và các lực lượng này sẽ là nhân tố hạn chế chất lượng, hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho sv nhà trường.

Tiểu kết chương 1

Trên thế giới và Việt Nam cho đến nay đã có rất nhiều tác giả nghiên cứu về vấn đề đạo đức, ĐĐNN và giáo dục ĐĐNN cho SV ở các Trường CĐSP. Những nghiên cứu đó là nguồn tài liệu quý giá để tôi kế thừa và tiếp tục đi sâu nghiên cứu về vấn đề giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP.

Từ việc phân tích một cách tổng quan các công trình nghiên cứu của những tác giả đi trước, chúng tôi đưa ra những cơ sở lý luận sau:

Nghiên cứu một số khái niệm cơ bản về: đạo đức, nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, giáo dục đạo đức, giáo dục đạo đức nghề nghiệp, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, ...

Trong đề tài này, chúng tôi quan niệm: *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một hệ thống các hoạt động, các giải pháp, biện pháp tác động vào nhận thức, thái độ, hành vi của người học nhằm hình thành những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cần thiết, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và phù hợp với yêu cầu xã hội.*

Trên cơ sở tìm hiểu hệ thống khái niệm cơ bản của đề tài, chúng tôi đi sâu phân tích làm rõ: Vị trí, vai trò của ĐĐNN đối với GVMN; Những phẩm chất ĐĐNN đặc thù của người GDMN; Vai trò của hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN; Những nguyên tắc, nội dung, phương pháp, các con đường giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN, ...

Kết quả nghiên cứu cơ sở lý luận có vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng để chúng tôi đánh giá thực trạng, đề xuất các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk một cách hiệu quả nhất, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của nhà trường trong những năm tới.

Chương 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK

2.1. Tổ chức nghiên cứu

2.1.1. Vài nét về mẫu nghiên cứu

Trường CĐSP Đắc Lắc là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Giáo dục Đào tạo Đắc Lắc. Trường có chức năng, nhiệm vụ chính là: Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên có trình độ cao đẳng bậc Mầm non; nghiên cứu khoa học giáo dục phục vụ công tác giáo dục - đào tạo.

- Về cơ cấu tổ chức, bộ máy

Cơ cấu tổ chức, bộ máy bao gồm:

+ Hội đồng trường: 15 người, gồm Chủ tịch Hội đồng trường, Thư ký và các thành viên.

+ Ban giám hiệu: 02 người (01 Phó Hiệu trưởng phụ trách trường và 01 Phó Hiệu trưởng).

+ Các đơn vị trực thuộc: 08 đơn vị, gồm: Phòng Hành chính - Quản trị, Phòng Tổ chức cán bộ - Công tác sinh viên; Phòng Đào tạo - Bồi dưỡng; Phòng Quản lý chất lượng - Khoa học & Công nghệ; Khoa Giáo dục mầm non; Bộ môn chung; Tổ tài vụ; trường Thực hành Sư phạm Mầm non Hoa hồng.

Tình hình đội ngũ viên chức, người lao động

Đầu năm học 2023 - 2024, toàn trường có 137 viên chức, người lao động (biên chế: 124; hợp đồng: 13). Viên chức lãnh đạo, quản lý: 23. Viên chức hành chính, hợp đồng lao động: 34. Giảng viên, giáo viên: 103 (giảng viên trường CĐSP: 70; giáo viên trường Thực hành sư phạm Mầm non Hoa hồng: 33)

- Về trình độ chuyên môn: Tổng số viên chức, người lao động: 137. Trong đó: tiến sĩ: 04; thạc sĩ: 66; đại học: 47; cao đẳng: 07; khác: 13. Trình độ lý luận chính trị: cao cấp lý luận chính trị: 04; trung cấp lý luận chính trị: 13; giảng viên hạng II: 09; giảng viên hạng III: 61; giáo viên hạng II, III: 33.

Tính đến cuối năm học, số viên chức, người lao động: 127 (biên chế: 116; hợp đồng 11). Giảng viên, giáo viên: 96 (giảng viên trường CĐSP: 63; giáo viên

trường Thực hành sư phạm Mầm non Hoa hồng: 33). Khác (chuyên viên, nhân viên, kế toán viên): 31. [13,1]

Năm học 2023 - 2024 toàn trường có tổng số 282 SV ngành GDMN, thuộc các khóa 47, 48, 49. Trong đó có 158 SV là người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 56%. Với đặc thù hiện nay Trường CĐSP Đắk Lắk chỉ đào tạo ngành GDMN nên 100% SV là nữ.

2.1.2. Tiến trình nghiên cứu

Căn cứ vào mục đích, nhiệm vụ của đề tài, chúng tôi chia tiến trình nghiên cứu thành 4 giai đoạn sau:

- Giai đoạn 1: Từ tháng 10/2023 đến cuối tháng 10/2023, xác định vấn đề nghiên cứu và xây dựng đề cương nghiên cứu, bảo vệ đề cương.

- Giai đoạn 2: Từ cuối tháng 10/2023 đến cuối tháng 04/2024, tiến hành phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa cơ sở lý luận của đề tài. Xây dựng các mẫu phiếu điều tra và tiến hành điều tra khảo sát thực trạng, phân tích kết quả thực trạng.

- Giai đoạn 3: Từ cuối tháng 03/2024 đến giữa tháng 08/ 2024, đề xuất một số biện pháp giúp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trường CĐSP Đắk Lắk. Tổ chức khảo nghiệm tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trường CĐSP Đắk Lắk.

- Giai đoạn 4: Từ giữa tháng 08/2024 đến tháng 10/2024, viết tổng kết đề tài và hoàn thiện đề tài bằng file word và bản in, viết báo cáo tóm tắt đề tài, chuẩn bị bảo vệ đề tài theo kế hoạch của hội đồng Nghiên cứu khoa học trường.

2.2. Các phương pháp nghiên cứu:

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu

- *Mục đích:*

Xây dựng đề cương nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử vấn đề nghiên cứu, các phương pháp tiếp cận và các kết quả nghiên cứu đã có từ đó khẳng định vấn đề nghiên cứu là hoàn toàn mới, không trùng lặp với các nghiên cứu đã công bố ở trong và ngoài nước.

Xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài, xác định các khái niệm công cụ và các thuật ngữ liên quan đến đề tài, làm cơ sở cho nghiên cứu thực tiễn.

- *Nội dung:*

Đọc và phân tích các tài liệu, bài viết và các công trình nghiên cứu có liên quan tới vấn đề: ĐĐNN, giáo dục ĐĐNN, ĐĐNN của người giáo viên mầm non, vị trí, vai trò của giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN, nội dung, nguyên tắc, phương pháp, các con đường giáo dục ĐĐNN cho SV, những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

- *Cách tiến hành:*

Xác định các vấn đề lý luận cần tìm hiểu, nghiên cứu.

Tìm kiếm nguồn tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Tiến hành đọc, phân tích, tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa chúng.

2.2.2. Phương pháp quan sát

- *Mục đích*

Phương pháp này được sử dụng để quan sát những biểu hiện cụ thể, đa dạng về hành vi ĐĐNN của SV và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trong các hoạt động giáo dục thông qua ánh mắt, nét mặt, điệu bộ, hành vi cử chỉ, hành động của SV và các lực lượng giáo dục trong trường. Dữ liệu thu được phục vụ cho mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, nhằm chính xác hóa các kết quả nghiên cứu.

- *Nội dung nghiên cứu*

- Quan sát các biểu hiện về ĐĐNN của SV và các tác động giáo dục ĐĐNN cho SV trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- *Cách thức tiến hành*

Tiến hành quan sát trong hoạt động giảng dạy trên lớp và các hoạt động ngoài giờ lên lớp như: hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thực hành, thực tập sư phạm....

Nhờ sự cộng tác của các giáo viên hướng dẫn thực hành nghiệp vụ sư phạm hoặc GV cố vấn học tập quan sát dưới sự hướng dẫn của tác giả.

Sử dụng các thiết bị hỗ trợ như quay camera, chụp ảnh, ghi âm...

2.2.3. Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

- *Mục đích*

Phương pháp được sử dụng nhằm mục đích thu thập thông tin về thực trạng nhận thức của CBQL, GV và SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk về giáo dục ĐĐNN; Thực trạng hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk. Khảo nghiệm về tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk thông qua các đánh giá của GV và CBQL trong trường.

- Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu sự tự đánh giá của GV, CBQL và SV về tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người GVMN; các phẩm chất ĐĐNN cần thiết, đặc thù của người GVMN; ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN.

Nghiên cứu đánh giá của SV, GV và CBQL về thực trạng triển khai mục tiêu, nội dung, các con đường giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN; mức độ tham gia của các lực lượng giáo dục, tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục ĐĐNN mà nhà trường đã triển khai, thực trạng hoạt động tự tu dưỡng, tự giáo dục ĐĐNN của SV cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trong trường.

- Tìm hiểu ý kiến đánh giá của GV và CBQL về tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk.

- Cách thức tiến hành

Bước 1: Xây dựng phiếu điều tra.

Chúng tôi tiến hành xây dựng 3 loại phiếu hỏi:

+ Loại 1: Phiếu điều tra dành cho SV (phụ lục 3).

Phiếu điều tra gồm 10 câu hỏi đóng. Để đảm bảo tính khách quan trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi tiến hành theo 2 bước:

Thứ nhất: Sử dụng câu hỏi mở (phụ lục 1) điều tra thăm dò khoảng 20 SV, nội dung chính của phiếu là tìm hiểu về động cơ nghề nghiệp, nhận thức về giá trị nghề, tầm quan trọng của ĐĐNN, các phẩm chất ĐĐNN cần thiết, đặc thù của người GVMN, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN; đánh giá của SV về thực trạng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành

GDMN; thực trạng tổ chức và đánh giá kết quả thực hành, thực tập sư phạm, mức độ tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên của các lực lượng giáo dục ... trong trường.

Thứ hai: Xây dựng hệ thống câu hỏi điều tra (phụ lục 3). Chúng tôi sử dụng chủ yếu câu hỏi đóng, các câu hỏi này được xây dựng dựa trên mục đích, nhiệm vụ, cơ sở lý luận của đề tài và kết quả thăm dò lần 1. Toàn bộ câu hỏi tập trung tìm hiểu thực trạng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk.

+ Loại 2: Phiếu điều tra dành cho GV, CBQL (phụ lục 4). Phiếu gồm 12 câu hỏi (10 câu hỏi đóng, 2 câu hỏi mở), các câu hỏi nhằm tìm hiểu thực trạng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN bao gồm các vấn đề như: Mục tiêu, nội dung, các con đường, lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN cho SV; mức độ hiệu quả của các biện pháp giáo dục ĐĐNN nhà trường đã thực hiện; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục ĐĐNN ...

Loại 3: Phiếu điều tra tìm hiểu về đánh giá của GV, CBQL về tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk (Phụ lục 5) (khảo sát qua docs.google.com/forms/).

- Bước 2: Tiến hành điều tra

+ Nhà nghiên cứu nhắc lại mục đích yêu cầu và hướng dẫn SV trả lời.

+ Nhắc nhở, động viên SV có thái độ hợp tác, trả lời trung thực, đầy đủ các câu hỏi. Trực tiếp hướng dẫn cách trả lời và giải quyết những thắc mắc của SV trong quá trình trả lời.

+ Thu lại kết quả sau khi SV, GV, CBQL trả lời xong.

2.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

- *Mục đích:* Nhằm làm rõ hơn những thông tin đã thu thập được từ các phương pháp nghiên cứu khác.

- *Nội dung:* Chúng tôi xây dựng bảng câu hỏi phỏng vấn sâu dành cho GV gồm 10 câu hỏi nhằm khai thác thêm các thông tin liên quan đến thực trạng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN (Phụ lục 2).

- *Cách tiến hành:*

Xây dựng phiếu phỏng vấn.

Chọn đối tượng phỏng vấn: 10 Giảng viên.

Chọn thời điểm, hình thức và nơi phỏng vấn.

Xử lý, phân tích các nội dung phỏng vấn.

2.2.5. Phương pháp đàm thoại

- *Mục đích*: Thu thập thêm thông tin về khách thể nghiên cứu để hỗ trợ cho các phương pháp khác.

- *Nội dung*: Nội dung đàm thoại dựa theo nội dung của bảng hỏi.

- *Cách tiến hành*: Trò chuyện trực tiếp, gián tiếp với các giảng viên.

2.3.6. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

- *Mục đích*: Xử lý số liệu thu được từ bảng hỏi.

- *Nội dung*: Sử dụng phần mềm SPSS, Excel để phân tích số liệu về mặt định lượng (tỷ lệ phần trăm (%), điểm trung bình (\bar{X}), hệ số tương quan (r)...), trong đó, việc đánh giá điểm trung bình được tiến hành trên cơ sở quy ước điểm cho các mức độ trả lời như sau:

Mức độ 4 (Rất quan trọng, rất tốt, rất thường xuyên, ...): 4 điểm

Mức độ 3 (Quan trọng, tốt, thường xuyên, ...): 3 điểm

Mức độ 2 (ít quan trọng, Bình thường, thỉnh thoảng...): 2 điểm

Mức độ 1 (không quan trọng, chưa tốt, không bao giờ, ...): 1 điểm.

- Số liệu sau khi được mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS, Excel được đánh giá như sau:

Tương ứng với 4 mức độ trên, có 4 khoảng đánh giá với giá trị chênh lệch của mỗi khoảng là 0,75 cụ thể như sau:

Điểm trung bình: $\bar{X} < 1.75$: Tương ứng với mức độ 1

Điểm trung bình: $1.75 \leq \bar{X} \leq 2.5$: Tương ứng với mức độ 2

Điểm trung bình từ $2.5 < \bar{X} \leq 3.25$: Tương ứng với mức độ 3

Điểm trung bình từ $\bar{X} > 3.25$: Tương ứng với mức độ 4.

- Sắp xếp theo thứ bậc: Dựa vào điểm trung bình, tỉ lệ phần trăm để sắp xếp thứ bậc theo thứ tự từ cao xuống thấp.

2.3.7. Phương pháp khảo nghiệm

Mục đích khảo nghiệm

Thông qua khảo nghiệm nhằm khẳng định tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN đã đề xuất.

Lựa chọn nghiệm thể

Gồm 30 CBQL và GV trường CĐSP Đắk Lắk.

Nội dung và quy trình khảo nghiệm

Để tiến hành khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất, tác giả xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến theo hai tiêu chí: tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN. Thực hiện đánh giá các tiêu chí theo 3 mức độ từ cao đến thấp và được lượng hoá bằng điểm số. Cụ thể

+ *Tính cần thiết*: Rất cần thiết (3 điểm); Bình thường (2 điểm); Không cần thiết (1 điểm).

+ *Tính khả thi*: Rất khả thi (3 điểm); Ít khả thi (2 điểm); Không khả thi (1 điểm).

Tương ứng với 3 mức độ trên, có 3 khoảng đánh giá với giá trị chênh lệch của mỗi khoảng là 0,75 cụ thể như sau:

Điểm trung bình: $\bar{X} < 1.66$: Tương ứng với mức độ 1 (không cần thiết; không khả thi)

Điểm trung bình: $1.66 \leq \bar{X} \leq 2.32$: Tương ứng với mức độ 2 (bình thường, ít khả thi).

Điểm trung bình $2.32 < \bar{X}$: Tương ứng với mức độ 3 (Rất cần thiết; Rất khả thi)

Sau khi nhận kết quả thu được, chúng tôi tiến hành phân tích, xử lý số liệu trên bảng thống kê, tính điểm trung bình (\bar{X}) của các biện pháp đã được khảo sát, sau đó xếp theo thứ bậc để nhận xét, đánh giá và rút ra kết luận.

Tiểu kết chương 2

Để đưa ra được những kết luận chính xác, khách quan, khoa học đòi hỏi tác giả phải lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng, khách thể và điều kiện nghiên cứu. Đề tài đã được thực hiện theo một tiến trình gồm các bước nghiên cứu chặt chẽ, thống nhất trên cơ sở sử dụng những phương pháp

nghiên cứu phù hợp nhằm đưa ra kết luận khoa học về thực trạng hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk. Chúng tôi đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu được sử dụng để xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài; phương pháp quan sát, phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phương pháp phỏng vấn, phương pháp đàm thoại được sử dụng để nghiên cứu thực trạng, các số liệu thu về được xử lý bằng phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học nhằm đem lại kết quả khách quan, đủ tin cậy. Với một kế hoạch nghiên cứu cụ thể, chi tiết, kết hợp với các phương pháp nghiên cứu lý luận, thực tiễn có khoa học, chúng tôi khẳng định rằng với những yếu tố đó sẽ thu được kết quả nghiên cứu một cách khách quan, chính xác và thuyết phục.

**Chương 3: THỰC TRẠNG VÀ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM ĐẮK LẮK**

3.1. Thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư Phạm Đắk Lắk

3.1.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk về giáo dục đạo đức nghề nghiệp

3.1.11. Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp đối với người giáo viên mầm non

Nhận thức là một trong ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người (nhận thức, thái độ và hành vi). Bởi vậy, nếu CBQL, GV, SV có nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người GVMN thì họ sẽ có động cơ, thái độ và hành vi tích cực trong công tác giáo dục nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Để đánh giá đúng mức độ nhận thức của của CBQL, GV và SV về tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người GVMN, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 110 SV ngành GDMN và 30 CBQL, GV Trường CĐSP ĐắKLắk, kết quả thu được như sau:

Bảng 3.1. Đánh giá của CBQL, GV, SV về tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người giáo viên mầm non

Mức độ Đối tượng	Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
CBQL, GV	24	80	6	20	0	0	0	0
SV	70	63,6	38	34,5	2	1,8	0	0

Qua bảng số liệu 3.1 cho thấy đa số CBQL, GV và SV đã đánh giá cao về tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người GVMN. Cụ thể:

- Về phía CBQL, GV: có 80 % CBQL và GV được hỏi cho rằng ĐĐNN có vai trò “rất quan trọng” đối với người GVMN, 20% cho rằng ĐĐNN có

vai trò “quan trọng” đối với người GVMN. Không có trường hợp nào lựa chọn phương án “ít quan trọng” hay “không quan trọng”.

- Về phía SV: có 63,6 % ý kiến cho rằng ĐĐNN có vai trò “rất quan trọng” đối với người GVMN; 34,5 % SV lựa chọn phương án “quan trọng”; 1,8 % cho rằng “ít quan trọng”, không có trường hợp nào chọn phương án “không quan trọng”.

Đa số CBQL, GV và SV lựa chọn phương án “rất quan trọng” và “quan trọng” cho thấy họ đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người GVMN, là một trong những điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo ngành GDMN ở trường CĐSP Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến của SV chưa đánh giá đúng về vai trò của ĐĐNN đối với người GVMN. Vì vậy, để khắc phục tình trạng trên, Trường CĐSP Đắk Lắk cần có những biện pháp nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người GVMN cho SV và toàn thể CBQL, GV trong trường. Việc nâng cao nhận về tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người GVMN cho SV sẽ giúp các em có được những định hướng đúng đắn trong quá trình học tập và rèn luyện, từng bước hình thành, phát triển những phẩm chất ĐĐNN tốt đẹp, phù hợp với yêu cầu của nghề trong tương lai. Đối với GV và CBQL, việc nâng cao hơn nữa nhận thức về tầm quan trọng của ĐĐNN đối với người GVMN sẽ giúp họ có những hoạch định cụ thể, phù hợp trong quá trình tổ chức, triển khai các hoạt động giáo dục, đào tạo nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng.

3.1.1.2. Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, đặc thù của người giáo viên mầm non.

Nhận thức về nghề không chỉ thể hiện trong việc nắm bắt vai trò, tầm quan trọng của nghề mà còn thể hiện ở việc nhận thức đúng và đầy đủ về những phẩm chất mà nghề đó yêu cầu. Để tìm hiểu về vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát về “Nhận thức của CBQL, GV và SV về các phẩm chất ĐĐNN cần thiết, đặc thù của người GVMN”. Kết quả thu được như sau:

Bảng 3.2: Nhận thức của CBQL, GV và SV về các phẩm chất ĐĐNN cần thiết, đặc thù của người GVMN.

STT	Các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	CBQL, GV		SV	
		\bar{X}	TB	\bar{X}	TB
1	Có lý tưởng nghề nghiệp, tâm huyết với nghề, gắn bó nghề.	3.83	6	3.54	7
2	Yêu mến trẻ, tôn trọng nhân cách học sinh.	4.00	1	3.66	1
3	Tận tụy với công việc chăm sóc và giáo dục trẻ.	3.97	2	3.65	2
4	Không thiên vị, luôn khách quan, công bằng trong đối xử với trẻ	3.93	3	3.65	3
5	Kiên nhẫn, biết kiểm soát cảm xúc.	3.83	6	3.55	6
6	Có trách nhiệm cao trong chăm sóc, giáo dục trẻ.	3.90	4	3.57	4
7	Bao dung, độ lượng, vị tha, cao thượng, không trù dập trẻ.	3.87	5	3.56	5
8	Sống gương mẫu, lành mạnh, giản dị, hòa đồng với mọi người.	3.47	12	3.37	12
9	Có niềm tin ở trẻ, quan tâm tới sự tiến bộ của trẻ.	3.73	9	3.54	7
10	Có niềm tin sư phạm.	3.57	11	3.42	10
11	Bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ.	3.63	10	3.53	9
12	Thể hiện tình cảm và thấu hiểu trong giáo dục trẻ.	3.83	6	3.42	10
13	Đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp.	3.37	13	3.25	13
14	Thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích.	3.30	14	3.05	14
		$r = 0.95$			

Qua bảng kết quả 3.2 cho thấy đánh giá của CBQL, GV và SV về các phẩm chất ĐĐNN cần thiết, đặc thù của người GVMN có sự tương đồng. Với hệ số tương quan thứ bậc: $r = 0,95$ cho thấy sự tương quan chặt chẽ trong việc đánh giá về mức độ quan trọng của các phẩm chất ĐĐNN đặc thù của người GVMN giữa CBQL, GV và SV. Nhìn chung hầu hết các phẩm chất nêu trên đều được CBQL, GV đánh giá ở mức độ 4 (*rất quan trọng*), với $\bar{X} > 3.25$. Riêng đối với SV có 12/14 phẩm chất có $\bar{X} > 3.25$ đạt mức độ 4 (*rất quan trọng*); 2 phẩm chất có điểm trung bình đạt mức độ 3 (*quan trọng*). Trong đó, những phẩm chất ĐĐNN cần

thiết, đặc thù của người GVMN được cả CBQL, GV và các em SV đánh giá có mức độ rất quan trọng là:

- “*Yêu mến trẻ, tôn trọng nhân cách học sinh*” (CBQL, GV $\bar{X} = 4.0$; SV $\bar{X} = 3,66$),

- “*Tận tụy với công việc chăm sóc và giáo dục trẻ*” (CBQL, GV $\bar{X} = 3,97$; SV $\bar{X} = 3,65$), ;

- “*Không thiên vị, luôn khách quan, công bằng trong đối xử với trẻ*”, (CBQL, GV $\bar{X} = 3,93$; SV $\bar{X} = 3,65$),

- “*Có trách nhiệm cao trong chăm sóc, giáo dục trẻ*” (CBQL, GV $\bar{X} = 3,90$; SV $\bar{X} = 3,57$);

- “*Bao dung, độ lượng, vị tha, cao thượng, không trù dập trẻ*” (CBQL, GV $\bar{X} = 3,87$; SV $\bar{X} = 3,56$);

- “*Kiên nhẫn, biết kiểm soát cảm xúc*” (CBQL, GV $\bar{X} = 3,83$; SV $\bar{X} = 3,55$);

- “*Có lý tưởng nghề nghiệp, tâm huyết với nghề, gắn bó nghề*”. (CBQL, GV $\bar{X} = 3,83$; SV $\bar{X} = 3,54$)

- “*Có niềm tin ở trẻ, quan tâm tới sự tiến bộ của trẻ*” (CBQL, GV $\bar{X} = 3,73$; SV $\bar{X} = 3,54$)

- Bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ. (CBQL, GV $\bar{X} = 3,63$; SV $\bar{X} = 3,53$)

- Có niềm tin sư phạm. (CBQL, GV $\bar{X} = 3,57$; SV $\bar{X} = 3,42$)

- Thể hiện tình cảm và thấu hiểu trong giáo dục trẻ. (CBQL, GV $\bar{X} = 3,83$; SV $\bar{X} = 3,42$)

Riêng 2 phẩm chất: “*Đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp*” và “*Thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích*” có sự đánh giá khác nhau về mức độ quan trọng giữa CBQL, GV với SV. Cụ thể, về phía CBQL, GV thì cả 2 phẩm chất này đều được đánh giá ở mức độ rất quan trọng, trong khi đó về phía SV 2 phẩm chất này chỉ được các em đánh giá ở mức độ quan trọng.

Qua đó cho thấy CBQL, GV và SV đã nhận thức đầy đủ và chính xác về tầm quan trọng của từng phẩm chất ĐĐNN đối với yêu cầu của nghề GVMN. Có thể nói đây là một điều đáng mừng cho nhà trường, vì: việc giáo dục ĐĐNN cho SV là một quá trình lâu dài, mọi tác động nhằm hình thành những phẩm chất đạo đức nghề GVMN cho SV phụ thuộc rất nhiều vào trình độ nhận thức của nhà giáo dục và người được giáo dục. Đối với SV, việc nhận thức đúng tầm quan trọng của các phẩm chất ĐĐNN cần thiết, đặc thù của nghề GVMN sẽ giúp các em có ý thức tự giác học tập, rèn luyện, trau dồi những phẩm chất đạo đức nhà giáo cần thiết cho bản thân trong suốt quá trình học tập tại trường, cũng như việc phát triển nghề nghiệp sau này. Đối với CBQL, GV việc nhận thức đúng tầm quan trọng của các phẩm chất ĐĐNN đặc thù của nghề GVMN sẽ giúp họ luôn bám sát mục tiêu đào tạo của nhà trường, tăng cường giáo dục các giá trị, chuẩn mực, hành vi thói quen ĐĐNN cho SV, hướng tới phát triển toàn diện nhân cách người học.

3.1.1.3. Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non

Bảng 3.3: Nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN

STT	Mức Độ	CBQL, GV			SV		
		SL	%	TB	SL	%	TB
1	Rất quan trọng	24	80	1	64	58.2	1
2	Quan trọng	6	20	2	43	39.1	2
3	Ít quan trọng	0	0	3	3	2.7	3
4	Không quan trọng	0	0	3	0	0.0	4

Từ số liệu ở bảng 3.3, có thể khẳng định rằng đa số CBQL, GV và SV có sự đánh giá rất cao về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN. Trong đó, nhận thức của CBQL và GV về mức độ “rất quan trọng”, “quan trọng” chiếm tỉ lệ cao hơn so với nhận thức của SV về vấn đề này. Cụ thể, có tới 80% ý kiến lựa chọn mức “rất quan

trọng”, 20 % ở mức “quan trọng”. Không có ý kiến nào cho rằng công tác này là “ít quan trọng” hay “không quan trọng”.

Về phía SV, các em cũng có sự đánh giá rất cao về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN, trong số 110 được hỏi thì có tới 58, 2 % chọn phương án: “*rất quan trọng*”, 39.1 % lựa chọn phương án “quan trọng”. Đây là một thông tin rất vui, vì khi các em nhận thức đúng ý nghĩa và tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV thì các em sẽ có ý thức tự giác tiếp nhận các tác động giáo dục của Nhà trường đồng thời sẽ tích cực hơn trong việc tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân ngày một hoàn thiện hơn. Tuy nhiên, qua bảng số liệu, biểu đồ còn cho ta thấy bên cạnh những đánh giá đúng về ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN thì vẫn tồn tại số ít SV cho rằng việc giáo dục ĐĐNN cho SV là “ít quan trọng”, chiếm (2,7%), điều này phản ánh trình độ nhận thức ở những SV này đang có những hạn chế nhất định: chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về ý nghĩa của vấn đề giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến kết quả học tập, rèn luyện của một số ít SV hiện nay chưa cao. Với thực trạng này, nhà trường cần kịp thời đưa ra những biện pháp nhằm nâng cao trình độ nhận thức cho SV nói chung và nhận thức về tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng. Bởi vì, chỉ khi nào các em có nhận thức đúng thì lúc đó các em mới có thái độ và hành vi tương ứng.

Cần xem nhiệm vụ giáo dục ĐĐNN cho các thế hệ SV nói chung và SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk nói riêng là một trong những mục tiêu quan trọng trong giáo dục và đào tạo để tạo ra những người GVMN tương lai có năng lực sáng tạo và phẩm chất đạo đức, ĐĐNN tốt góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3.1.2. Thực trạng hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk.

3.1.2.1. Thực trạng việc thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk là hình thành ở SV tri thức, thái độ, hành vi, thói quen đạo đức phù hợp với những quy định, chuẩn mực của nghề GVMN và quan trọng nhất là giúp SV chuyển hóa những yêu cầu giáo dục của nhà trường, xã hội thành yêu cầu tự giáo dục, tự tu dưỡng và hoàn thiện những phẩm chất đạo đức, ĐĐNN của chính mình.

Để tìm hiểu về thực trạng việc thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN của trường CĐSP Đắk Lắk, chúng tôi đã tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi và thu được kết quả như sau:

Bảng 3.4. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV Trường ngành GDMN

STT	Mức độ Mục tiêu giáo dục ĐĐNN	RT	T	BT	CT	\bar{X}	TB
		SL	SL	SL	SL		
1	Cung cấp kiến thức nâng cao nhận thức về nghề nghiệp.	47	58	27	8	3.03	1
2	Giáo dục thái độ, tình cảm đạo đức nghề nghiệp.	28	32	44	36	2.37	2
3	Rèn luyện hành vi, thói quen đạo đức nghề nghiệp.	19	27	53	41	2.17	3

Qua bảng số liệu trên cho thấy mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk đã được nhà trường quan tâm giáo dục trên cả 3 phương diện: Tri thức, thái độ và hành vi, thói quen ĐĐNN. Trong đó mục tiêu được nhà trường thực hiện tốt nhất là: “Cung cấp kiến thức, nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp” với $\bar{X} = 3,03$, xếp thứ nhất, thuộc mức độ 3 (mức độ cao). Tiếp đến là “Giáo dục thái độ, tình cảm đạo đức nghề nghiệp” có $\bar{X} = 2,37$, xếp thứ 2; mục tiêu “Rèn luyện hành vi, thói quen đạo đức nghề nghiệp” có điểm số $\bar{X} = 2,17$ xếp thứ bậc thấp nhất. Như vậy mục tiêu 2 và 3 chỉ đạt hiệu quả ở mức độ 2 (mức độ trung bình). Để hiểu rõ hơn về vấn đề trên chúng tôi đã tìm hiểu thêm về chương trình đào tạo và được biết trong Chương trình đào tạo ngành GDMN ban hành năm 2023 có xác định mục tiêu giáo dục ĐĐNN, tuy nhiên việc cụ thể hóa mục tiêu giáo dục ĐĐNN trong các học phần chưa có sự đồng bộ. Cụ thể:

Trong chương trình đào tạo ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk hoạt

động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN không được sắp xếp thành một môn học chính, nó được lồng ghép và tích hợp thông qua nhiều hoạt động khác nhau, mà trong đó giảng dạy các môn học là một hoạt động cơ bản. Việc giáo dục ĐĐNN có thể được tiến hành xuyên suốt, thống nhất ở tất cả các học phần, mỗi học phần có ý nghĩa khác nhau trong việc hình thành các phẩm chất ĐĐNN cho SV. Điều quan trọng các GV cần ý thức đúng đắn tính chất tích hợp chứa đựng trong mỗi học phần. Đặc biệt khi xây dựng đề cương chi tiết cho các học phần GV cần xác định cụ thể mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV, kế hoạch hóa việc thực hiện các mục tiêu đó thông qua các chương, bài cụ thể trong quá trình giảng dạy. Thông qua nghiên cứu chương trình đào tạo của trường, đề cương chi tiết các học phần ban hành năm 2023 chúng tôi nhận thấy về cơ bản trong đề cương chi tiết học phần, đa số các GV đã lồng ghép, tích hợp mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV thông qua quá trình dạy học rất cụ thể, rõ ràng. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số đề cương chi tiết chưa xác định mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV, chưa lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho người học thông qua việc giảng dạy, đặc biệt đó lại là những học phần liên quan đến khối kiến thức cơ sở ngành, đơn cử như đề cương mã số MC 05, MC12. Một số đề cương học phần có xác định mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV, nhưng ở phần xác định chuẩn đầu ra của học phần không được thể hiện, hoặc xác định chưa chính xác như: Đề cương chi tiết học phần có mã số: MC 24; MDC 10; MDC 11; MDC 12; MTC 2.1; MTC 2.3...Điều này cho thấy vấn đề tích hợp giáo dục ĐĐNN chưa được thực hiện đồng bộ và thống nhất giữa chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra học phần. Việc xây dựng đề cương chi tiết của một số học phần chưa thực sự mang tính khoa học, chính xác và hệ thống. Do đó, để đảm bảo giáo dục ĐĐNN cho SV một cách hiệu quả, trong quá trình xây dựng đề cương chi tiết học phần các giảng viên cần xác định cụ thể, chính xác các nội dung giáo dục ĐĐNN cần được tích hợp, lồng ghép vào trong quá trình thực hiện học phần đó.

3.1.2.2. Thực trạng việc thực hiện các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục mầm non

Để tìm hiểu thực trạng về việc thực hiện các nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk, chúng tôi tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi và kết quả thu được ở bảng sau:

Bảng 3.5. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ thực hiện các nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN

STT	Mức độ thực hiện Nội dung giáo dục ĐĐNN	RTX	TX	TT	KBG	\bar{X}	TB
		SL	SL	SL	SL		
1	Giáo dục lý tưởng nghề nghiệp	16	31	93	0	2.45	10
2	Giáo dục lòng yêu nghề.	37	47	56	0	2.86	3
3	Giáo dục lòng yêu trẻ.	46	60	34	0	3.09	1
4	Giáo dục tinh thần trách nhiệm với nghề.	39	51	50	0	2.92	2
5	Giáo dục tác phong mô phạm, mẫu mực.	20	31	89	0	2.51	5
6	Giáo dục lòng tự trọng, giữ gìn uy tín, danh dự của bản thân, nghề nghiệp.	18	31	91	0	2.48	6
7	Giáo dục ý thức tự giác rèn luyện các phẩm chất cần thiết của nghề.	18	30	92	0	2.47	8
8	Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn.	17	31	92	0	2.46	9
9	Giáo dục lòng vị tha, nhân ái, bao dung, độ lượng, nhẫn nại...	24	35	81	0	2.59	4
10	Giáo dục kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm.	18	31	91	0	2.48	6
11	Giáo dục tinh thần dũng cảm, ý chí vượt khó.	12	30	98	0	2.39	13
12	Giáo dục lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn, tích cực.	16	28	96	0	2.43	11
13	Giáo dục tinh thần tập thể, phối hợp với các lực lượng giáo dục.	13	31	96	0	2.41	12

Qua bảng số liệu 3.5 cho thấy tất các nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV đã được nhà trường quan tâm triển khai thực hiện khá toàn diện. Tuy nhiên, mức độ thực hiện các nội dung là khác nhau. Cụ thể, Trong số 13 nội dung được khảo sát thì không có nội dung nào được đánh giá ở mức độ 4 (*rất thường xuyên*), 5 nội dung được đánh giá ở mức độ 3 (*thường xuyên*). Trong đó, các nội dung

được sắp xếp theo thứ bậc như sau: Đứng đầu là: “*Giáo dục lòng yêu trẻ*” $\bar{X} = 3,09$; xếp thứ 2 là: “*Giáo dục tinh thần trách nhiệm với nghề*”, với $\bar{X} = 2,92$; tiếp đến là: “*Giáo dục lòng yêu nghề*” xếp thứ 3 với điểm $\bar{X} = 2,86$; “*Giáo dục lòng vị tha, nhân ái, bao dung, độ lượng, nhân ái*” $\bar{X} = 2,59$, xếp thứ 4; “*Giáo dục tác phong mô phạm, mẫu mực*” $\bar{X} = 2,51$, xếp thứ 5; Đây là một thành quả đáng ghi nhận của đội ngũ ban lãnh đạo nhà trường, toàn thể GV, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường đã không ngừng nỗ lực trong suốt thời gian qua nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đào tạo toàn trường nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh những nội dung đã được nhà trường triển khai thường xuyên thì vẫn còn 8/13 nội dung chưa được quan tâm giáo dục cho SV đúng mức, mới chỉ dừng lại ở mức độ 2 (*thỉnh thoảng*). Cụ thể, nội dung có điểm trung bình thấp nhất là: “*Giáo dục tinh thần dũng cảm, ý chí vượt khó*” $\bar{X} = 2,39$, xếp thứ 13; tiếp đến “*Giáo dục tinh thần tập thể, phối hợp với các lực lượng giáo dục*” $\bar{X} = 2,41$, xếp thứ 12; “*Giáo dục lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn, tích cực*” $\bar{X} = 2,43$ xếp thứ 11; “*Giáo dục lý tưởng nghề nghiệp*” $\bar{X} = 2,45$ xếp thứ 10; “*Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn*” $\bar{X} = 2,46$, xếp thứ 9; “*Giáo dục ý thức tự giác rèn luyện các phẩm chất cần thiết của nghề*” $\bar{X} = 2,47$, xếp thứ 8; Có 2 nội dung đồng xếp thứ 6 là: “*Giáo dục lòng tự trọng, giữ gìn uy tín, danh dự của bản thân, nghề nghiệp*” và “*Giáo dục kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm*” với $\bar{X} = 2,48$.

Qua đó cho thấy mặc dù nhà trường đã triển khai thực hiện giáo dục tất cả các nội dung trên, nhưng chủ yếu mới chỉ dừng lại ở mức độ “*thỉnh thoảng*”. Điều này có ảnh hưởng lớn đến quá trình hình thành và phát triển ý thức, niềm tin, thái độ và hành vi thói quen ĐĐNN ở người SV. Do đó, để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho SV, thời gian tới nhà trường cần có những biện pháp để triển khai các nội dung một cách đồng độ, kịp thời và thường xuyên, liên tục hơn, tạo điều kiện để các em có cơ hội được tiếp nhận tri thức về ĐĐNN một cách hệ thống, đồng thời tạo môi trường tốt để các em được thể nghiệm, trải nghiệm những tình cảm và hành vi ĐĐNN đúng đắn, phù hợp với mục đích đào tạo của nhà trường và yêu cầu của xã hội.

3.1.2.3. *Thực trạng các con đường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non*

Việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN đã được nhà trường tổ chức thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau. Để tìm hiểu cụ thể về vấn đề này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và cho kết quả như sau:

Bảng 3.6. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ thực hiện các con đường giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN

STT	Mức độ thực hiện Các con đường giáo ĐĐNN	RTX	TX	TT	KBG	\bar{X}	TB
		SL	SL	SL	SL		
1	Thông qua dạy và học các môn học/học phần ở trên lớp.	32	63	45	0	2.71	2
2	Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên.	4	37	84	15	2.07	6
3	Thông qua các hoạt động ngoại khóa chuyên ngành.	1	3	124	12	1.82	8
4	Thông qua việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về nghề cho sinh viên.	0	1	125	14	1.78	10
5	Thông qua các hoạt động thực tế, tham quan học tập tại cơ sở giáo dục mầm non.	0	12	108	20	1.81	9
6	Thông qua hoạt động thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm.	19	58	63	0	2.51	4
7	Thông qua việc tổ chức tập thể các lớp tọa đàm về ngày 20/11.	2	25	112	1	2.05	7
8	Thông qua việc thực hiện nội quy, quy định, nề nếp của nhà trường, lớp học.	37	75	28	0	2.86	1
9	Thông qua việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt chính trị, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội...	25	58	52	5	2.55	3
10	Thông qua các buổi tư vấn, tham vấn tâm lý về nghề.	0	0	123	17	1.75	11
11	Thông qua việc khuyến khích sinh viên tự tu dưỡng, rèn luyện, tự giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.	19	58	63	0	2.51	4

Những số liệu ở bảng trên cho thấy các con đường giáo dục ĐĐNN cho SV đã được nhà trường triển khai thực hiện khá phong phú, thông qua nhiều hình thức, hoạt động khác nhau. Nhưng nhìn chung đa số các hoạt động mới chỉ dừng lại ở mức độ 2 (thỉnh thoảng), các hoạt động giáo dục được triển khai ở mức 3 (thường xuyên) chiếm số lượng ít. Đặc biệt không có hoạt động nào được đánh giá ở mức độ 4 (rất thường xuyên). Trong số 11 hoạt động được khảo sát thì chỉ có 5 hoạt động có điểm trung bình đạt mức độ 3 (mức thường xuyên). Cụ thể: hoạt động giáo dục được xếp thứ bậc cao nhất là: “Thông qua việc thực hiện nội quy, quy định, nề nếp của nhà trường, lớp học” với điểm số trung bình $\bar{X} = 2,86$; xếp thứ 2 là “Thông qua dạy và học các môn học/học phần ở trên lớp”, $\bar{X} = 2,71$; xếp thứ 3 là “Thông qua việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt chính trị, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội...”, $\bar{X} = 2,55$.

Có 2 hoạt động đồng xếp vị trí thứ 4 là: “Thông qua việc khuyến khích sinh viên tự tu dưỡng, rèn luyện, tự giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp”, và “Thông qua hoạt động thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm” với $\bar{X} = 2,51$. Kết quả này cho thấy nhà trường đã quan tâm lồng ghép các nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV thông qua việc dạy học và thực hiện nội quy nề nếp trên lớp cũng như các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động chính trị, xã hội và thực hành thực tập sư phạm... được triển khai khá thường xuyên. Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này chúng tôi đã trò chuyện với một số GV, SV trong trường, họ cho rằng: “Hầu hết trong quá trình lên lớp GV ngoài việc giảng dạy tri thức khoa học thì ít nhiều đều lồng ghép giáo dục ĐĐNN cho các em SV, đặc biệt thông qua một số học phần điển hình như: Giáo dục học đại cương, Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non, Phương pháp hướng dẫn, tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non, Nghề giáo viên mầm non, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giao tiếp sư phạm ...SV được tiếp cận một cách hệ thống các giá trị chuẩn mực ĐĐNN, những yêu cầu về các phẩm chất đặc thù của nghề, đồng thời thông qua giảng dạy các môn học, GV là tấm gương sáng về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong, lòng yêu

nghề, mền trẻ để SV noi theo...” Tuy nhiên, giáo dục sẽ không đạt hiệu quả cao nếu SV không tích cực học tập và tự giác rèn luyện. Do đó, bên cạnh công tác nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo dục thì nhà trường đã đẩy mạnh công tác khuyến khích SV tự giác học tập, rèn luyện nhằm chuyển hóa những yêu cầu giáo dục của nhà trường, xã hội thành yêu cầu tự giáo dục, tu dưỡng, rèn luyện ở mỗi SV. Thực hiện các hoạt động này một cách thường xuyên, nghiêm túc là con đường nhanh nhất, cơ bản nhất giúp giáo dục ĐĐNN rất hiệu quả, bởi nó sẽ tạo ra tính liên tục trong việc nâng cao nhận thức, thái độ và kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp cho SV trong quá trình học tập tại trường.

Bên cạnh những hoạt động đã được trường triển khai thực hiện thường xuyên như đã trình bày ở trên thì các hoạt động, các con đường khác triển khai thực hiện chưa được thường xuyên mà chỉ đạt mức độ “thỉnh thoảng”, với điểm số trung bình rất thấp, giao động từ 1,75 – 2,08. Cụ thể: “Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên”, $\bar{X} = 2.07$; “Thông qua việc tổ chức tập thể các lớp tọa đàm về ngày 20/11”, $\bar{X} = 2.05$; “Thông qua các hoạt động ngoại khóa chuyên ngành”, $\bar{X} = 1.82$; “Thông qua các hoạt động thực tế, tham quan học tập tại cơ sở giáo dục mầm non”, $\bar{X} = 1.81$; “Thông qua việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về nghề cho sinh viên”, $\bar{X} = 1.78$; “Thông qua các buổi tư vấn, tham vấn tâm lý về nghề”, $\bar{X} = 1.75$. Qua tìm hiểu chương trình đào tạo và trao đổi trực tiếp với một số cán bộ khoa Mầm non, cán bộ Đoàn, Hội sinh viên... chúng tôi được biết mặc dù khoa Mầm non cũng như tổ chức Đoàn và Hội SV rất muốn tổ chức nhiều hoạt động hơn nữa giúp SV nâng cao nhận thức, phát triển năng lực và phẩm chất ĐĐNN nói riêng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng...sư phạm nói chung. Tuy nhiên, do điều kiện cơ sở vật chất, tài chính, thời gian...còn hạn chế nên trong năm học qua lãnh đạo nhà trường, tổ chức Đoàn, Hội và các LLGD khác cũng đã nỗ lực phối hợp tổ chức một số hoạt động ngoại khóa, thực hành, thực tế, các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động chính trị, xã hội cho SV cả 3 khối, đơn cử như tổ chức hoạt động: “Sinh hoạt tuần công dân đầu năm học cho SV toàn

trường”, “đôi thoại giữa Hiệu trưởng với SV”. Tổ chức cho giảng viên trẻ, sinh viên, học sinh đăng ký “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; “Tổ chức cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác – Lênin, Tưởng Hồ Chí Minh – Ánh sáng soi đường năm 2024”; tổ chức “Diễn đàn sinh viên 5 tốt”; “Tuyên truyền về chấp hành pháp luật về an toàn giao thông”; “Ngày hội giới thiệu việc làm và tư vấn sức khỏe sinh sản” năm học 2023 - 2024,... Dù các hoạt động trên chưa được diễn ra 1 cách thường xuyên bởi rất nhiều lý do mang tính khách quan, nhưng đó cũng là kết quả đáng ghi nhận về sự nỗ lực của nhà trường, các tổ chức Đoàn, Hội và đội ngũ GV, SV trong toàn trường. Đây cũng là những cơ sở căn cứ xác thực để chúng tôi đề xuất một số biện pháp tối ưu trong công tác giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN ở giai đoạn tiếp theo.

3.1.2.4. Thực trạng về mức độ tham gia giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non của các lực lượng giáo dục trong nhà trường

Bảng 3.7. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ tham gia giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN của các LLGD

STT	Mức độ thực hiện Lực lượng giáo dục	RTX	TX	TT	KBG	\bar{X}	TB
		SL	SL	SL	SL		
1	Lãnh đạo trường	19	60	59	2	2,69	4
2	Đảng ủy trường	15	49	60	16	2,45	10
3	Cán bộ quản lý khoa Giáo dục Mầm non	40	66	28	6	3,00	2
4	Cán bộ quản lý các phòng chức năng	8	40	75	17	2,28	11
5	Giảng viên dạy môn KH Mác-Lênin	17	66	53	4	2,69	4
6	Giảng viên dạy môn Tâm lý – giáo dục	35	73	30	2	3,01	1
7	Giảng viên dạy các môn khác	19	63	53	5	2,69	4
8	Cố vấn học tập	21	36	69	14	2,46	9
9	Tổ chức Đoàn TN, Hội SV	15	65	59	1	2,67	7
10	Tập thể lớp, chi đoàn	32	71	30	7	2,91	3
11	Cá nhân sinh viên	15	59	63	3	2,61	8
12	Tổ chức Công đoàn	0	21	46	73	1,63	12
13	Hội Khuyến học	0	11	45	84	1,48	13

Qua bảng số liệu 3.7 cho thấy có 8 lực lượng giáo dục tham gia vào hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN có điểm trung bình thuộc mức độ 3 (*thường xuyên*), 3 lực lượng giáo dục tham gia có điểm trung bình thuộc mức độ 2 (*thỉnh thoảng*); 2 lực lượng có điểm trung bình ở mức độ 1 (*chưa bao giờ*). Không có lực lượng nào có điểm trung bình ở mức độ 4 (*rất thường xuyên*).

Giáo dục ĐĐNN là một trong những nhiệm vụ quan trọng của trường CĐSP Đắk Lắk nói riêng và tất cả cơ sở giáo dục - đào tạo nghề nghiệp nói chung. Nhiệm vụ này không thuộc riêng ai mà là nhiệm vụ của tất cả các LLGD, từ Lãnh đạo trường, Đảng ủy trường, cán bộ quản lý khoa, các phòng ban và toàn thể GV, nhân viên, các tổ chức Đoàn, Hội ... trong trường. Để giáo dục ĐĐNN đạt kết quả cao thì cần có sự tham gia đầy đủ, tích cực của tất cả các LLGD trên. Thực tế qua khảo sát cho thấy giữa các lực lượng tham gia giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN ở các mức độ khác nhau. Cụ thể: 8 lực lượng có điểm trung bình đạt mức độ 3 (*thường xuyên*) lần lượt được xếp thứ bậc như sau: “*Giảng viên dạy môn tâm lý - giáo dục*”, với điểm $\bar{X} = 3,01$, xếp thứ 1; “*Cán bộ quản lý khoa Giáo dục Mầm non*” $\bar{X} = 3,0$, xếp thứ 2; “*Tập thể lớp, chi đoàn*” $\bar{X} = 2,91$, xếp thứ 3; “*Giảng viên dạy môn KH Mác - Lênin*”, “*Giảng viên dạy các môn khác*” và “*Lãnh đạo trường*” có $\bar{X} = 2,69$, đồng xếp thứ 4; “*Tổ chức Đoàn TN, Hội SV*” $\bar{X} = 2,67$, xếp thứ 7 và lực lượng cuối cùng trong số 8 lực lượng được đánh giá có mức độ tác động thường xuyên, ảnh hưởng tích cực tới ĐĐNN của SV chính là: “*Cá nhân sinh viên*” $\bar{X} = 2,62$, xếp thứ 8. Có 3 lực lượng tham gia vào công tác giáo dục ĐĐNN cho SV dù mức độ tác động diễn ra không thường xuyên (*thỉnh thoảng*) nhưng cũng có ảnh hưởng nhất định đến quá trình hình thành, phát triển ĐĐNN cho các em, đó là: đội ngũ “*Cố vấn học tập*”, “*Đảng bộ trường*”, “*Cán bộ quản lý các phòng chức năng*”. Có 2 lực lượng được đánh giá không có tác động giáo dục ĐĐNN cho SV, có mức điểm trung bình $\bar{X} < 1,75$ là: “*Tổ chức công đoàn*” và “*Hội khuyến học*”. Tìm

hiểu nguyên nhân về vấn đề này chúng tôi có gặp gỡ trao đổi với một số CBQL, GV và SV, kết quả thu được như sau:

Có ý kiến cho rằng, việc trang bị kiến thức về nghề, giáo dục các phẩm chất nghề nghiệp cho SV là trách nhiệm của các GV dạy môn Tâm lý - Giáo dục. Hay: GV giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò quan trọng nhất trong công tác giáo dục ĐĐNN cho SV, bởi ở đó họ phải trang bị cho sinh viên một hệ tư tưởng, phẩm chất chính trị và đạo đức lối sống.

Cũng có ý kiến nói: đội ngũ CBQL khoa GDMN và CVHT có trách nhiệm chính trong việc giáo dục ĐĐNN cho các em...

Một vài ý kiến khác: Tổ chức công đoàn và hội khuyến học chức năng của họ không phải là giáo dục ĐĐNN cho sinh viên, vấn đề giáo dục ĐĐNN cho SV là nhiệm vụ chính thuộc về tổ chức Đoàn TNCS HCM và Hội Sinh viên trong trường...

Từ kết quả này chúng tôi có thể nhận định: Các lực lượng trong nhà trường đã có tác động nhất định đến ĐĐNN của SV. Đó có thể là sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, tùy theo việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ riêng của từng lực lượng mà mọi người có cảm nhận khác nhau. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng thực tế công tác giáo dục ĐĐNN cho SV trong thời gian qua của các LLGD chưa thực sự có tính đồng bộ và thống nhất cao. Mức độ tích cực tham gia vào công tác giáo dục ĐĐNN cho SV giữa các lực lượng cũng có sự khác nhau. Có lực lượng tham gia rất tích cực nhưng bên cạnh đó cũng có lực lượng chưa xem việc giáo dục ĐĐNN cho SV là nhiệm vụ, trách nhiệm của chính họ, dẫn đến việc giáo dục ĐĐNN chưa mang tính thống nhất cao giữa LLGD. Thực tế này đòi hỏi nhà trường cần có những biện pháp thiết thực để nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các LLGD trong trường hiện nay.

3.1.2.5. Thực trạng về tính hiệu quả việc thực hiện các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non đã được nhà trường triển khai

Bảng 3.8: Đánh giá của CBQL, GV và SV về tính hiệu quả việc thực hiện các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN đã được nhà trường triển khai.

STT	Các biện pháp	Đã thực hiện		Mức độ hiệu quả				\bar{X}	TB
		N = 140		RT	T	BT	CT		
		SL	%	SL	SL	SL	SL		
1	Tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong việc dạy và học các môn học/học phần ở trên lớp.	140	100	64	60	9	7	3,29	1
2	Tổ chức các đợt học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.	137	97,9	39	56	25	17	2,85	4
3	Tổ chức diễn đàn sinh viên với chuyên đề đạo đức lối sống.	45	32,1	2	11	15	17	1,96	9
4	Tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm định kỳ.	127	90,7	32	50	39	6	2,85	5
5	Tổ chức câu lạc bộ chuyên môn.	47	33,6	1	5	18	23	1,66	11
6	Thực hiện nội quy, quy định, nề nếp của nhà trường, lớp học.	140	100	61	60	12	7	3,25	3
7	Thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin	122	87,1	28	55	31	8	2,84	6
8	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đạo đức nhà giáo.	37	26,4	0	0	21	16	1,57	12
9	Tổ chức các đợt thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm nghiêm túc.	140	100	63	61	10	6	3,29	1
10	Tổ chức tham quan, học tập thực tế các cơ sở giáo dục mầm non.	39	27,9	2	3	15	19	1,69	10
11	Tổ chức tư vấn, tham vấn nghề nghiệp cho sinh viên.	105	75,0	15	37	32	21	2,44	8
12	Tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động chính trị, xã hội...	140	100	41	50	35	14	2,84	6

Qua bảng số liệu trên cho thấy có 8/12 biện pháp đạt tỷ lệ lựa chọn trên 50% ý kiến cho rằng nhà trường đã thực hiện, 4 biện pháp có tỷ lệ lựa chọn rất thấp, từ 26,4% - 33,6%. Cụ thể, các biện pháp có tỷ lệ lựa chọn cao nhất là:

- “Tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong việc dạy và học các môn học/học phần ở trên lớp”, số lượt lựa chọn 140/140, chiếm tỷ lệ 100%.

- “Thực hiện nội quy, quy định, nề nếp của nhà trường, lớp học”, số lượt lựa chọn 140/140, chiếm tỷ lệ 100%.

- “Tổ chức các đợt thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm nghiêm túc”. số lượt lựa chọn 140/140, chiếm tỷ lệ 100%.

- “Tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động chính trị, xã hội...”, số lượt lựa chọn 140/140, chiếm tỷ lệ 100%.

- “Tổ chức các đợt học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, số lượt lựa chọn 137/140, chiếm tỷ lệ 97,9%.

- “Tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm định kỳ”, số lượt lựa chọn 127/140, chiếm tỷ lệ 90,7%.

- “Thi Olympic các môn khoa học Mác - Lênin”, số lượt lựa chọn 122/140, chiếm tỷ lệ 87,1%.

- “Tổ chức tư vấn, tham vấn nghề nghiệp cho sinh viên”, số lượt lựa chọn 105/140, chiếm tỷ lệ 75%.

Bốn biện pháp có số lượt lựa chọn dưới 50% là:

- “Tổ chức câu lạc bộ chuyên môn”, số lượt lựa chọn 47/140, chiếm tỷ lệ 33,6 %.

- “Tổ chức diễn đàn sinh viên với chuyên đề đạo đức lối sống”, số lượt lựa chọn 45/140, chiếm tỷ lệ 32,1%.

- “Tổ chức tham quan, học tập thực tế các cơ sở giáo dục mầm non”, số lượt lựa chọn 39/140, chiếm tỷ lệ 27,9%.

- “Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đạo đức nhà giáo”, số lượt lựa chọn 37/140, chiếm tỷ lệ 26,4%.

Số liệu này đã phản ánh thực trạng việc thực hiện các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV của nhà trường chưa thực sự được triển khai một cách đồng bộ, và toàn diện. Để hiểu rõ hơn về vấn đề này, chúng tôi đã trao đổi trực tiếp với một số CBQL của

khoa MN và được biết: nhà trường đã triển khai nhiều biện pháp để giáo dục ĐĐNN cho SV. Ngoài những biện pháp trên còn có các biện pháp khác như: “Tập huấn nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội”; “Tập huấn công tác phòng chống bạo lực học đường, sinh hoạt chính trị”; “tuổi trẻ trường CĐSP Đắk Lắk tự hào truyền thống Đoàn TNCSHCM”; Tham gia chương trình “hành trình đò”...Tuy nhiên, mức độ triển khai các biện pháp xét về chiều sâu và chiều rộng có sự khác nhau. Ngoài những biện pháp được triển khai thực hiện ở mức độ tốt, rất tốt thì vẫn còn những biện pháp chưa được triển khai hoặc đã triển khai nhưng chưa mang tính chuyên sâu, các nội dung giáo dục ĐĐNN chưa được SV nhận thức rõ ràng. Về nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên rất nhiều ý kiến cho rằng: Nhà trường đã triển khai nhiều biện pháp nhằm giáo dục ĐĐNN cho SV, nhưng còn mang tính rời rạc, chưa được thực hiện bài bản, hệ thống và quy mô toàn trường mà chủ yếu được tích hợp trong các hoạt động khác; Chưa có văn bản chỉ đạo cụ thể, chi tiết về việc giáo dục ĐĐNN cho SV thông qua từng hoạt động, chương trình hành động cụ thể...nên hiệu quả chưa cao. Để làm rõ hơn về tính hiệu quả của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV, bên cạnh khảo sát về tỷ lệ phần trăm lượt lựa chọn các biện pháp giáo dục ĐĐNN mà nhà trường đã thực hiện, chúng tôi khảo sát thêm về tính hiệu quả của các biện pháp. Qua bảng số liệu thể hiện rõ mức độ hiệu quả của từng biện pháp. Cụ thể, trong số 12 biện pháp thì có 3 biện pháp được đánh giá mức độ 4 (mức độ rất tốt) là: “Tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong việc dạy và học các môn học/học phần ở trên lớp” và “Tổ chức các đợt thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm nghiêm túc” $\bar{x} = 3,29$, đồng xếp thứ nhất; “Thực hiện nội quy, quy định, nề nếp của nhà trường, lớp học”, $\bar{x} = 3,25$, xếp thứ 3. Tiếp đến là 4 biện pháp được đánh giá ở mức độ 3 (tốt), bao gồm: “Tổ chức các đợt học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” $\bar{x} = 2,85$, xếp thứ 4; “Tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm định kỳ” $\bar{x} = 2,85$, xếp thứ 5; và 2 biện pháp có $\bar{x} = 2,85$, đồng xếp thứ 6 là: “Thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin”; “Tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động chính trị, xã hội...”. Các biện pháp còn lại đạt mức độ bình thường hoặc chưa tốt (kém hiệu quả).

Để nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện, thấu đáo, chúng tôi đã xây dựng hệ

thông câu hỏi mở trong phiếu khảo sát dành cho CBQL, GV đồng thời trò chuyện, trao đổi trực tiếp với một số GV trực tiếp đứng lớp nhằm tìm hiểu về những việc mà thầy (cô) đã làm nhằm giáo dục ĐĐNN cho SV. Đa số CBQL, GV cho rằng thầy cô giáo không chỉ là người truyền đạt tri thức khoa học mà phải là người gợi mở, hướng dẫn, tổ chức, cố vấn, trọng tài cho các hoạt động tìm tòi, tranh luận của SV, kết hợp thành công việc giảng dạy tri thức với giáo dục ĐĐNN cho các em. Các biện pháp mà GV thường làm để giáo dục ĐĐNN cho sinh viên như sau:

- Biện pháp chủ yếu và tập trung nhất là tích hợp nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp qua giảng dạy các môn trong chương trình đào tạo.

- Bằng sự mẫu mực của bản thân các giảng viên, bởi muốn giáo dục ĐĐNN cho SV thì bản thân người thầy phải thể hiện được ĐĐNN trong chính công việc của mình.

- Nêu gương, khen thưởng kịp thời những SV có biểu hiện tích cực.

- Xử lý tốt các tình huống sư phạm xảy ra trong lớp học là việc làm có tác động mạnh mẽ và thiết thực đến ĐĐNN của sinh viên.

- Nhắc nhở sinh viên thực hiện tốt nội quy, quy định của nhà trường...

Đội ngũ GV nói riêng, nhà trường nói chung đã có nhiều biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV. Tuy nhiên, các biện pháp mà chúng tôi khảo sát được vẫn chưa đa dạng, chưa phong phú, việc thực hiện các biện pháp chưa đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường, một số biện pháp chưa mang lại hiệu quả cao, đặc biệt các biện pháp như “Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đạo đức nhà giáo”; “Tổ chức câu lạc bộ chuyên môn”; “Tổ chức tham quan, học tập thực tế các cơ sở giáo dục mầm non”; “Tổ chức diễn đàn sinh viên với chuyên đề đạo đức lối sống.” có ý nghĩa tác động rất lớn tới việc hình thành ĐĐNN cho SV nhưng chưa được nhà trường quan tâm đúng mức, điều này có ảnh hưởng lớn tới chất lượng, hiệu quả giáo dục nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng. Trong thời gian tới nhà trường cần có những kế hoạch cụ thể, những hoạt động thiết thực hơn nhằm tạo điều kiện, cơ hội tốt cho các em SV được trải nghiệm, rèn luyện và phát triển các phẩm chất ĐĐNN đặc thù, tiêu biểu ngay trong môi trường sư phạm.

3.1.2.6. Thực trạng về quá trình tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Tự giáo dục là sản phẩm cao của quá trình giáo dục, SV có được những phẩm chất ĐĐNN chỉ khi các em ý thức được và thực hiện nó hàng ngày, trở thành hành vi, thói quen tốt.

Bảng 3.9. Đánh giá của CBQL, GV và SV về mức độ tự tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN của SV ngành GDMN.

STT	Nội dung rèn luyện	Mức độ thực hiện				\bar{x}	TB
		RTX	TX	TT	KBG		
		SL	SL	SL	SL		
1	Thực hiện nghiêm túc giờ học trên lớp.	59	58	23	0	3,26	3
2	Tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm.	18	39	78	5	2,50	16
3	Độc lập, chủ động, sáng tạo trong công việc.	20	40	69	11	2,49	17
4	Tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nhà giáo, yêu nghề, mến trẻ.	47	72	18	3	3,16	8
5	Tinh thần vượt khó trong học tập, cuộc sống	32	67	38	3	2,91	12
6	Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp.	21	25	67	27	2,29	19
7	Chấp hành quy chế đào tạo.	51	74	15		3,26	3
8	Chấp hành quy chế thi, kiểm tra.	23	75	40	2	2,85	14
9	Chấp hành quy định của nhà trường.	48	79	13		3,25	5
10	Chấp hành quy định về ở nội trú, ngoại trú.	45	75	17	3	3,16	8
11	Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội	31	68	39	2	2,91	12
12	Tham gia các cuộc vận động.	29	67	37	7	2,84	15
13	Tham gia các hoạt động đoàn thể (Đoàn, Hội sinh viên).	43	80	17	0	3,19	7
14	Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, sinh hoạt tập thể.	39	79	22	0	3,12	10
15	Chấp hành an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội.	51	80	9	0	3,30	2
16	Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.	50	85	5	0	3,32	1
17	Tham gia các công tác xã hội và giữ gìn an ninh trật tự.	Q	37	77	9	2,44	18
18	Tinh thần đoàn kết, xây dựng nhà trường thân thiện.	40	79	17	4	3,11	11
19	Có ý thức trong quan hệ giao tiếp với cộng đồng.	49	75	13	3	3,21	6

Từ kết quả điều tra thể hiện ở bảng 3.9 cho thấy: có 15/19 nội dung rèn luyện có điểm trung bình đạt mức độ 3 (*thường xuyên*) và mức độ 4 (*rất thường xuyên*). Cụ thể:

Các nội dung có điểm trung bình $\bar{X} > 3,25$ (mức độ 4 - *rất thường xuyên*), bao gồm:

- “*Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước*” $\bar{X} = 3,32$, xếp thứ nhất;

- “*Chấp hành an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội*” $\bar{X} = 3,30$, xếp thứ 2;

- “*Thực hiện nghiêm túc giờ học trên lớp*”; “*Chấp hành quy chế đào tạo*” $\bar{X} = 3,26$, đồng xếp thứ 3;

Tiếp đến là các nội dung có điểm trung bình từ $2.5 < \bar{X} \leq 3.25$ (mức độ 3 - *thường xuyên*), bao gồm:

- “*Chấp hành quy định của nhà trường*” $\bar{X} = 3,25$, xếp thứ 5

- “*Có ý thức trong quan hệ giao tiếp với cộng đồng*” $\bar{X} = 3,21$, xếp thứ 6;

- “*Tham gia các hoạt động đoàn thể (Đoàn, Hội sinh viên)*” $\bar{X} = 3,19$, xếp thứ 7;

- “*Tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nhà giáo, yêu nghề, mến trẻ*”; “*Chấp hành quy định về ở nội trú, ngoại trú*” $\bar{X} = 3,16$, đồng xếp thứ 8;

- “*Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, sinh hoạt tập thể*” $\bar{X} = 3,12$, xếp thứ 10;

- “*Tinh thần đoàn kết, xây dựng nhà trường thân thiện*” $\bar{X} = 3,11$, đồng xếp thứ 11;

- “*Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội*”; “*Tinh thần vượt khó trong học tập, cuộc sống*” $\bar{X} = 2,91$, đồng xếp thứ 12;

- “*Chấp hành quy chế thi, kiểm tra*” $\bar{X} = 2,85$, xếp thứ 14;

- “*Tham gia các cuộc vận động*” $\bar{X} = 2,85$, xếp thứ 15.

Qua đó cho thấy đa phần SV đã có có ý thức thực hiện nghiêm túc các nội

dung rèn luyện đạo đức và ĐĐNN. Các em có thái độ và động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn, luôn phấn đấu để đạt được những kết quả cao nhất trong học tập, tu dưỡng đạo đức nhà giáo. Đây là một kết quả đáng mừng không chỉ đối với các em SV mà còn là niềm vui lớn của thầy cô giáo và nhà trường. Tiếp tục phát huy những ưu điểm trên sẽ là động lực mạnh mẽ giúp các em ngày càng trưởng thành và vững vàng hơn trong con đường phát triển sự nghiệp của chính mình, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục ở bậc mầm non tỉnh nhà nói riêng và sự nghiệp giáo dục cả nước nói chung.

Tuy nhiên, bên cạnh những nội dung được các em tích cực thường xuyên thực hiện thì vẫn còn một số nội dung các em mới chỉ dừng lại ở mức độ “*thỉnh thoảng*” như:

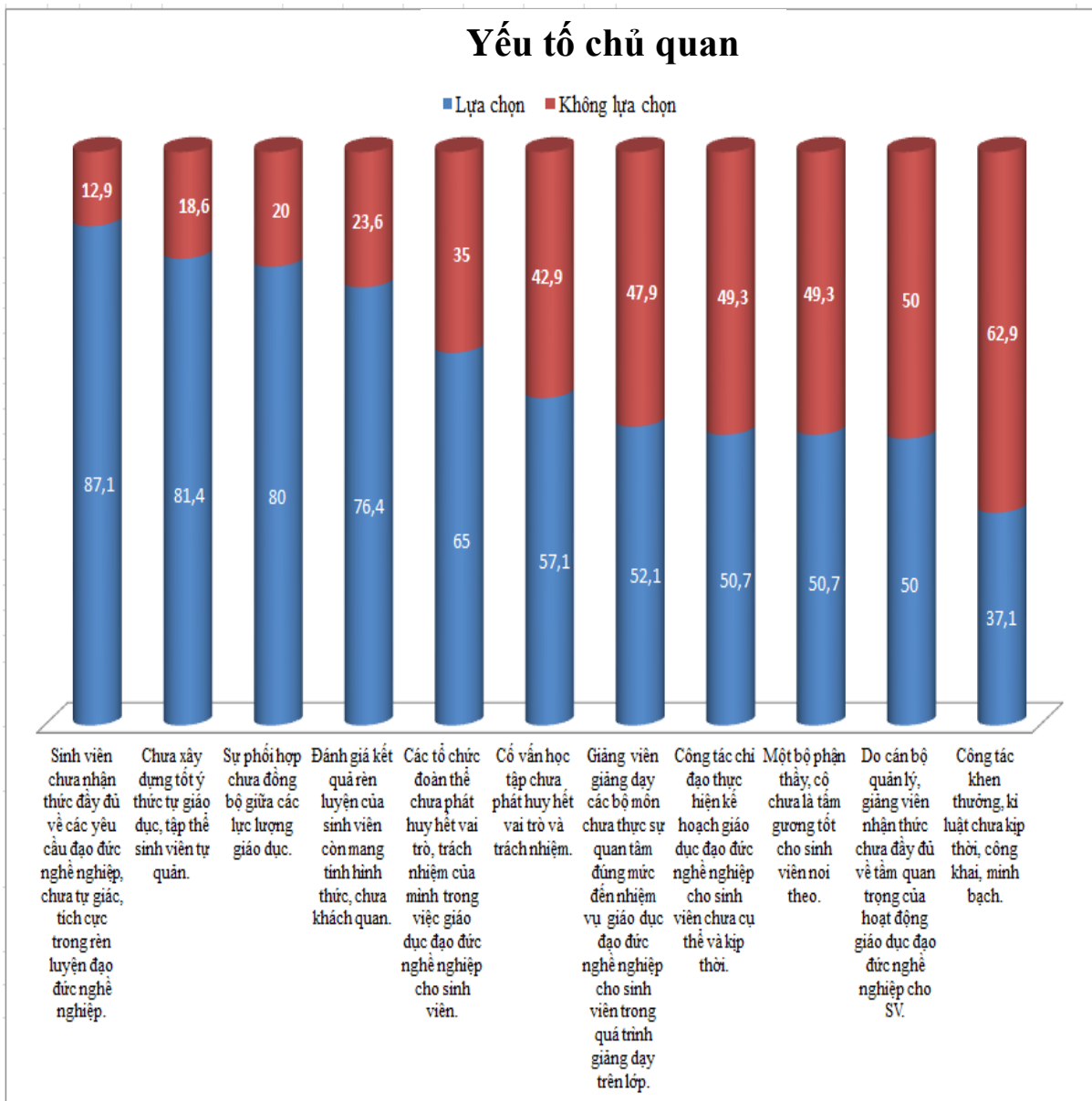
- “*Tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm*” $\bar{X} = 2,50$, xếp thứ 16;
- “*Độc lập, chủ động, sáng tạo trong công việc*” $\bar{X} = 2,49$, xếp thứ 17;
- “*Tham gia các công tác xã hội và giữ gìn an ninh trật tự*” $\bar{X} = 2,44$, xếp thứ 18;
- “*Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp*” $\bar{X} = 2,29$, xếp thứ 19.

Mặc dù chỉ có 4/19 nội dung các em thực hiện ở mức độ “*thỉnh thoảng*” tuy nhiên điều đáng lưu ý đây lại là những nội dung rất quan trọng, góp phần quyết định trực tiếp năng lực và phẩm chất ĐĐNN của các em sau này.

Từ thực trạng trên đòi hỏi nhà trường cần có biện pháp nâng cao hơn nữa, chú trọng nhiều hơn nữa các nội dung rèn luyện nhằm trang bị tốt tri thức, kỹ năng và các phẩm chất ĐĐNN cần thiết ngay trong quá trình học tập tại trường sư phạm, để khi ra trường các em có đủ tự tin bước vào nghề.

3.1.2.7. *Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk*

* *Yếu tố chủ quan:*



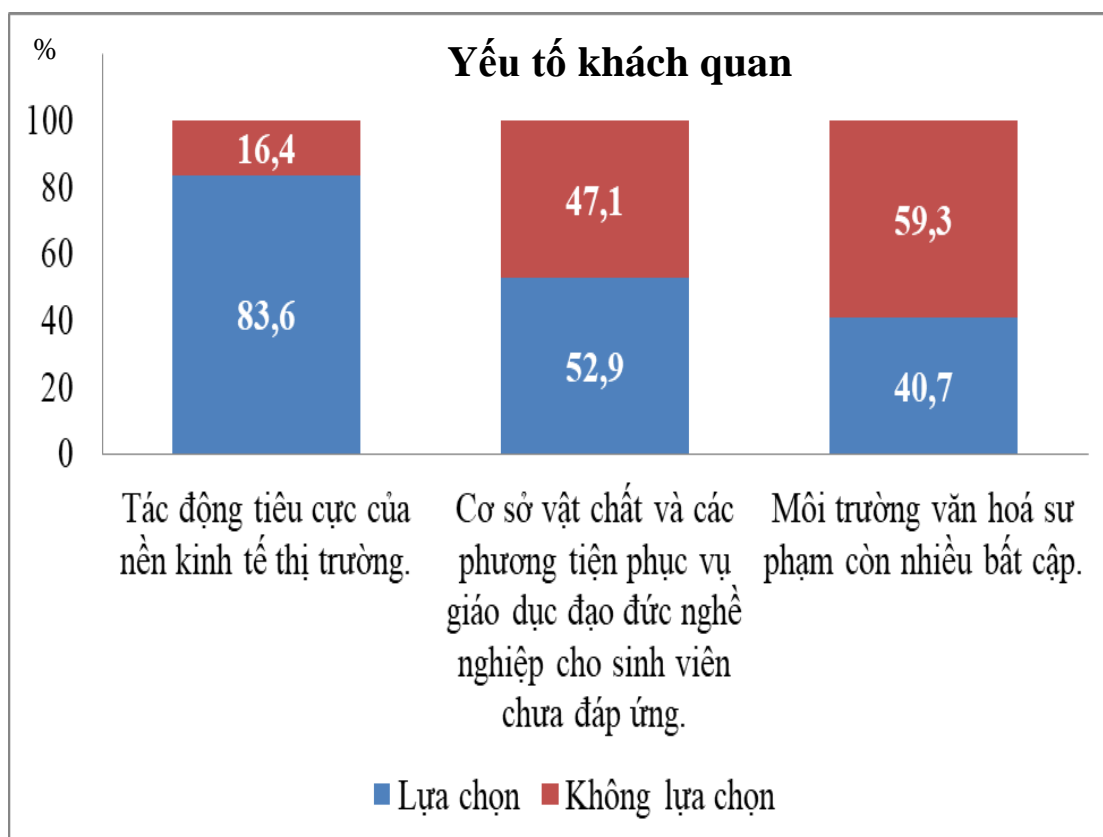
Biểu đồ 3.1. Đánh giá của CBQL, GV và SV về nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục ĐĐNN của SV ngành GDMN

Qua biểu đồ 3.3 cho thấy có rất nhiều nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả của quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV, căn cứ vào lý luận và thực tiễn giáo dục tại trường CĐSP Đắk Lắk, nhà nghiên cứu đã nêu lên 11 nguyên nhân chủ quan phổ biến có ảnh hưởng đến kết quả giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN 3 khóa 47, 48, 49. Các nguyên nhân được CBQL, GV và SV đánh giá có mức độ ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục ĐĐNN của SV lần lượt được xếp như sau: “Sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về các yêu cầu đạo đức nghề nghiệp, chưa tự giác, tích cực trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp” có ý kiến đồng ý cao nhất (87,1 %); tiếp đến là “Chưa xây dựng tốt ý

thức tự giáo dục, tập thể sinh viên tự quản” (81,4 %); “Sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục” (80 %); “Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên còn mang tính hình thức, chưa khách quan” (76,4 %); “Các tổ chức đoàn thể chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên” (65 %); “Cố vấn học tập chưa phát huy hết vai trò và trách nhiệm” (57.1 %); “Giảng viên giảng dạy các bộ môn chưa thực sự quan tâm đúng mức đến nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình giảng dạy trên lớp” 52,1 %); “Công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên chưa cụ thể và kịp thời” (51,4 %); “Một bộ phận thầy, cô chưa là tấm gương tốt cho sinh viên noi theo” có số ý kiến đồng ý như nhau (50,7 %); “Do cán bộ quản lý, giảng viên nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV” (50 %) và cuối cùng là yếu tố: “Công tác khen thưởng, kỉ luật chưa kịp thời, công khai, minh bạch” (38,6%).

Như vậy, xét một cách tổng thể thì nguyên nhân có ảnh hưởng lớn nhất đến kết quả giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN phần lớn bắt nguồn từ nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc của SV về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ĐĐNN và thái độ thiếu tích cực trong việc rèn luyện cá nhân và phát triển tập thể. Cùng với đó thì những nguyên nhân bắt nguồn từ chính chủ thể giáo dục cũng ảnh hưởng lớn đến chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV trong trường. Muốn đạt kết quả giáo dục ĐĐNN cho SV tốt thì cần có sự tham gia tích cực của nhiều LLGD, các lực lượng này phải có nhận thức về lý luận chính trị vững vàng, đạo đức nhà giáo tốt, cần có sự phối hợp đồng bộ, thống nhất về mục tiêu giáo dục, có kế hoạch rõ ràng và cần được hiện thực hóa trong tất cả các hoạt động giáo dục. Tuy nhiên trên thực tế việc huy động các LLGD cùng tham gia vào công tác giáo dục ĐĐNN cho SV chưa thực sự mang lại hiệu quả cao, thiếu tính đồng bộ và nhất quán trong các tác động giáo dục ĐĐNN giữa các LLGD. Tất cả những nguyên nhân trên đã ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV.

* *Yếu tố khách quan:*



Biểu đồ 3.2. Đánh giá của CBQL, GV và SV về nguyên nhân khách quan ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục ĐĐNN của SV ngành GDMN

Cùng với những nguyên nhân chủ quan thì các nguyên nhân khách quan cũng ảnh hưởng nhất định đến quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV.

- Yếu tố “*Tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường*” (83,6 % ý kiến lựa chọn), xếp vị trí cao nhất trong nhóm các yếu tố khách quan. Nền KTTT mở ra khả năng to lớn cho toàn xã hội nói chung và cá nhân SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk có cơ hội tiếp cận các giá trị văn hóa, văn minh nhân loại, phát huy mọi năng lực bản thân, hình thành nhân cách tự chủ, tự lập trong con người, rèn luyện con người ý thức lao động, bản lĩnh, năng động, thích nghi và sáng tạo. Đây là những phẩm chất đạo đức về ý chí, lòng dũng cảm, nghĩa vụ, tính nguyên tắc và tự trọng ở mỗi con người. Tuy nhiên, cùng với những mặt tích cực là sự ảnh hưởng tiêu cực của nền KTTT đến tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của SV như: Lối sống thực dụng, ích kỷ, mưu mô, dối trá chạy theo đồng tiền, xa rời những giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tư tưởng ngại khó, lười biếng trong học tập và rèn luyện, sống buông thả, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội... Điều đó

đã ảnh hưởng rất lớn tới công tác giáo dục đạo đức nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trong trường nói riêng. Do đó, nhà trường cần quan tâm và đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục lý tưởng, niềm tin chính trị. Cùng với việc học tập kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, SV phải được trang bị hệ thống tri thức lý luận chính trị đúng đắn, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; hướng SV đến hành động thực tiễn nhân văn, tiến bộ, khoa học; bồi dưỡng cho SV lòng yêu nước chân chính; có tinh thần kiên định, vững vàng, không hoang mang, dao động trước những biến động phức tạp của nền KTTT, có bản lĩnh chính trị vững vàng trước mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Cần sớm tìm ra các giải pháp phù hợp để khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực, mặt trái cơ chế thị trường đến chất lượng giáo dục cho SV.

- “*Cơ sở vật chất và các phương tiện phục vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên chưa đáp ứng*” (50, 7%) là tác nhân không nhỏ gây ra những hạn chế cho việc giáo dục ĐĐNN cho SV. Cơ sở vật chất nhà trường hiện tại chưa tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV. Qua tìm hiểu thực tế cũng như trao đổi với một số CBQL, GV và SV được biết hiện tại nhà trường đã rất quan tâm trang bị cơ sở vật chất, các phương tiện phục vụ cho hoạt động dạy - học trong trường, tuy nhiên các hoạt động ngoại khoá chuyên ngành, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... thì kinh phí đầu tư còn rất hạn chế nên việc tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục ĐĐNN cho SV gặp rất nhiều khó khăn, dẫn đến hiệu quả giáo dục ở một số hoạt động chưa cao. Yếu tố “*Môi trường văn hoá sư phạm còn nhiều bất cập*” (40,7 %) ý kiến lựa chọn có nghĩa là theo kết quả khảo sát thì yếu tố này không phải là nguyên nhân chính có ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN. Tìm hiểu về vấn đề này chúng tôi đã trao đổi với một số GV và SV trong trường, được biết: môi trường văn hóa sư phạm tại Trường CĐSP Đắk Lắk, đặc biệt là văn hóa ứng xử trong trường rất tốt. Hầu hết CBQL, GV và đội ngũ nhân viên trong trường rất thân thiện, cởi mở, tôn trọng và nhiệt tình giúp đỡ SV khi cần. Sinh viên khoa GDMN đa số có thái độ, tác phong đúng mực, quý trọng thầy cô, đoàn kết với bạn bè, sống có kỷ cương, không ngừng phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn số ít thầy, cô giáo

thỉnh thoảng có thái độ ứng xử với SV chưa phù hợp, một số SV vẫn còn thiếu ý thức đạo đức, vô lễ với thầy cô, nói tục, thiếu kỷ luật,...Điều này đã ảnh hưởng không tốt tới môi trường văn hóa học đường, ảnh hưởng xấu tới quá trình giáo dục nhà trường nói chung và bản thân từng cá nhân đó nói riêng. Để khắc phục tình trạng này nhà trường cần có những biện pháp chấn chỉnh kịp thời, tạo môi trường văn hóa lành mạnh trong trường sư phạm, xử lý nghiêm khắc những cá nhân có thái độ, hành vi ứng xử thiếu văn hóa. Mỗi thầy cô giáo, cán bộ quản lý luôn là những tấm gương sáng, mẫu mực cho các thế hệ SV noi theo, tạo điều kiện thuận lợi giúp các em SV luôn phấn đấu học tập, rèn luyện và phát triển những giá trị, phẩm chất đạo đức tốt ngay trong mái trường sư phạm.

3.2. Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk

3.2.1. Các nguyên tắc xác định biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk

3.2.1.1. Đảm bảo đáp ứng mục tiêu của chương trình đào tạo (chuẩn đầu ra)

Mục tiêu chương trình đào tạo ngành GDMN trường CĐSP Đắk Lắk ban hành năm 2023 ghi rõ: Trường CĐSP Đắk Lắk đào tạo cử nhân cao đẳng ngành GDMN có bản lĩnh chính trị vững vàng; có phẩm chất đạo đức tốt; có tác phong sư phạm chuẩn mực; có trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh; có năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin; có kiến thức và kỹ năng cần thiết để tổ chức chăm sóc giáo dục trẻ mầm non một cách khoa học, hiệu quả; tích cực nghiên cứu khoa học và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới của bậc học mầm non và yêu cầu phát triển của xã hội. Do đó, việc xây dựng biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN cần phải quán triệt nguyên tắc này [14].

3.2.1.2. Đảm bảo sự phù hợp với đặc điểm của sinh viên

Sinh viên nói chung, SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk nói riêng là những thanh niên trí thức rất trẻ, họ đang ở giai đoạn chuẩn bị tích cực nhất cho tương lai, nghề nghiệp của bản thân. Là lứa tuổi có nhiều hoài bão và khát vọng nhất, họ đang được sống và hoạt động trong một môi trường hết sức thuận lợi cho phát

triển bản thân. Do đó sự nhiệt tình, năng động và sáng tạo là những sức mạnh to lớn giúp họ làm chủ kiến thức, hình thành kỹ năng cơ bản và thái độ tích cực của nghề dạy học. Các đặc điểm khác như lòng nhiệt tình, nhạy cảm trước cuộc sống, ước mơ cháy bỏng, quyết tâm thực hiện cho được những hoài bão của bản thân, chân thành, cởi mở trong ý nghĩ việc làm, dám chấp nhận hy sinh...đây là những thế mạnh giúp họ xây dựng được lý tưởng sống, lý tưởng nghề nghiệp và niềm tin nghề nghiệp. Tuy nhiên, do tuổi đời còn quá trẻ, kinh nghiệm sống còn nghèo nàn, đặc biệt phần đông SV ngành GDMN là con em người đồng bào dân tộc thiểu số, với điều kiện sống còn nhiều khó khăn, các em chưa có nhiều thời gian, cơ hội để cọ xát, trải nghiệm các hoạt động phong phú đa dạng bên ngoài xã hội nên trước những tác động tự phát, tiêu cực của xã hội dẫn đến hạn chế của các em lại là sự bông bột chủ quan, gặp khó khăn dễ hoang mang, dao động, dễ bị kích động, thiếu bản lĩnh chính trị, ... Vì thế, các em rất cần sự gần gũi, định hướng, tư vấn, giáo dục của nhà trường, gia đình và xã hội.

3.2.1.3. Đảm bảo tính kế thừa, thường xuyên, liên tục

Các biện pháp đưa ra dựa trên cơ sở đã xem xét, kế thừa những thành tựu đã đạt được trong nghiên cứu lý luận trước đây và dựa trên tổng kết kinh nghiệm thực tiễn giáo dục đạo đức cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay.

Đạo đức nghề nghiệp không phải hình thành trong một sớm một chiều, mà là kết quả của sự rèn luyện thường xuyên, liên tục, kiên trì và có sự hướng dẫn, tổ chức một cách thống nhất, khoa học. Theo chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi người phải thường xuyên chăm lo, tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày, đây cũng là công việc phải kiên trì, bền bỉ suốt đời, không người nào có thể chủ quan tự mãn. Đạo đức không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển mà củng cố, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong [88]. Phải thấy rằng, mỗi người trong xã hội luôn chịu nhiều tác động từ cuộc sống, những cám dỗ từ mặt trái của xã hội rất dễ làm cho người ta sa ngã. Trong điều kiện KTTT và sự mở cửa, hội nhập quốc tế hiện nay, những cám dỗ này lại càng trở nên mãnh liệt. Việc giáo dục ĐĐNN cho SV phải được tiến hành mọi lúc, mọi nơi, mọi hoạt động cũng như mọi quan hệ, đồng thời phải kết hợp giáo dục với tự giáo dục và

tự rèn luyện.

3.2.1.4. Đảm bảo tính đa dạng và đồng bộ

Giáo dục ĐĐNN cho SV sư phạm không phải là hình thành những phẩm chất riêng lẻ, mà là một hệ thống những phẩm chất toàn vẹn của nhân cách sư phạm. Hơn nữa, trong quá trình hình thành các phẩm chất ĐĐNN cho SV sư phạm chịu sự tác động của nhiều lực lượng, nhiều yếu tố, vì thế, cần phải có sự giáo dục đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục. Các phẩm chất ĐĐNN được hình thành thông qua các hoạt động và giao lưu, đồng thời qua chính các hoạt động và giao lưu phẩm chất đạo đức đó được thể hiện, điều này đòi hỏi nhà trường cần phải có các biện pháp, hình thức, nội dung hoạt động phong phú, đa dạng, tạo sức hấp dẫn, lôi cuốn cao để giáo dục ĐĐNN cho SV ngày càng hiệu quả.

3.2.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Các biện pháp đưa ra phải phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay. Mặt khác, mọi tác động sư phạm đều phải xuất phát từ thực trạng nhận thức, thái độ, hành vi và thói quen của người được giáo dục, đồng thời việc tổ chức các hoạt động giáo dục phải căn cứ vào điều kiện hiện có của Trường CĐSP Đắk Lắk, gắn với thực tiễn ngành giáo dục cũng như truyền thống lịch sử địa phương.

3.2.1.6. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Biện pháp phải có tính bao quát, cần thiết, sát với thực tiễn, có tính khả thi, đáp ứng được mục tiêu nhiệm vụ của đề tài. Trong khi thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV cần căn cứ vào mục tiêu chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, về đội ngũ, về đặc điểm văn hóa kinh tế, xã hội địa phương, về các khả năng quản lý, tổ chức, điều hành của các lực lượng giáo dục. Để đề xuất các biện pháp có hiệu quả cần phải xem xét cụ thể tất cả các yếu tố có liên quan đến quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV trong và ngoài trường.

3.2.2. Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk

Căn cứ kết quả nghiên cứu lý luận về việc giáo dục ĐĐNN; thực trạng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk, các nguyên tắc xây dựng các

biện pháp giáo dục ĐĐNN đồng thời là người trực tiếp giảng dạy, quản lý SV trong các giờ học, chúng tôi đề xuất một số biện pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trong thời gian tới như sau:

3.2.2.1. Biện pháp 1: Chính sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2023 theo hướng tích hợp, lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình dạy học.

- Mục tiêu biện pháp

Xây dựng hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo theo hướng tích hợp mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV trong tất cả các học phần, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV, góp phần nâng cao kết quả giáo dục ĐĐNN cho SV trong thời gian tới.

- Nội dung biện pháp

Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo Phòng Đào tạo - Bồi dưỡng, khoa GDMN, các bộ môn liên quan có trách nhiệm tiếp tục rà soát lại đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2023, kịp thời phát hiện các đề cương chi tiết học phần chưa phù hợp với chương trình đào tạo, đề nghị chỉnh sửa, hoàn thiện các đề cương theo hướng có sự tích hợp giáo dục ĐĐNN cho SV. Cụ thể: Cần sớm chỉnh sửa hoàn thiện các đề cương có mã số như sau: MC 05, MC12. MC 24; MDC 10; MDC 11; MDC 12; MTC 2.1; MTC 2.3... Qua đó nhằm tạo sự nhất quán giữa yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo với yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần.

Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo hiện tại của trường, tình hình thực tế của địa phương, chương trình đào tạo ngành GDMN ban hành năm 2023, lãnh đạo trường chỉ đạo các tập thể, cá nhân có liên quan tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần theo các bước sau đây:

- Bước 1. Thành lập nhóm chuyên gia thực hiện chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương môn học là các giảng viên cùng dạy một môn học.

- Bước 2. Tổ chức tập huấn cho nhóm chuyên gia về việc chỉnh sửa, xây dựng hoàn thiện đề cương chi tiết học phần phù hợp với chuẩn đầu ra của

chương trình đào tạo.

- Bước 3. Tổ chức nhóm chuyên gia tiến hành chỉnh sửa, biên soạn hoàn thiện đề cương chi tiết học phần theo hướng tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV (Đề cương được biên soạn theo “Mẫu đề cương môn học” và “Hướng dẫn viết đề cương môn học”).

- Bước 4. Tiến hành thẩm định, nghiệm thu và ban hành đề cương chi tiết học phần sau khi đã hoàn thiện.

- Điều kiện thực hiện

Việc triển khai chỉnh sửa và hoàn thiện đề cương chi tiết học phần phải được sự nhất trí của lãnh đạo trường, Phòng Đào tạo - Bồi dưỡng, khoa GDMN, các bộ môn liên quan và đội ngũ giảng viên trong trường.

Việc chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần cần triển khai thực hiện đồng bộ, đúng quy trình, phù hợp với tình hình thực tiễn giáo dục của nhà trường, của địa phương và của ngành.

- Phòng Đào tạo - Bồi dưỡng cần quan tâm triển khai, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá thường xuyên tiến độ triển khai thực hiện công việc chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần theo hướng có tích hợp giáo dục ĐĐNN, có những điều chỉnh kịp thời, giúp công tác hoàn thiện đề cương chi tiết các học phần diễn ra đúng quy trình và tiến độ.

3.2.2.2. Biện pháp 2: Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong nhà trường.

- Mục tiêu

Bồi dưỡng nhận thức, ý thức trách nhiệm cho CBQL, đội ngũ GV, SV nhằm giúp họ nhận thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết của việc giáo dục ĐĐNN cho SV, từ đó xác định được vai trò và trách nhiệm của mình trong vấn đề hình thành và phát triển các phẩm chất ĐĐNN cần thiết, đặc thù của nghề GVMN cho SV ngay từ khi các em đang ngồi trên ghế nhà trường sư phạm. Khuyến khích họ tích cực tham gia các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng và

giáo dục đạo đức trong nhà trường nói chung.

- Nội dung biện pháp

Nhà trường cần đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đường lối cách mạng và pháp luật của nhà nước. Kịp thời tổ chức học tập, quán triệt các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của Bộ Giáo dục và Đào tạo về vấn đề giáo dục nói chung và giáo dục ĐĐNN trong trường sư phạm nói riêng. Đây là biện pháp hiệu quả giúp CBQL, GV, SV nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ĐĐNN trong nhà trường. Từ đó bản thân mỗi CBQL, GV và SV nhận thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công tác giáo dục nói chung và giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng. Giúp họ luôn nỗ lực hoàn thiện bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động giáo dục đạo đức trong nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

- Tổ chức thực hiện

Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo trong trường gắn liền với mục tiêu nâng cao nhận thức về giáo dục ĐĐNN cho đội ngũ CBQL, GV và SV trong trường. Tổ chức tốt các đợt học tập, quán triệt, phổ biến chủ trương giáo dục của Đảng; tình hình thời sự; các thông tin về kinh tế xã hội; các hoạt động sinh hoạt chính trị; tuần sinh hoạt công dân; học tập nội quy, quy chế của nhà trường vào đầu mỗi năm học và theo định kỳ bằng nhiều hình thức phong phú. Qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân trong nhà trường; nâng cao tinh thần đoàn kết, thống nhất trong tác động giáo dục ĐĐNN cho SV; Xác định rõ công tác giáo dục ĐĐNN cho SV là trách nhiệm của mọi thành viên trong Nhà trường. Nhà trường cần tạo điều kiện thuận lợi để việc triển khai các hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV diễn ra đúng kế hoạch, đạt kết quả tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- Phân công cụ thể vai trò, trách nhiệm của CBQL, GV trong công tác giáo dục ĐĐNN cho SV. Tổ chức tốt các phong trào thi đua như phong trào: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; gắn kết với cuộc vận động

“Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; nêu cao tinh thần, trách nhiệm của người giảng viên: Gương mẫu về đạo đức, lối sống, tác phong sư phạm, lý tưởng nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ... Mỗi giảng viên luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm của bản thân trong công tác giáo dục ĐĐNN cho SV thông qua các bài giảng, các hoạt động học tập và rèn luyện của SV trong và ngoài giờ học.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tọa đàm về ngày Nhà giáo Việt Nam; Gặp gỡ giao lưu với cựu giáo chức, những tấm gương tiêu biểu, điển hình trong lĩnh vực GDMN... Qua đó nhằm giáo dục những giá trị truyền thống tốt đẹp của ngành, của trường và khoa Giáo dục Mầm non... Từ đó giúp SV càng thêm yêu nghề, tự hào về nghề mà mình đã lựa chọn, có lý tưởng nghề nghiệp vững vàng, lòng quyết tâm đưa nền giáo dục của địa phương và cả nước ngày càng phát triển vững mạnh.

- Điều kiện thực hiện

Lãnh đạo nhà trường quan tâm thường xuyên đến công tác giáo dục ĐĐNN, chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục ĐĐNN nhằm nâng cao năng lực nhận thức về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho CBQL, GV và SV trong trường theo từng năm học. Việc lập kế hoạch bao gồm các yếu tố sau:

Xác định mục tiêu: Xác định rõ ràng các mục tiêu cần đạt được trong một khoảng thời gian nhất định.

Chiến lược: Đưa ra hướng đi và phương pháp để đạt được các mục tiêu đã xác định.

Tác vụ và hoạt động: Liệt kê các công việc cụ thể và các bước thực hiện cần thiết để hoàn thành chiến lược.

Phân công trách nhiệm: Xác định ai sẽ thực hiện từng tác vụ và hoạt động, cũng như mức độ trách nhiệm của mỗi người trong việc đạt được mục tiêu chung.

Thời gian: Xác định thời gian bắt đầu và kết thúc của từng tác vụ, cũng như các mốc thời gian quan trọng liên quan đến mục tiêu chung.

Nguồn lực: Xác định nguồn lực cần thiết (như tài chính, nhân lực, vật liệu) để hoàn thành các tác vụ và đạt được mục tiêu.

Theo dõi và đánh giá: Đánh giá tiến độ và hiệu quả của kế hoạch, điều chỉnh khi cần thiết để đảm bảo mục tiêu được đạt được.

Kế hoạch phải đảm bảo tính logic, tính sáng tạo phù hợp với tình hình thực tiễn của Nhà trường.

Bản thân mỗi CBQL, GV và SV ngành GDMN phải luôn ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình, hiểu được những yêu cầu của xã hội đối với nghề GVMN từ đó tích cực tu dưỡng, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và phẩm chất đạo đức nhà giáo, ... trở thành lực lượng tiên phong trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền giáo dục nước nhà.

Tạo điều kiện thuận lợi về tài chính, vật chất, phương tiện... đảm bảo các hoạt động giáo dục được diễn ra suôn sẻ, thu hút đông đảo các lực lượng cùng tham gia vào quá trình giáo dục ĐĐNN trong trường.

3.2.2.3. Biện pháp 3. Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của các lực lượng giáo dục trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

- Mục tiêu

Giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho các lực lượng tham gia vào quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV. Lựa chọn, xây dựng đội ngũ GV làm công tác CVHT, GV giảng dạy các học phần, cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên có phẩm chất đạo đức cách mạng, lương tâm trong sáng, nhân cách hoàn thiện, vững vàng về chuyên môn, tâm huyết với nghề, yêu thương người học, có kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ trong công tác giáo dục ĐĐNN cho SV. Bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất cho các lực lượng giáo dục là đòn bẩy quan trọng, đưa hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV đạt được các mục tiêu đề ra.

Hiệu quả của công tác giáo dục ĐĐNN cho SV không phải của riêng ai mà là kết quả của sự phối kết hợp nhịp nhàng, đồng bộ, thông nhất, liên tục giữa các lực lượng giáo dục.

- Nội dung biện pháp

Đối với Cố vấn học tập: Lãnh đạo trường chỉ đạo Khoa Giáo dục Mầm non và các phòng ban liên quan lựa chọn trong điều kiện cho phép của nhà trường những GV làm công tác CVHT có năng lực, phẩm chất tốt, năng động và nhiệt huyết với nghề, có trách nhiệm và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tập thể và giáo dục ĐĐNN cho SV.

Nhà trường đặt ra những yêu cầu cụ thể, trước mắt và lâu dài đối với CVHT trước những đòi hỏi của nhiệm vụ giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN nói riêng và nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của nhà trường nói chung.

Đối với Giảng viên giảng dạy các học phần: Mỗi GV trong quá trình dạy học phải luôn thấy được vai trò, ý nghĩa của việc giáo dục ĐĐNN cho SV, từ đó luôn có ý thức lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV thông qua từng chương, từng bài học cụ thể. Hay nói cách khác luôn tuân thủ nguyên tắc: “dạy chữ” gắn với “dạy người”. Việc giáo dục ĐĐNN cho SV sẽ hiệu quả hơn khi người giáo viên ý thức đầy đủ và biết khai thác tốt nội dung khoa học gắn với thực tiễn nghề giáo viên mầm non, đây chính là điều kiện quan trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu lồng ghép giáo dục ĐĐNN cho SV thông qua môn học.

Đối với tổ chức Đoàn, Hội sinh viên: Cán bộ phụ trách Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhận thức sâu sắc về mục đích, tôn chỉ hoạt động của tổ chức, từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, rõ ràng, có sự lồng ghép nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV trong từng hoạt động, làm cho tất cả đoàn viên, thanh niên hiểu được mục đích, kế hoạch đó, SV tự đề ra kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN cho chính mình.

Phát động phong trào thi đua giữa các lớp, các các chi đoàn về thực hiện nội quy, quy chế của trường, của lớp...

- Thường xuyên nêu gương người tốt việc tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các bản tin, các diễn đàn của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên.

- *Tổ chức thực hiện*

Dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường, các chủ thể giáo dục có trách nhiệm triển khai kế hoạch giáo dục ĐĐNN cho SV theo hướng tích hợp và lồng

ghép trong các hoạt động dạy học chính khóa và các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động chính trị, xã hội... Các hoạt động này phải được thực hiện một cách nhịp nhàng, có hệ thống, vừa đảm bảo phù hợp với mục tiêu riêng của từng hoạt động đồng thời đảm bảo thống nhất với mục tiêu giáo dục chung của toàn trường.

Tổ chức các hội nghị, báo cáo chuyên đề khoa học về chủ đề trao đổi kinh nghiệm lồng ghép giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN qua từng môn học và qua các hoạt động do Đoàn, Hội sinh viên tổ chức.

Tổ chuyên môn xây dựng nội dung kết hợp giáo dục ĐĐNN phù hợp với từng học phần. Tích hợp việc giáo dục ĐĐNN trong quá trình dạy học phải được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần, qua đề cương bài giảng, giáo án lên lớp của từng giảng viên, đặc biệt phải tận dụng khả năng đặc thù của các học phần. Cần có sự theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện mục tiêu lồng ghép, tích hợp giáo dục ĐĐNN trong học phần qua từng giai đoạn cụ thể.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên có trách nhiệm phối hợp với các LLGD trong trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt chính trị, xã hội, phong trào thi đua ... có sự gắn kết với các nội dung giáo dục ĐĐNN cho SV các khóa. Các hoạt động cần có nội dung phong phú thu hút đông đảo SV tích cực tham gia, qua đó nâng cao năng lực nhận thức chính trị, đạo đức lối sống, tác phong sư phạm, lòng yêu nghề, mêm trẻ cho SV trong toàn trường. Tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên từ cấp trường, cấp khoa đến từng chi đoàn phải có kế hoạch sinh hoạt định kỳ, trong từng kỳ sinh hoạt có đánh giá những việc đã làm được của tổ chức, có nhận xét đóng góp ý kiến cho từng đoàn viên trong việc tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN qua từng hoạt động cụ thể; Chủ động tổ chức các hoạt động phù hợp với đặc điểm sinh viên, đáp ứng nhu cầu, hứng thú, nguyện vọng của đại đa số đoàn viên, thanh niên nhằm tạo cơ hội gặp gỡ, giao lưu, gắn bó... qua đó các phẩm chất: tinh thần tập thể, tinh thần đoàn kết thân ái, yêu thương thấu hiểu bạn bè, tinh thần hợp tác giúp đỡ,... được hình thành, được thể hiện.

- *Điều kiện thực hiện:*

- Các LLGD phải nhận thức được vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác giáo dục ĐĐNN cho SV và ý nghĩa to lớn của việc tự bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác, hoàn thiện nhân cách bản thân. Mỗi cá nhân bên cạnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ riêng của mình cũng phải tính đến sự thống nhất, hài hòa với các cá nhân và tập thể khác trong quá trình thực hiện mục tiêu giáo dục tổng thể của toàn trường.

- Cần kiểm tra, đánh giá, khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong công tác giáo dục ĐĐNN cho SV nói riêng và hoạt động giáo dục – đào tạo của nhà trường nói chung.

- Nhà trường cần đảm bảo tốt về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật cho việc triển khai các kế hoạch hoạt động được diễn ra thuận lợi và tốt đẹp.

3.2.2.4. Biện pháp 4: Thành lập tổ tư vấn tâm lý cho sinh viên về học tập và định hướng, phát triển nghề trong tương lai.

- Mục tiêu biện pháp

Việc thành lập tổ tư vấn tâm lý cho SV về các vấn đề học tập và nghề nghiệp tương lai là rất cần thiết và có ý nghĩa thiết thực, giúp các em kịp thời nhận thức được tầm quan trọng về vai trò, ý nghĩa của ĐĐNN đối với người GVMN, nắm bắt được các yêu cầu về chuẩn mực ĐĐNN đặc thù của người GVMN, trên cơ sở đó hình thành động cơ học tập và có định hướng nghề nghiệp đúng đắn. Có niềm tin vào nghề mà mình đã lựa chọn, yên tâm gắn bó với nghề... Từ đó, SV tích cực tu dưỡng và rèn luyện bản thân để trở thành một SV gương mẫu và người GVMN ưu tú trong tương lai.

- Nội dung biện pháp

Thành lập tổ tư vấn tâm lý cho SV về học tập và nghề nghiệp là một trong những biện pháp hữu hiệu giúp các em nâng cao nhận thức về nghề, có động cơ học tập đúng đắn. Thông qua hoạt động tư vấn của tổ tư vấn tâm lý giúp SV biết xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, rèn luyện năng lực và phẩm chất ĐĐNN cho chính mình; có định hướng nghề nghiệp đúng đắn, tin tưởng vào sự phát triển của nghề trong tương lai. Mặt khác giúp các em kịp thời biết cách ứng phó với những khó khăn, vướng mắc trong học tập và cuộc sống, cân bằng được đời

công tâm lý, có niềm tin vào bản thân, khắc phục mọi khó khăn để đạt được kết quả học tập, rèn luyện tốt nhất.

- Tổ chức thực hiện

Nhà trường ra quyết định thành lập tổ tư vấn tâm lý cho SV. Lực lượng tham gia là đội ngũ giảng viên (đặc biệt là giảng viên chuyên ngành tâm lý) của trường có kinh nghiệm về tuổi đời, tuổi nghề và đặc biệt có uy tín cao trong sinh viên, là cán bộ Đoàn thanh niên, cán bộ Hội sinh viên...

Tổ tư vấn tâm lý xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, thiết thực, phân công công việc hợp lý giữa các thành viên trong tổ tư vấn, chuyên về từng lĩnh vực, sẵn sàng đón tiếp, giúp đỡ sinh viên khi có nhu cầu.

Trợ giúp GV và các thành viên khác trong nhà trường trong việc giao tiếp và tiếp cận với SV.

Trợ giúp nhà trường trong việc hoạch định chiến lược giáo dục toàn diện cho sinh viên, cách thức phối hợp với lực lượng giáo dục khác trong việc giáo dục nhằm phát hiện và ngăn ngừa các hành vi nguy cơ trong nhà trường.

- Điều kiện thực hiện

Lãnh đạo trường quan tâm và chỉ đạo thành lập Tổ tư vấn tâm lý cho SV trên cơ sở đáp ứng hài hòa giữa chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, lợi ích của các thành viên tham gia vào tổ tư vấn tâm lý.

Tổ tư vấn hoạt động theo mục đích, tôn chỉ như: giúp SV tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong học tập, sinh hoạt, đời sống tình cảm, giúp các em có niềm tin sư phạm, có kỹ năng sống và đặc biệt tôn trọng, giữ uy tín, danh dự cho các em.

Các thành viên được lựa chọn vào tổ tư vấn tâm lý phải có chuyên môn và một số phẩm chất cơ bản nhất định như: chấp nhận, tôn trọng, trung thực, thấu cảm, không định kiến, tin tưởng vào sinh viên, tin tưởng vào bản thân, nhu cầu giúp đỡ người khác, có đời sống tinh thần khỏe mạnh, có khả năng kết nối, có sự kiên trì, lòng nhân ái và khát vọng đem lại những điều tốt đẹp nhất cho sinh viên.

- Đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện, nguồn tài chính phù

hợp để triển khai các hoạt động tư vấn tâm lý cho sinh viên được tốt nhất.

3.2.2.5. Biện pháp 5. Nâng cao ý thức tự giác học tập, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

- Mục tiêu

Quá trình giáo dục ĐĐNN phải biến nhu cầu giáo dục các giá trị đạo đức từ bên ngoài thành nhu cầu bên trong của sinh viên. Biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Nâng cao ý thức tự giác học tập, tu dưỡng và rèn luyện ĐĐNN cho SV là biện pháp quan trọng giúp họ nhận thức đúng đắn về mục đích, vai trò, tác dụng của hoạt động tự giác học tập, tu dưỡng, rèn luyện từ đó có tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo trong lĩnh hội tri thức khoa học, tiếp nhận những giá trị ĐĐNN, rèn luyện hành vi, thói quen đạo đức phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo của nhà trường. Chất lượng và hiệu quả hoạt động học tập, giáo dục của sinh viên xét đến cùng phụ thuộc vào thái độ tự giác của họ trong học tập, rèn luyện. Ý thức tự giác học tập và rèn luyện là cơ sở quan trọng để biến quá trình giáo dục thành tự giáo dục trong mỗi bản thân người học.

- Nội dung biện pháp

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: tự học, tự rèn, tự tu dưỡng cũng giống như mài ngọc, luyện vàng, ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Người chỉ ra rằng: Năng lực của con người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có, mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà có. Với Hồ Chí Minh, tự học được xem như một quy luật của sự tồn tại, sự khẳng định và phát triển cá nhân; là điều kiện tiên quyết để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực toàn diện của mỗi con người [89].

Từ đó có thể khẳng định rằng việc giáo dục ĐĐNN cho SV phải dựa trên nguyên tắc: giáo dục gắn liền với quá trình tự giáo dục. Muốn nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN trước hết phải nâng cao ý thức tự giác học tập, rèn luyện và tu dưỡng của người học. Trong quá trình giáo dục, các nhà giáo dục cần phải coi SV là chủ thể của quá trình tự giáo dục, còn nhà giáo dục với vai trò là người cố vấn, điều khiển, tổ chức, hướng dẫn người học từng bước tiếp thu, lĩnh hội các giá trị đạo đức xã hội, tự giác chuyên hóa các giá trị đó thành tri thức, niềm

tin, phẩm chất đạo đức nhân cách của chính mình. Để tạo ra sự chuyển biến này cần phải có sự phối hợp của nhiều lực lượng giáo dục, thông qua nhiều cách thức, biện pháp khác nhau gắn với những điều kiện, thực tiễn giáo dục cụ thể và trong thời gian lâu dài, không thể nóng vội được.

- Cách thức thực hiện

Trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, các lực lượng giáo dục cần nắm bắt được đặc điểm tâm sinh lý của sinh viên, từ đó hướng dẫn sinh viên biết cách xây dựng kế hoạch tự tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN của bản thân ngay từ đầu năm học. Giáo dục phải lấy người học làm trung tâm, phát huy vai trò tự giác, tích cực, độc lập, sáng tạo của người học.

Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về nghề, hiểu được những yêu cầu về năng lực, phẩm chất ĐĐNN của người GVMN; tự đánh giá đúng về mình, về những ưu, khuyết điểm của bản thân từ đó xây dựng kế hoạch tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện cụ thể, khoa học phù hợp với bản thân và yêu cầu nghề nghiệp.

Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên, giúp các em hình dung rõ viễn cảnh tốt đẹp về tương lai nghề nghiệp của mình. Mỗi cá nhân chỉ tích cực tự tu dưỡng, rèn luyện khi biết mình phải đi tới đâu, trở thành con người như thế nào. Vì vậy ngay từ khi các em còn ngồi trên ghế mái trường sư phạm chúng ta cần giáo dục các em có mục đích, lý tưởng nghề nghiệp rõ ràng, có lòng yêu nghề, mến trẻ, tin vào sự phát triển của nền giáo dục nước nhà, từ đó các em sẽ có động cơ tự tu dưỡng, rèn luyện, hoàn thiện bản thân ngày một tốt hơn.

Giúp sinh viên nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn trước mắt cũng như trong suốt quá trình học tập mà các em có thể gặp phải từ đó phát triển ý chí và nghị lực của bản thân, kiên trì thực hiện mục tiêu của mình, nhất là những sinh viên ở xa gia đình phải ở nội trú, ngoại trú cần có tính tự giác, tự chủ trong sinh hoạt, học tập và vui chơi, phải biết hoà mình vào tập thể, cùng giúp đỡ lẫn nhau để giảm bớt khó khăn.

- Điều kiện thực hiện

Vấn đề tự học tập, tu dưỡng, rèn luyện là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình giáo dục. Là điều kiện để biến quá trình giáo dục thành tự giáo dục. Do

đó vấn đề này cần được sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo nhà trường, sự đôn đốc, giám sát và giúp đỡ của đội ngũ GV, CVHT, tập thể lớp, cán bộ Đoàn, Hội...trong trường.

Cần xây dựng kế hoạch tự tu dưỡng, rèn luyện học tập cụ thể cho sinh viên đăng ký cam kết thực hiện ngay từ đầu năm học.

Có chế tài xử phạt và khen thưởng rõ ràng.

Bản thân SV phải có động cơ tu dưỡng, rèn luyện đạo đức rõ ràng, luôn phấn đấu trở thành một SV tốt, là GVMN ưu tú, mẫu mực trong tương lai.

Bản thân các thầy, cô giáo phải luôn là tấm gương sáng về tinh thần tự học, tự tu dưỡng và hoàn thiện phẩm chất, năng lực cá nhân. Có đạo đức trong sáng, lành mạnh, tôn trọng người học, tác phong sư phạm mẫu mực để SV noi theo.

Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, phương tiện cần thiết để các em hiện thực hóa được những mục tiêu đã đặt ra trong quá trình tu dưỡng và rèn luyện của mình.

3.3. Tổ chức khảo nghiệm tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk

Chúng tôi tiến hành khảo nghiệm 5 biện pháp sau:

Biện pháp 1: Chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2023 theo hướng tích hợp, lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình dạy học.

Biện pháp 2: Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong nhà trường.

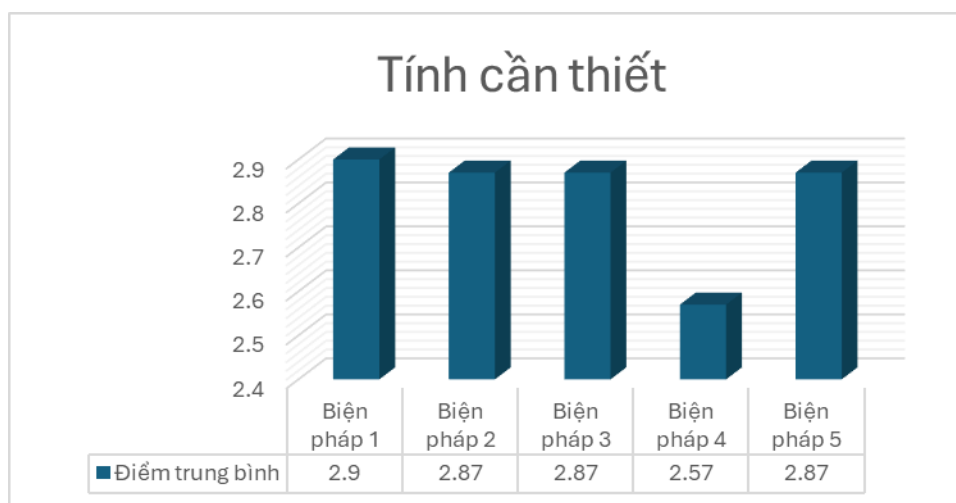
Biện pháp 3: Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của các lực lượng giáo dục trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

Biện pháp 4: Thành lập tổ tư vấn tâm lý cho sinh viên về học tập và định hướng, phát triển nghề trong tương lai.

Biện pháp 5. Nâng cao ý thức tự giác học tập, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

Kết quả khảo nghiệm:

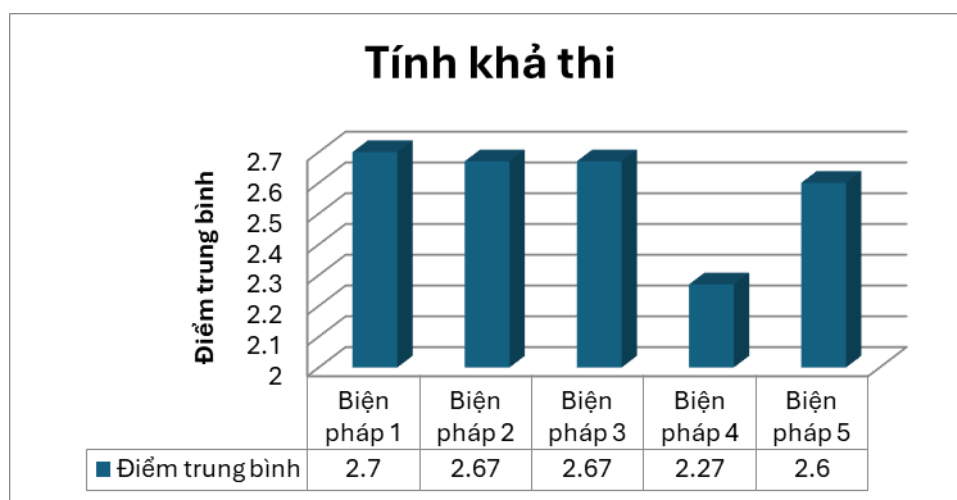
- *Tính cần thiết*



Biểu đồ 3.3. Đánh giá của CBQL, GV về mức độ cần thiết của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN

Qua biểu đồ 3.5 cho thấy tất cả 5 biện pháp được đề xuất đều được CBQL, GV đánh giá có tính cần thiết ở mức độ rất cao. Với $\bar{X} > 2,32$ (mức độ rất cần thiết) cho thấy những biện pháp trên cần được áp dụng vào công tác giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trong giai đoạn hiện nay, nhằm góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho SV. Trong đó biện pháp: *“Chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2023 theo hướng tích hợp, lồng ghép giáo dục ĐĐNN cho SV trong quá trình dạy học”* được đánh giá có tính cần thiết xếp thứ bậc cao nhất, với $\bar{X} = 2.9$, xếp thứ nhất. Tiếp đến là các biện pháp: *“Tiếp tục nâng cao nhận thức cho CBQL, GV và SV về tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV trong nhà trường”*; *“Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của cố vấn học tập, giảng viên giảng dạy các học phần, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp”*; *“Nâng cao ý thức tự giác học tập, tu dưỡng và rèn luyện ĐĐNN cho SV”* $\bar{X} = 2,87$, đồng xếp thứ 2, cuối cùng là biện pháp: *“Thành lập tổ tư vấn tâm lý cho sinh viên về học tập và định hướng, phát triển nghề trong tương lai”* $\bar{X} = 2,57$, xếp thu 5.

- *Tính khả thi:*



Biểu đồ 3.4. Đánh giá của CBQL, GV về mức độ khả thi của các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN

Đối với tính khả thi, trong 5 biện pháp tác giả đề xuất thì có 4 biện pháp được CBQL, GV đánh giá có tính khả thi rất cao, với $\bar{X} > 2.32$ (mức độ 3 - rất khả thi), trong đó các biện pháp lần lượt được xếp thứ bậc như sau. Biện pháp được đánh giá có tính khả thi cao nhất là: *“Chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2023 theo hướng tích hợp, lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình dạy học”* $\bar{X} = 2,70$, xếp thứ nhất; Các biện pháp *“Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của việc giáo dục ĐĐNN cho SV trong nhà trường”*; *“Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của cố vấn học tập, giảng viên giảng dạy các học phần, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp”*; với điểm trung bình $\bar{X} = 2,67$, đồng xếp thứ 2, tiếp sau là biện pháp *“Nâng cao ý thức tự giác học tập, tu dưỡng và rèn luyện ĐĐNN cho SV”* $\bar{X} = 2,6$ xếp thứ 4. Riêng biện pháp *“Thành lập tổ tư vấn tâm lý cho sinh viên về học tập và định hướng, phát triển nghề trong tương lai”* mặc dù được đánh giá rất cần thiết nhưng tính khả thi lại không cao, với $\bar{X} = 2,27$ đạt mức độ 2 (*bình thường*). Lý giải cho điều này nhiều GV cho rằng mặc dù đó là một biện pháp rất tốt, rất cần thiết để nâng cao nhận thức, thái độ hành vi ĐĐNN cho SV một cách kịp thời, sát đối tượng, đáp ứng nhu cầu, đặc điểm tâm lý riêng của từng SV. Mặt khác thông qua công tác tư vấn tâm lý của các chuyên gia sẽ giúp các em kịp thời tháo gỡ những

vướng mắc, khó khăn trong quá trình học tập, sinh hoạt hàng ngày, biết đương đầu với những thách thức trong học tập và cuộc sống từ đó có khả năng cân bằng đời sống tâm lý, tin tưởng vào chính mình, vững vàng với sự lựa chọn nghề nghiệp, có nghị lực vươn lên trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện để trở thành một người SV tốt, một người GVMN ưu tú trong tương lai...Tuy nhiên đây lại là một biện pháp khó hiện thực hóa xuất phát từ nhiều lý do chủ quan và khách quan, đặc biệt là thiếu nguồn tài chính, kinh phí phục vụ cho hoạt động của tổ tư vấn tâm lý, nhà trường đang trong giai đoạn chuẩn bị sáp nhập với Trường Đại học Tây Nguyên nên việc thành lập tổ tư vấn tâm lý là rất khó thực hiện....

Tóm lại, qua kết quả thu được ở trên, chúng tôi có thể khẳng định rằng: Để phát huy những mặt mạnh cũng như khắc phục những tồn tại của công tác giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay, cần phải thực hiện một cách đồng bộ bảy biện pháp trên.

Các biện pháp có mối quan hệ biện chứng với nhau được đề xuất dựa trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn nghiên cứu giáo dục, các thầy cô giáo nên sử dụng phối hợp các biện pháp trong quá trình giáo dục SV, và sử dụng vào những tình huống cụ thể. Tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh phù hợp trong các hoạt động giáo dục, nhằm phát huy tối đa hiệu quả của các biện pháp. Tất cả các biện pháp được tác giả đề xuất đều có những tính năng, tác động có ý nghĩa đặc thù đối với hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN. Như vậy cũng có nghĩa là không có một biện pháp nào là vạn năng. Vì thế, nếu nhà giáo dục vận dụng đồng bộ các biện pháp thì tạo được sức mạnh cộng hưởng, tác động mạnh mẽ đến quá trình thực hiện mục tiêu giáo dục ĐĐNN cho SV. Tuy nhiên, nếu vì điều kiện hoàn cảnh không cho phép mà phải giảm thiểu biện pháp này để dồn sức lực vào thực hiện biện pháp kia phù hợp hơn trong không gian, thời gian cụ thể thì đó là một phương án cần thiết của các nhà giáo dục có “tâm”, “tầm”, “tài” sát với đặc trưng của chuyên ngành đào tạo và phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Tiểu kết chương 3

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và phân tích thực trạng về hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk chúng tôi thấy rằng: Công tác giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN đã được Nhà trường quan tâm chỉ đạo và đạt được kết quả đáng ghi nhận, song vẫn còn những hạn chế nhất định như: Mục tiêu đào tạo còn nặng về trang bị kiến thức, chưa quan tâm đúng mức đến mục tiêu giáo dục thái độ và hành vi, thói quen ĐĐNN, Các nội dung giáo dục triển khai chưa đồng bộ, các lực lượng giáo dục chưa có sự phối kết hợp nhịp nhàng, một số biện pháp giáo dục ĐĐNN đã được nhà trường triển khai nhưng hiệu quả chưa cao... Để giải quyết được những hạn chế, yếu kém trong vấn đề này, chúng tôi đã đề xuất 05 biện pháp nhằm nâng cao nhận thức đội ngũ CBQL, GV và SV về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ĐĐNN đồng thời nâng cao năng lực tự tu dưỡng, rèn luyện ĐĐNN của SV; Tăng cường khả năng phối hợp giữa LLGD trong việc giáo dục ĐĐNN cho SV trong thời gian tới, trên cơ sở đó tạo sự chuyên biệt tích cực trong công tác giáo dục ĐĐNN cho SV trong nhà trường. Các biện pháp được đề xuất có mối quan hệ qua lại, hỗ trợ, bổ sung cho nhau tạo nên tính đa dạng và khả năng thích ứng tốt. Cả 05 biện pháp đều đã được khảo nghiệm là có tính cấp thiết và tính khả thi cao. Việc vận dụng 05 biện pháp trên một cách khoa học, hợp lý sẽ có tác dụng nâng cao kết quả quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN trong thời gian tới.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu lí luận và thực tiễn của việc giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắk Lắk, đặc biệt qua kết quả khảo nghiệm sư phạm, chúng tôi có thể rút ra một số kết luận sau:

Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là vấn đề được nhiều bậc lãnh đạo, nhiều nhà khoa học bàn luận, nghiên cứu và được rất nhiều tầng lớp trong xã hội quan tâm. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp là một hệ thống các hoạt động, các giải pháp, biện pháp tác động vào nhận thức, thái độ, hành vi của người học nhằm hình thành những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cần thiết, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và phù hợp với yêu cầu xã hội.

Giáo dục đạo đức nói chung và ĐĐNN nói riêng là một nhiệm vụ rất quan trọng của các trường sư phạm. Trường CĐSP Đắk Lắk có sứ mệnh đào tạo GVMN cho tỉnh Đắk Lắk và cả nước. Do đó, trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm đào tạo đội ngũ GVMN có năng lực và phẩm chất đạo đức tốt, đặc biệt là đạo đức nghề GVMN. Nhà trường luôn xem giáo dục ĐĐNN cho SV là một trong những mục tiêu then chốt và được xác định rõ trong chương trình đào tạo của trường. Mặc dù vậy, công tác giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập như: Mục tiêu, nội dung giáo dục ĐĐNN còn nặng về trang bị kiến thức, chưa quan tâm đúng mức đến giáo dục thái độ và hành vi, thói quen ĐĐNN cho SV; các biện pháp, hình thức tổ chức giáo dục triển khai thiếu đồng bộ; chưa huy động được tất cả các LLGD cùng tham gia tích cực vào quá trình giáo dục; ...

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả của quá trình giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN, trong đó yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất bắt nguồn từ chính nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc của SV về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ĐĐNN và thái độ thiếu tích cực trong việc rèn luyện cá nhân và phát triển tập thể. Cùng với đó, những nguyên nhân bắt nguồn từ chính chủ thể giáo dục cũng ảnh hưởng lớn đến chất lượng giáo dục ĐĐNN

cho SV trong trường. Vì vậy việc tổ chức, quản lý, tìm ra những biện pháp tối ưu nhất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho SV trong thời gian tới là vô cùng cấp thiết và quan trọng đối với nhà trường.

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu lý luận và thực trạng, tác giả đã mạnh dạn đề xuất bảy biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN như sau:

Biện pháp 1: Chính sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2023 theo hướng tích hợp, lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình dạy học.

Biện pháp 2: Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong nhà trường.

Biện pháp 3: Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của cố vấn học tập, giảng viên giảng dạy các học phần, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Biện pháp 4: Thành lập tổ tư vấn tâm lý cho sinh viên về học tập và định hướng, phát triển nghề trong tương lai.

Biện pháp 5: Nâng cao ý thức tự giác học tập, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.

Cả 05 biện pháp đều đã được khảo nghiệm là có tính cấp thiết và tính khả thi cao, nếu được đưa vào ứng dụng một cách hợp lý sẽ tạo nên một bước tiến mới trong việc nâng cao chất lượng giáo dục ĐĐNN cho SV của trường trong thời gian tới.

2. Kiến nghị

Để các biện pháp giáo dục ĐĐNN cho SV ngành GDMN Trường CĐSP Đắc Lắc được thực hiện với hiệu quả thiết thực, chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị cụ thể như sau:

2.1. Đối với Lãnh đạo trường

- Quán triệt nhiệm vụ giáo dục ĐĐNN trong mọi hoạt động của nhà trường.
- Ngay từ khi SV mới bước chân vào học tập tại trường, nhà trường cần cung

cấp cho SV những thông tin chính xác, đầy đủ về mục tiêu đào tạo của trường, mục tiêu đào tạo của ngành và triển vọng công việc khi SV ra trường để các em nhận thức tốt hơn về ngành nghề mình đang học, đó cũng chính là cơ sở để các em tin tưởng vào nghề, gắn bó với nghề, từ đó yên tâm học tập và rèn luyện phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp.

- Lãnh đạo trường cần tổ chức các hoạt động nhằm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên thực sự mô phạm về năng lực, tác phong và nhân cách đạo đức nhà giáo.

- Chỉ đạo phòng Đào tạo – Bồi dưỡng, khoa Giáo dục Mầm non tổ chức các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên với nội dung phong phú và hình thức đa dạng, tạo điều kiện để SV được rèn luyện kỹ năng hoạt động giáo dục và giảng dạy.

- Tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất, về thời gian, nhân lực cho việc tổ chức các hoạt động rèn luyện ĐĐNN cho SV.

2.2. Đối với phòng Đào tạo - Bồi dưỡng

Tham mưu nhà trường ban hành quy định về việc tiếp tục rà soát và chỉnh sửa hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2023 theo hướng tích hợp, lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình dạy học.

2.3. Đối với giảng viên

- Các giảng viên phải luôn nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động giáo dục ĐĐNN cho SV từ đó luôn tích hợp nội dung giáo dục ĐĐNN vào trong hoạt động giảng dạy, xem đó là một mục tiêu quan trọng trong công tác giảng dạy của mình. Từ đó tích cực tìm tòi, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học để giúp các em hiểu rõ ràng và chính xác về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của nghề, các yêu cầu của nghề... Qua đó, giúp các em tin tưởng vào sự phát triển của nghề và mong muốn được gắn bó với nghề mình đã chọn.

- Bản thân mỗi thầy, cô giáo phải luôn là những tấm gương sáng trong biểu hiện đạo đức nghề nghiệp để SV noi theo.

2.4. Đối với SV

- Có định hướng và động cơ nghề nghiệp rõ ràng, xác định mục tiêu, kế hoạch học tập, rèn luyện ĐĐNN cụ thể, kiên định phấn đấu để hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Cần chủ động, tự giác hơn trong học tập, rèn luyện. Ngoài việc bồi dưỡng kiến thức chuyên môn sâu sắc, cần tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hoạt động ngoại khóa, các hoạt động văn hóa, chính trị, xã hội... nhằm trau dồi năng lực, phẩm chất đạo đức nói chung và đạo đức nghề GVMN nói riêng.

2.5 Đối với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên

Đây là những tổ chức thu hút đông đảo SV tham gia nên có vai trò rất quan trọng trong công tác giáo dục đạo đức và ĐĐNN cho SV. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc giáo dục ĐĐNN cho SV. Cần tổ chức các hoạt động bổ ích, gần gũi phù hợp với lứa tuổi SV để giáo dục cho các em trước hết có lối sống lành mạnh, tâm hồn trong sáng, sống có mục tiêu, có lí tưởng phấn đấu. Tổ chức các hoạt động đoàn thể gắn liền với các hoạt động nghề nghiệp nhằm thu hút sự tham gia tích cực của đông đảo SV. Luôn động viên, khuyến khích SV tích cực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và các công tác xã hội khác. Qua các hoạt động của Đoàn thể là cơ hội tốt để các em SV được thể nghiệm những hành vi, thói quen ĐĐNN của chính mình, hình thành kĩ năng giao lưu, học hỏi, kĩ năng hợp tác, kĩ năng giao tiếp... đó cũng là những nền tảng cần thiết để hoàn thiện những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của bản thân.

2.6. Đối với Cố vấn học tập

- Cố vấn học tập có vai trò liên kết các lực lượng giáo dục trong nhà trường nhằm tạo ra sự tác động đồng bộ, thống nhất trong các tác động giáo dục ĐĐNN cho SV.

- Thường xuyên gần gũi, nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng của SV từ đó kịp thời có sự động viên, khích lệ các em tích cực học tập, tu dưỡng và rèn luyện năng lực và phẩm chất đạo đức nhà giáo.

- Luôn là tấm gương sáng về ĐĐNN để các em noi theo.

- Cố vấn cho Ban cán sự lớp thường xuyên theo dõi, giám sát các biểu hiện về thái độ, hành vi, thói quen ĐĐNN của các thành viên trong tập thể. Tổ chức, điều khiển công tác đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức nói chung và ĐĐNN cho SV nói riêng một cách khách quan, công bằng, chính xác, đánh giá đúng người, đúng việc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. Nguyễn Hoàng Anh (2011), *Một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ số 2, tr43.
2. Trần Ngọc Ánh (2009), *Về quan điểm “đức là gốc” trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh*, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.
3. Nguyễn Thị Mai Anh (2010), *Hoàn thiện các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học sư phạm Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ Khoa học giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Bảo - Chủ biên (2007), *Lý luận dạy học ở trường THCS*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Lương Gia Ban- Nguyễn Thế Kiệt (2013), *Giáo trình giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia -sự thật Hà Nội.
6. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Xác định hệ thống các tiêu chí về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên Việt Nam hiện nay*. Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quy định về đạo đức nhà giáo* - Ban hành theo quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non* - Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập*, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*, Hà Nội

13. Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk (2023). *Báo cáo Tổng kết năm học 2023-2024 và Phương hướng, nhiệm vụ năm học 2024 – 2025*, Số 340/ BC - TrCĐSPĐL.

14. Trường CĐSP Đắk Lắk (2023), *Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng - Ngành Giáo dục Mầm non*, Ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ - CĐSPĐL, NGÀY 14/09/2023 của Hiệu trưởng trường CĐSP Đắk Lắk

15. Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk (2024), *Báo cáo Tổng kết Thực tập sư phạm 1, thực tập sư phạm 2 năm học 2023 - 2024*, Số 183/ BC - CĐSPĐL.

16. Hoàng Thị Cảnh (2010), *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường cao đẳng sư phạm kiên giang*, Luận văn thạc sỹ, Hà nội.

17. Doãn Chính (2013) “*Khổng Tử - Người sáng lập nho giáo*”, Tạp chí Triết học, số 2, năm 2013.

18. Nguyễn Đình Chính (1999), *Kiến tập và thực tập sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

19. Phạm Khắc Chương (1992), *J.A. Cômexki - Nhà giáo dục vĩ đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

20. Phạm Khắc Chương (1997), *J.A. Cômexki - ông tổ của nền sư phạm cận đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

21. Phạm Khắc Chương - Thiều Thị Hường (1997), *Giáo dục đạo đức cho thanh niên sinh viên trong nhà trường Đại học hiện nay*, thực trạng và một số giải pháp, Tạp chí Thông báo khoa học, số 3, 1997, ĐHSP-ĐHQG Hà Nội.

22. Phạm Khắc Chương - Hà Nhật Thăng (1998), *Đạo đức là nội dung quan trọng trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học khoa Tâm lý giáo dục.

23. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng (1998), *Đạo đức học*, NXB Giáo dục.

24. Phạm Khắc Chương (2003), *Rèn luyện đạo đức và ý thức công dân*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

25. Hà Thị Thùy Dương (2015), *"Từ lời dạy của Bác đến chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của người giảng viên"*, Tạp chí Khoa học và giáo dục, (10), tr.5-9.

26. Phạm Văn Đồng (1974), *Công tác giáo dục người thầy giáo xã hội chủ nghĩa*, NXB Sự thật, Hà Nội.
27. Ngô Đình Giao (1997), *Môi trường kinh doanh và đạo đức kinh doanh*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
28. Nguyễn Thị Thu Hà (2006), "*Những giải pháp chủ yếu để nâng cao đạo đức nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh*", Tạp chí Giáo dục, (số đặc biệt), tr.123-125.
29. Trịnh Hồng Hà (2004), "*Chất lượng đào tạo giáo viên - Một yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng giáo dục*", Tạp chí Phát triển giáo dục, (10), tr.9-12.
30. Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
31. Nguyễn Kế Hào, Nguyễn Quang Uẩn (2009), *Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
32. Nguyễn Thị Hòa (2009), *Giáo trình Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
33. Nguyễn Hoàng Hải (2012), *Giáo dục giá trị nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học thông qua hoạt động thực tập sư phạm*, Luận án tiến sĩ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
34. Hồ Lam Hồng (2011), *Nghề giáo viên mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
35. Bùi Phúc Hòa (2018), *Hứng thú nghề nghiệp của học viên trường trung cấp công nghệ kỹ thuật phước lộc*, Luận văn thạc sĩ, Thành phố Hồ Chí Minh
36. Lê Văn Hồng (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục.
37. Hồ Lam Hồng (2008), *Nghề giáo viên mầm non*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
38. Lê Văn Hồng – Lê Ngọc Lan (2000), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục.
39. Lý Thanh Hiền (2017) "*Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành nông nghiệp trong giai đoạn hiện nay*", Tạp chí Khoa học Giáo dục số 141, 6/2017.

40. Lý Thanh Hiền (2019). *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành nông nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học*, Luận án tiến sĩ. Hà Nội 2019.
41. Phạm Minh Hùng (1995), *Giáo dục tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học khoa Tâm lý - Giáo dục.
42. Bùi thị Tuyết Mai (2017). *Một số biện pháp giúp dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên cao đẳng sư phạm trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí giáo dục, (3/3016).
43. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6 NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
44. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 12 NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
45. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 14 NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
46. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 15 NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
47. Hồ Chí Minh (1977), *Về vấn đề giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
48. Hoàng Đức Minh - Nguyễn Thị Mỹ Trinh (2017). *Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cán bộ quản lý và giáo viên mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.
49. Chu Thị Mỹ Nga (2014). *Biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm mầm non trường Đại học Tân Trào*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
50. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1988), *Giáo dục học tập 2*, NXBGD, Hà Nội.
51. Trần Thị Tuyết Oanh (2014), *Giáo trình giáo dục học (tập 2)*, NXB. Đại học sư phạm Hà Nội.
52. Hoàng Phê (2011), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
53. Nguyễn Văn Phúc (2000), *"Vấn đề xây dựng đạo đức nghề nghiệp trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay"*, Tạp chí Triết học, (7/125), tr.8
54. Nguyễn Thị Sen (2019), *Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên*, Tạp chí Giáo dục, Số 464 (Kì 2 - 10/2019), tr 39-43.
55. Phạm Trung Thanh, Nguyễn Thị Lý (2004), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, NXB ĐHSPT.

56. Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ (Đồng chủ biên) (2008), *Đạo đức học Mác - Lênin và giáo dục đạo đức*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Nguyễn Thạc (2005), *Đặc điểm cấu trúc tâm lí hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non hiện nay*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, Hà Nội.
58. Lương Duy Thiện. (2013). *Chọn nghề cho tương lai*. NXB Dân Trí.
59. Nguyễn Thị Thủy (2019). *Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên mầm non ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội 1019.
60. Hà Nhật Thăng (1998), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức và nhân văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
61. Hà Nhật Thăng và Đào Thanh Âm (1998), *Lịch sử giáo dục thế giới*, NXB Giáo dục.
62. Hà Nhật Thăng (2007), *Giáo trình đạo đức và giáo dục đạo đức*, NXB. Đại học sư phạm Hà Nội.
63. Nguyễn Anh Tuấn (2004), *Nghiên cứu và xây dựng khái niệm đạo đức nghề nghiệp của nghề dạy học*, Thông tin khoa học trường Đại học Hùng Vương, số 02.
64. Nguyễn Anh Tuấn (2008), *Những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
65. Hoàng Anh Tuấn (2013), *Đạo đức và đạo đức cách mạng nhìn nhận từ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Trang tin điện tử ban quản lý lăng chủ tịch Hồ Chí Minh.
66. Thái Duy Tuyên (1998), *Những vấn đề cơ bản của giáo dục học hiện đại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
67. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), Nguyễn Thị Như Mai và Đinh Thị Kim Thoa (2013), *Tâm lý học trẻ em - lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
68. Nguyễn Văn Ty (2017), "Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo trong tình hình hiện nay", Tạp chí Cộng sản, (12), tr.7-9
69. Nguyễn Khắc Viện (1998), *Bàn về đạo Nho*, Nhà xuất bản trẻ, Hà Nội.

70. Phạm Việt Vượng (2005), Lí luận giáo dục, NXB ĐHSP

B. Tiếng Anh

71. Australian Association of Social Workers – AASW (2010), Code of ethic, Grdon Cook Foundation, p15-16.

72. Bassey Ubong (2011), National philosophies of education and impact on national development, Proceedings of the 1st International Technology, Education and Environment Conference (c) African Society for Scientific Research (ASSR).Fleddermann, C.B, “Engineering Ethics,” Pearson Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ, 2004.

73. Daryl Koel, The ground of Profesional ethics, Chicago, America.

74. Daniel E. Wueste (1998), Professional ethics and social responsibility, Rowman and Littlefield publishers, Inc

75. Elliot D. Cohen, Micheal David (1994), Crisis in profesional ethics, America.

76. Fred N. Kerlinger (1951), The Modern Origin of Morals Instruction in Japanese Education, History of Education Journal Vol. 2, No. 4 (Summer, 1951), P119-120.

77. J. Peter Clark and Chritopher Ritson (2011), Practical ethics for food profession: ethics in research, education and the workplace.

78. Stanislas J. Dundon (2000), Professional ethics in the classroom, San Luis Obispo, Public of Autralia.

79. Williamson and Bob (1996), Medical ethics, teaching and the new genetics, Journal of Medical ethics, P22.

80. Fred N. Kerlinger (1951), The Modern Origin of Morals Instruction in Japanese Education, History of Education Journal Vol. 2, No. 4 (Summer, 1951).

81. Fu, 2014), The Impact of Emotional Intelligence, Organizational Commitment, and Job Satisfaction on Ethical Behavior of Chinese Employees, Journal of Business Ethics, vol. 122, no.1.

82. Fudano, J. (2004), Engineering Ethics Education: It's Necessity, Objectives, Methods, and Challenges, Journal of Japanese Scientists (432), January 2004.

83. Jamal, K & Bowie, N E (1995), 'Theoretical considerations of a meaning code of professional ethics', Journal of Business Ethics, vol. 14.

84. Klomov E.A(1995), Picture the world through different occupations, Matxcoowva, Vladdox-Press.

Các trang web

86. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/luat-giao-duc-2019-so-43-2019-qh14-175003-d1.html>

87. <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-thong-tu-08-2023-tt-bgddt-sua-doi-quy-dinh-bo-nhiem-xep-luong-giao-vien-pho-thong-119230416104910129.htm>

88. <https://tinhdokhanhhoa.org.vn/20907/>

89. https://baobacninh.com.vn/1?p_p_id=101&p_p_lifecycle=0&p_p_state=maximized&p

Phụ lục 1

PHIẾU ĐIỀU TRA THĂM DÒ

(Dành cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non)

Nội dung:

1. Vì sao bạn chọn ngành Giáo dục Mầm non?
2. Theo bạn, nghề Giáo viên Mầm non cần có những phẩm chất Đạo đức nghề nghiệp nào? Vì sao?
3. Tại sao phải giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non?
4. Bạn đã làm gì để rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho bản thân?
5. Theo bạn việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hiện nay của trường ta đã đảm bảo tính khách quan, công bằng, dân chủ và chính xác hay chưa? Vì sao?
6. Theo bạn lực lượng giáo dục nào có chức năng, nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên? Vì sao?
7. Trong quá trình học tập các học phần trên lớp, giảng viên đã lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên như thế nào?
8. Theo bạn, tổ chức Đoàn TNCSHCM, Hội sinh viên đã tiến hành giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua việc tổ chức các hoạt động đoàn thể như thế nào?
9. Theo bạn, việc tổ chức các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm của trường ta hiện nay được triển khai như thế nào?
10. Bạn đánh giá như thế nào về công tác đánh giá kết quả thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm đối với sinh viên của trường ta hiện nay?

Xin chân thành cảm ơn !

Phụ lục 2

PHIẾU PHÒNG VẤN

(Dành cho cán bộ quản lý, giảng viên)

Họ và tên người được phỏng vấn:.....

Nội dung phỏng vấn:

1. Theo Thầy/ Cô, nghề Giáo viên Mầm non cần có những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp nào? Vì sao?
2. Tại sao phải giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non?
3. Thầy/ Cô đã làm gì để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên?
4. Theo Thầy/ Cô, việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hiện nay của trường ta đã đảm bảo tính khách quan, công bằng, dân chủ và chính xác hay chưa? Vì sao?
5. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về mức độ tác động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên của các lực lượng giáo dục trong trường hiện nay?
6. Theo thầy/ Cô, các giảng viên trong quá trình giảng dạy các học phần trên lớp đã quan tâm lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên như thế nào?
7. Theo thầy/ Cô, tổ chức Đoàn TNCSHCM, Hội sinh viên đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên hay chưa? Vì sao?
8. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về công tác tổ chức các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm của trường ta hiện nay?
9. Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về công tác đánh giá kết quả thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm đối với sinh viên của trường ta hiện nay?

Xin chân thành cảm ơn !

Phụ lục 3

PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho sinh viên)

Để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk, xin bạn vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu X vào ô bên phải những câu trả lời phù hợp với mình.

Xin cảm ơn ý kiến đóng góp chân thành của các bạn!

Câu 1: Bạn đánh giá thế nào về vai trò của đạo đức nghề nghiệp đối với người giáo viên mầm non?

Rất quan trọng Quan trọng Ít quan trọng Không quan trọng

Câu 2: Bạn đánh giá thế nào về mức độ quan trọng của các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, đặc thù của người giáo viên mầm non? (RQT: rất quan trọng, QT: quan trọng, BT: bình thường, KQT: không quan trọng).

Stt	Phẩm chất đạo đức	Mức độ cần thiết			
		RQT	QT	IQT	KQT
1	Có lý tưởng nghề nghiệp, tâm huyết với nghề, gắn bó nghề.				
2	Yêu mến trẻ, tôn trọng nhân cách học sinh.				
3	Tận tụy với công việc chăm sóc và giáo dục trẻ.				
4	Không thiên vị, khách quan, công bằng trong đối xử với trẻ				
5	Kiên nhẫn, biết kiểm soát cảm xúc.				
6	Có trách nhiệm cao trong chăm sóc, giáo dục trẻ.				
7	Bao dung, độ lượng, vị tha, cao thượng, không trù dập trẻ.				
8	Sống gương mẫu, lành mạnh, giản dị, hòa đồng với mọi người				
9	Có niềm tin ở trẻ, quan tâm tới sự tiến bộ của trẻ.				
10	Có niềm tin sư phạm.				
11	Bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ.				
12	Thể hiện tình cảm và thấu hiểu trong giáo dục trẻ.				
13	Đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp.				
14	Thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích.				
Kể thêm những phẩm chất mà bạn cho là cần phải có ở người giáo viên mầm non					
15					
16					

Câu 3: Bạn đánh giá thế nào về mức độ quan trọng của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường CĐSP Đắk Lắk?

Rất quan trọng Quan trọng Ít quan trọng Không quan trọng

Câu 4: Đánh giá của bạn về hiệu quả thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường CĐSP Đắk Lắk ở mức độ nào?

Stt	Mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Hiệu quả			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Cung cấp kiến thức nâng cao nhận thức về nghề nghiệp.				
2	Giáo dục thái độ, tình cảm đạo đức nghề nghiệp				
3	Rèn luyện hành vi, thói quen đạo đức nghề nghiệp				

Câu 5: Cho biết ý kiến của bạn về mức độ thực hiện những nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên của cán bộ, giảng viên Nhà trường?

TT	Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Mức độ			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Giáo dục lý tưởng nghề nghiệp				
2	Giáo dục lòng yêu nghề.				
3	Giáo dục lòng yêu trẻ.				
4	Giáo dục tinh thần trách nhiệm với nghề.				
5	Giáo dục tác phong mô phạm, mẫu mực.				
6	Giáo dục lòng tự trọng, giữ gìn uy tín, danh dự của bản thân, nghề nghiệp.				
7	Giáo dục ý thức tự giác rèn luyện các phẩm chất cần thiết của nghề.				
8	Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn.				
9	Giáo dục lòng vị tha, nhân ái, bao dung, độ lượng, nhân nại...				
10	Giáo dục kỹ năng giao tiếp, ứng xử su phạm				
11	Giáo dục tinh thần dũng cảm, ý chí vượt khó.				
12	Giáo dục lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn, tích cực.				
13	Giáo dục tinh thần tập thể, phối hợp với các lực lượng giáo dục.				

Câu 6: Theo bạn, nhà trường đã tiến hành giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non thông qua các hoạt động sau đây ở mức độ nào?

STT	Các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Mức độ thực hiện			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Thông qua dạy và học các môn học/học phần ở trên lớp				
2	Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên.				
3	Thông qua các hoạt động ngoại khóa chuyên ngành.				
4	Thông qua việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về nghề cho sinh viên				
5	Thông qua các hoạt động thực tế, tham quan học tập tại cơ sở giáo dục mầm non				
6	Thông qua hoạt động thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm.				
7	Thông qua việc tổ chức tập thể các lớp tọa đàm về ngày 20/11				
8	Thông qua việc thực hiện nội quy, quy định, nề nếp của nhà trường, lớp học				
9	Thông qua việc tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội...				
10	Thông qua các buổi tư vấn, tham vấn tâm lý về nghề				
11	Thông qua việc khuyến khích sinh viên tự tu dưỡng, rèn luyện, tự giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.				

Câu 7: Cho biết đánh giá của bạn về mức độ tác động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non của các lực lượng giáo dục trong nhà trường. (RTX: rất thường xuyên, TX: thường xuyên, TT: thỉnh thoảng, KBG: Không bao giờ)

STT	Lực lượng giáo dục	Mức độ tác động			
		RTX	TX	TT	KBG
1	Ban giám hiệu trường				
2	Đảng bộ trường				
3	Cán bộ quản lý khóa Giáo dục Mầm non				
4	Cán bộ quản lý các phòng chức năng				
5	Giảng viên dạy môn KH Mác-Lênin				

6	Giảng viên dạy môn tâm lý – giáo dục				
7	Giảng viên dạy các môn khác				
8	Cố vấn học tập				
9	Tổ chức Đoàn TN, hội SV				
10	Tập thể lớp, chi đoàn				
11	Cá nhân sinh viên				
12	Tổ chức công đoàn				
13	Hội khuyến học				

Câu 8: Theo bạn, những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp nào đã được trường thực hiện? Cho biết đánh giá của bạn về hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp đó?

STT	Các biện pháp	Đã thực hiện	Hiệu quả			
			Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong việc dạy và học các môn học/học phần ở trên lớp.					
2	Tổ chức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh					
3	Tổ chức diễn đàn sinh viên với chuyên đề đạo đức lối sống					
4	Tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm định kỳ					
5	Tổ chức câu lạc bộ chuyên môn					
6	Thực hiện nội quy, quy định, nề nếp của nhà trường, lớp học					
7	Thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin					
8	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đạo đức nhà giáo					
9	Tổ chức các đợt thực tập sư phạm nghiêm túc					
10	Tổ chức tham quan, học tập thực tế các cơ sở giáo dục mầm non.					
11	Tổ chức tư vấn, tham vấn nghề nghiệp cho sinh viên					
12	Tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể					

	dục thể thao, hoạt động xã hội.....					
	Các biện pháp khác (nếu có)					

Câu 9: Bạn đã thực hiện những yêu cầu cơ bản trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp ở mức độ nào?

STT	Nội dung rèn luyện	Mức độ thực hiện			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Thực hiện nghiêm túc giờ học trên lớp				
2	Tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm				
3	Độc lập, chủ động, sáng tạo trong công việc				
4	Tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nhà giáo, yêu nghề, mến trẻ				
5	Tinh thần vượt khó trong học tập, cuộc sống				
6	Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp				
7	Chấp hành quy chế đào tạo				
8	Chấp hành quy chế thi, kiểm tra				
9	Chấp hành quy định của nhà trường				
10	Chấp hành quy định về ở nội trú, ngoại trú				
11	Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội				
12	Tham gia các cuộc vận động				
13	Tham gia các hoạt động đoàn thể (Đoàn, Hội sinh viên)				
14	Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, sinh hoạt tập thể				
15	Chấp hành an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội				
16	Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước				
17	Tham gia các công tác xã hội và giữ gìn an ninh trật tự				
18	Tinh thần đoàn kết, xây dựng nhà trường thân thiện				
19	Có ý thức trong quan hệ giao tiếp với cộng đồng				

Câu 10: Theo bạn, những nguyên nhân nào dưới đây đã hạn chế hiệu quả của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ?

STT	Các yếu tố (Các nguyên nhân)	Lựa chọn
1	Do cán bộ quản lý, giảng viên nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của	

	hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV	
2	Công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên chưa cụ thể và kịp thời.	
3	Sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về các yêu cầu đạo đức nghề nghiệp, chưa tự giác, tích cực trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	
4	Một bộ phận thầy, cô chưa là tấm gương tốt cho sinh viên noi theo.	
5	Cố vấn học tập chưa phát huy hết vai trò và trách nhiệm	
6	Sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục	
7	Giảng viên giảng dạy các bộ môn chưa thực sự quan tâm đúng mức đến nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình giảng dạy trên lớp	
8	Các tổ chức đoàn thể chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên	
9	Cơ sở vật chất và các phương tiện phục vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên chưa đáp ứng	
10	Chưa xây dựng được ý thức tự giáo dục, tập thể sinh viên tự quản	
11	Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên còn mang tính hình thức, chưa khách quan.	
12	Tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường	
13	Môi trường văn hoá sư phạm còn nhiều bất cập	
14	Công tác khen thưởng, kỉ luật chưa kịp thời, công khai, minh bạch	

□

Cuối cùng xin bạn cho biết đôi điều về bản thân:

- Lớp:....., Khóa:....., Điểm học tập HK1:....., Điểm rèn luyện HK1:.....

Phụ lục 4

PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho GV, CBQL)

Nhằm tìm hiểu một số biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Thầy (cô) vui lòng giúp đỡ bằng cách đánh dấu X vào ô bên phải những câu trả lời phù hợp với mình.

Xin chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của Thầy (Cô)!

Câu 1: Thầy (cô) đánh giá thế nào về vai trò của đạo đức nghề nghiệp đối với người giáo viên mầm non?

Rất quan trọng Quan trọng Ít quan trọng Không quan trọng

Câu 2: Thầy (cô) đánh giá thế nào về mức độ quan trọng của các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết, đặc thù của người giáo viên mầm non? (RQT: rất quan trọng, QT: quan trọng, BT: bình thường, KQT: không quan trọng)

Stt	Phẩm chất đạo đức	Mức độ cần thiết			
		RQT	QT	IQ T	KQT
1	Có lý tưởng nghề nghiệp, tâm huyết với nghề, gắn bó nghề.				
2	Yêu mến trẻ, tôn trọng nhân cách học sinh.				
3	Tận tụy với công việc chăm sóc và giáo dục trẻ.				
4	Không thiên vị, luôn khách quan, công bằng trong đối xử với trẻ				
5	Kiên nhẫn, biết kiểm soát cảm xúc.				
6	Có trách nhiệm cao trong chăm sóc, giáo dục trẻ.				
7	Bao dung, độ lượng, vị tha, cao thượng, không trù dập trẻ.				
8	Sống gương mẫu, lành mạnh, giản dị, hòa đồng với mọi người.				
9	Có niềm tin ở trẻ, quan tâm tới sự tiến bộ của trẻ.				
10	Có niềm tin sư phạm.				
11	Bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ.				
12	Thể hiện tình cảm và thấu hiểu trong giáo dục trẻ.				
13	Đoàn kết, tương trợ, hỗ trợ, giúp đỡ đồng nghiệp.				
14	Thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích.				
Kể thêm những phẩm chất mà bạn cho là cần phải có ở người giáo viên mầm non					
15					
16					

Câu 3: Thầy (cô) đánh giá thế nào về mức độ quan trọng của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non?

Rất quan trọng Quan trọng Ít quan trọng Không quan trọng

Câu 4: Theo Thầy (cô), hiệu quả thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ở mức độ nào?

Stt	Mục tiêu giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Hiệu quả			
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Cung cấp kiến thức, nâng cao nhận thức về nghề nghiệp.				
2	Giáo dục thái độ, tình cảm đạo đức nghề nghiệp.				
3	Rèn luyện hành vi, thói quen đạo đức nghề nghiệp.				

Câu 5: Thầy (cô) cho biết Nhà trường đã thực hiện các nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên như thế nào?

TT	Nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Mức độ			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Giáo dục lý tưởng nghề nghiệp				
2	Giáo dục lòng yêu nghề.				
3	Giáo dục lòng yêu trẻ.				
4	Giáo dục tinh thần trách nhiệm với nghề.				
5	Giáo dục tác phong mô phạm, mẫu mực.				
6	Giáo dục lòng tự trọng, giữ gìn uy tín, danh dự của bản thân, nghề nghiệp.				
7	Giáo dục ý thức tự giác rèn luyện các phẩm chất cần thiết của nghề.				
8	Giáo dục tính trung thực, thẳng thắn.				
9	Giáo dục lòng vị tha, nhân ái, bao dung, độ lượng, nhẫn nại...				
10	Giáo dục kỹ năng giao tiếp, ứng xử sư phạm.				
11	Giáo dục tinh thần dũng cảm, ý chí vượt khó.				
12	Giáo dục lối sống lành mạnh, giản dị, khiêm tốn, tích cực.				
13	Giáo dục tinh thần tập thể, phối hợp với các lực lượng giáo dục.				

Câu 6: Theo Thầy (cô), Nhà trường đã tiến hành giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên thông qua các hoạt động sau đây như thế nào?

STT	Các hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp	Mức độ thực hiện			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Thông qua dạy và học các môn học/học phần ở trên lớp				
2	Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên.				
3	Thông qua các hoạt động ngoại khóa chuyên ngành.				
4	Thông qua việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về nghề cho sinh viên.				
5	Thông qua các hoạt động thực tế, tham quan học tập tại cơ sở giáo dục mầm non.				
6	Thông qua hoạt động thực hành, thực tập, kiến tập sư phạm.				
7	Thông qua việc tổ chức tập thể các lớp tọa đàm về ngày 20/11.				
8	Thông qua việc thực hiện nội quy, quy định, nề nếp của nhà trường, lớp học				
9	Thông qua việc tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội...				
10	Thông qua các buổi tư vấn, tham vấn tâm lý về nghề				
11	Thông qua việc khuyến khích sinh viên tự tu dưỡng, rèn luyện, tự giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.				
12	Các hoạt động khác (nếu có)				

Câu 7: Đánh giá của Thầy (cô) về mức độ tác động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên của các lực lượng giáo dục trong nhà trường.

STT	Lực lượng giáo dục	Mức độ ảnh hưởng			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Ban giám hiệu trường				
2	Đảng bộ trường				
3	Cán bộ quản lý khoa Giáo dục Mầm non				
4	Cán bộ quản lý các phòng chức năng				
5	Giảng viên dạy môn KH Mác-Lênin				
6	Giảng viên dạy môn tâm lý – giáo dục				
7	Giảng viên dạy các môn khác				
8	Cố vấn học tập				

9	Tổ chức Đoàn TN, hội SV				
10	Tập thể lớp, chi đoàn				
11	Cá nhân sinh viên				
12	Tổ chức công đoàn				
13	Hội khuyến học				

Câu 8: Theo Thầy (cô), những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp nào đã được Nhà trường thực hiện? Cho biết đánh giá của thầy (cô) về hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp đó.

TT	Các biện pháp	Đã thực hiện	Hiệu quả			
			Rất tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tích hợp giáo dục đạo đức nghề nghiệp trong việc dạy và học các môn học/học phần ở trên lớp.					
2	Tổ chức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.					
3	Tổ chức diễn đàn sinh viên với chuyên đề đạo đức lối sống.					
4	Tổ chức hội thi nghiệp vụ sư phạm định kỳ.					
5	Tổ chức câu lạc bộ chuyên môn.					
6	Thực hiện nội quy, quy định, nề nếp của nhà trường, lớp học.					
7	Thi Olympic các môn khoa học Mác-Lênin					
8	Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đạo đức nhà giáo.					
9	Tổ chức các đợt thực tập sư phạm nghiêm túc.					
10	Tổ chức tham quan, học tập thực tế các cơ sở giáo dục mầm non.					
11	Tổ chức tư vấn, tham vấn nghề nghiệp cho sinh viên.					
12	Tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội.....					
	Các biện pháp khác (nếu có)					

Câu 9: Thầy (cô) đánh giá như thế nào về quá trình tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trong quá trình học tại trường?

STT	Nội dung rèn luyện	Rất thường xuyên	Mức độ thực hiện		
			Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Thực hiện nghiêm túc giờ học trên lớp.				
2	Tự học, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm.				
3	Độc lập, chủ động, sáng tạo trong công việc.				
4	Tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nhà giáo, yêu nghề, mến trẻ				
5	Tinh thần vượt khó trong học tập, cuộc sống				
6	Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp.				
7	Chấp hành quy chế đào tạo.				
8	Chấp hành quy chế thi, kiểm tra.				
9	Chấp hành quy định của nhà trường.				
10	Chấp hành quy định về ở nội trú, ngoại trú.				
11	Tham gia các hoạt động chính trị - xã hội.				
12	Tham gia các cuộc vận động.				
13	Tham gia các hoạt động đoàn thể (Đoàn, Hội sinh viên).				
14	Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, sinh hoạt tập thể.				
15	Chấp hành an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội.				
16	Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.				
17	Tham gia các công tác xã hội và giữ gìn an ninh trật tự.				
18	Tinh thần đoàn kết, xây dựng nhà trường thân thiện.				
19	Có ý thức trong quan hệ giao tiếp với cộng đồng.				

Câu 10: Theo thầy (cô), những nguyên nhân nào dưới đây đã hạn chế hiệu quả của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ?

STT	Các nguyên nhân	Lựa chọn
1	Do cán bộ quản lý, giảng viên nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV.	

2	Công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên chưa cụ thể và kịp thời.	
3	Sinh viên chưa nhận thức đầy đủ về các yêu cầu đạo đức nghề nghiệp, chưa tự giác, tích cực trong rèn luyện đạo đức nghề nghiệp.	
4	Một bộ phận thầy, cô chưa là tấm gương tốt cho sinh viên noi theo.	
5	Cổ vấn học tập chưa phát huy hết vai trò và trách nhiệm.	
6	Sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục.	
7	Giảng viên giảng dạy các bộ môn chưa thực sự quan tâm đúng mức đến nhiệm vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình giảng dạy trên lớp.	
8	Các tổ chức đoàn thể chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.	
9	Cơ sở vật chất và các phương tiện phục vụ giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên chưa đáp ứng.	
10	Chưa xây dựng được ý thức tự giáo dục, tập thể sinh viên tự quản.	
11	Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên còn mang tính hình thức, chưa khách quan.	
12	Tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường.	
13	Môi trường văn hoá sư phạm còn nhiều bất cập.	
14	Công tác khen thưởng, kỉ luật chưa kịp thời, công khai, minh bạch.	

Câu 11: Quý thầy (cô) đã làm gì để giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên? Xin cho biết hiệu quả của các việc làm đó.

.....
.....
.....

Câu 12: Ý kiến góp ý của quý thầy/ cô nhằm giúp cho hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non được nâng cao hơn trong thời gian tới(nếu có).

.....
.....
.....

Cuối cùng xin thầy (cô) vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

1. Công việc hiện tại: Quản lý Giảng dạy

2. Thâm niên công tác:năm

Phụ lục 5

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho GV, CBQL)

Với mục đích nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk, qua công trình nghiên cứu tác giả đã đề xuất được 7 biện pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành GDMN trong thời gian tới. Tuy nhiên 7 biện pháp được đề xuất chủ yếu vẫn dựa trên ý kiến của nhà nghiên cứu, do đó để kiểm tra tính cần thiết, tính khả thi của các biện pháp chúng tôi rất cần sự hợp tác, sự đánh giá khách quan của quý thầy cô. Kính mong quý thầy Cô giúp đỡ bằng cách đánh dấu x vào mức độ mà Thầy/ Cô cho là phù hợp nhất ở các câu hỏi trong phiếu thăm dò.

Xin chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của thầy (cô)!

Câu 1: Xin cho biết ý kiến của các Thầy/ Cô về sự cần thiết của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV ngành Giáo dục Mầm non trường CĐSP Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay.

STT	Biện pháp	Mức độ		
		Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết
1	Chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2023 theo hướng tích hợp, lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình dạy học.			
2	Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong nhà trường.			
3	Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của cố vấn học tập, giảng viên giảng dạy các học			

	phần, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp.			
4	Thành lập tổ tư vấn tâm lý cho sinh viên về học tập và định hướng, phát triển nghề trong tương lai.			
5	Nâng cao ý thức tự giác học tập, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên			

Câu 2: Xin cho biết ý kiến của các Thầy/ Cô về tính khả thi của các biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay.

STT	Biện pháp	Mức độ		
		Rất khả thi	Ít khả thi	Không khả thi
1	Chỉnh sửa, hoàn thiện đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2023 theo hướng tích hợp, lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình dạy học.			
2	Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trong nhà trường.			
3	Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của cố vấn học tập, giảng viên giảng dạy các học phần, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trong công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp.			
4	Thành lập tổ tư vấn tâm lý cho sinh viên về học tập và định hướng, phát triển nghề trong tương lai.			
5	Nâng cao ý thức tự giác học tập, tu dưỡng và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên.			

Cuối cùng xin thầy (cô) vui lòng cho biết đôi điều về bản thân:

3. Công việc hiện tại: Quản lý Giảng dạy
4. Bộ môn giảng dạy: Tâm lý-giáo dục Khoa học Mác-Lênin Chuyên ngành
5. Công việc đã làm: Hướng dẫn TTSP Chủ nhiệm lớp
6. Thâm niên công tác:năm